

Này A-nan, ba hạng người nói ở trước, hạng thứ nhất đạt được pháp thanh tịnh, hạng thứ hai có pháp hoại diệt, hạng thứ ba khi thân hoại mạng chung chắc chắn đọa vào cõi ác, sống trong địa ngục. Ba hạng người Ta nói sau đó, hạng người thứ nhất có pháp hủy diệt, hạng thứ hai có pháp thanh tịnh, hạng thứ ba ngay trong đời này chứng đắc Bát Niết-bàn.

Này A-nan, Ta đã giảng nói về căn tướng của bậc Đại nhân. Như Đấng Thế Tôn thương yêu đệ tử, muốn được lợi ích, Ta đã nói cho thầy nghe. Nay thầy phải ở chỗ vắng vẻ, ngồi bên gốc cây mà thiền định, tư duy chớ nên buông thả tâm ý, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời nêu giảng của Ta. Đó là lời giáo huấn, trao truyền của Ta.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Đức Thế Tôn dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

□

## SỐ 59

## PHẬT NÓI KINH CHƯ PHÁP BỐN

*Hán dịch: Đời Ngô, Uu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nhục chi.*

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy lắng nghe Ta giảng nói về căn bản của các pháp.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Dạ vâng.

Đức Thế Tôn nói:

– Nếu có hàng ngoại đạo theo học thuyết khác đến hỏi các thầy: “Nguồn gốc của các pháp là gì?”, các thầy phải trả lời với họ: “Các pháp lấy dục làm gốc”. Nếu họ lại hỏi:

– Lấy gì làm tập khởi (*nguyên nhân*)?

– Lấy cánh (*xúc*) làm tập khởi.

– Lấy gì làm đồng thú (*dẫn phát triển*)?

– Lấy thống (*thợ*) làm đồng thú.

– Lấy gì để có hiện hữu?

– Lấy niệm để có hiện hữu.

– Lấy gì làm minh đạo?

– Lấy tư duy làm minh đạo.

– Lấy gì làm đệ nhất?

– Lấy tam-muội làm đệ nhất.

– Lấy gì làm tối thượng?

– Lấy trí tuệ làm tối thượng.

- Lấy gì làm chắc thật?
- Lấy Giải thoát làm chắc thật.
- Lấy gì làm cứu cánh?
- Lấy Nê-hoàn làm cứu cánh.

Này các Tỳ-kheo, như vậy dục là gốc của các pháp, cánh (*xúc*) là tập (*nguyên nhân sinh khởi*) của các pháp, thống (*thọ*) là đồng thú của các pháp, Niệm là sự hiện hữu của các pháp, tư duy là minh đạo của các pháp, tam-muội là đệ nhất của các pháp, trí tuệ là tối thượng của các pháp, giải thoát là sự chắc thật của các pháp, Nê-hoàn là cứu cánh của các pháp.

Các Tỳ-kheo nên học hỏi, tu tập như vậy, thường nên có niệm tưởng về sự xuất gia học đạo, tưởng niệm về sự phi thường (*vô thường*), tưởng niệm về vô thường nên khổ, tưởng niệm về khổ nên phi thân (*vô ngã*), tưởng niệm về các thức ăn ô uế, tưởng niệm về sự bất tịnh, tưởng niệm về sự chết, tưởng niệm về tất cả thế gian không có gì vui thích, tưởng niệm để biết sự tà chánh của thế gian, tưởng niệm về sự phân biệt có, không của thế gian, sự tập khởi, sự chấp giữ, điều hoan lạc, sự chuyển biến, và nẻo hướng tới của thế gian. Hãy nên học như vậy, dùng chánh kiến để biết rõ.

Các Tỳ-kheo suy niệm như vậy để đoạn ái, bỏ dục, thâm nhập trí tuệ chân chánh, đạt được biên vực tận cùng của khổ.

Đức Phật giảng nói như vậy xong, các Tỳ-kheo hãy đều hoan hỷ phụng hành.



## SỐ 60

# PHẬT NÓI KINH CÙ-ĐÀM-DI KÝ QUẢ

*Hán dịch: Đời Lưu Tống, Đại sư Tuệ Giản.*

Nghe như vậy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở trong vườn Ni-câu-lư, thuộc thành Ca-duy-la-vệ, vùng Thích-ky-sáu, cùng chúng đại Tỳ-kheo thọ tuế (*an cư*). Bấy giờ di mẫu của Phật là Cù-đàm-di đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đến nơi đánh lẽ ngang chân Đức Phật, xong đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc bốn quả của bậc Sa-môn được chăng? Nữ nhân có thể ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo được chăng?

Đức Thế Tôn nói:

–Thôi đi! Nay Cù-đàm-di, không nên nói như vậy. Nữ nhân không nên ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo được. Nay Cù-đàm-di, nữ nhân không thể cạo tóc, khoác áo ca-sa, nguyện suốt đời thực hành phạm hạnh thanh tịnh.

Khi ấy di mẫu Cù-đàm-di bị Đức Thế Tôn ngăn cản, nên đánh lẽ nơi chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh Đức Thế Tôn rồi trở về.

Lúc đó các Tỳ-kheo lo may sửa lại y cho Đức Thế Tôn. Không bao lâu Đức Thế Tôn đến Thích-ky-sáu để thọ tuế. Trải qua ba tháng thọ tuế và khi y đã được may xong, Ngài khoác y, ôm bát du hành trong nhân gian.

Di mẫu Cù-đàm-di nghe biết các sự việc vừa kể nên lại đi đến

chỗ Đức Thế Tôn, đến rồi cung kính đánh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, đứng qua một bên, thưa:

—Bạch Thế Tôn, có thể nào khiến cho nữ nhân tu tập chứng đắc bốn quả của bậc Sa-môn chăng? Như thế, nữ nhân có thể ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, từ bỏ gia đình mà học đạo được chăng?

Đức Thế Tôn lại nói:

—Thôi đi! Ngày Cù-dàm-di, đừng nói như vậy. Nữ nhân không nên ở trong pháp luật này vui thích xuất gia, từ bỏ gia đình, học đạo, cạo tóc, mặc áo ca-sa, nguyện suốt đời tu hành phạm hạnh thanh tịnh.

Khi ấy di mẫu Cù-dàm-di bị Đức Thế Tôn ngăn cản lần thứ hai về việc xin cho người nữ xuất gia bèn đánh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh rồi ra về.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở Thích-ky-sấu đã thọ tuế (an cư) sau ba tháng xong, y đã mang sửa rồi nên Ngài khoác y, ôm bát và tiếp tục du hành trong nhân gian.

Di mẫu Cù-dàm-di đã nghe tin như vậy liền cùng các nữ nhân lớn tuổi đi theo sau Đức Thế Tôn. Lúc đó Đức Thế Tôn thứ lớp du hành đến Na-bà-đề, ngài dừng chân ở Na-bà-đề, Kỳ-ni-xá. Di mẫu Cù-dàm-di bèn đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đến nơi đánh lễ ngang chân Thế Tôn, rồi đứng qua một bên, thưa:

—Bạch Thế Tôn, có phương pháp nào để giúp cho nữ nhân chứng đắc bốn quả của bậc Sa-môn chăng? Như vậy, nữ nhân có thể ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, từ bỏ gia đình học đạo được chăng?

Đức Thế Tôn nói lại lần thứ ba:

—Thôi đi! Ngày Cù-dàm-di, không thể như vậy. Nữ nhân không được ở trong pháp luật này xuất gia, từ bỏ gia đình mà học đạo, cạo tóc, mặc áo ca-sa, nguyện suốt đời hành phạm hạnh thanh tịnh.

Khi ấy di mẫu Cù-dàm-di bị Thế Tôn từ chối đến lần thứ ba thỉnh nguyện cho người nữ xuất gia của mình, nên đánh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh rồi đi ra.

Lúc đó di mẫu Cù-dàm-di chân tay lấm lem, trên người dính đầy bụi bặm, dáng vẻ mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu, khóc lóc. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy bèn đi đến gần, hỏi:

— Cù-dàm-di, vì lý do gì mà tay chân lấm lem, khắp người dính đầy bụi bặm, dáng vẻ mệt mỏi, lại đứng ở đây khóc lóc như vậy?

Cù-đàm-di nói:

–Thưa Tôn giả A-nan, nữ nhân không được ở trong pháp luật này, không được tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình, học đạo.

Tôn giả A-nan nói:

–Này Cù-đàm-di, hãy đứng ở đây, để tôi đi đến chỗ Đức Thế Tôn và thưa việc này cho.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ nơi chân Thế Tôn xong, đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể tu Phật chứng đắc bốn quả của bậc Sa-môn chăng? Do đó, nữ nhân có thể ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, bỏ nhà học đạo được chăng?

Đức Thế Tôn dạy:

–Này A-nan, thôi đi đừng nói nữa! Nữ nhân không được ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, từ bỏ gia đình mà học đạo. Ngày A-nan, nếu nữ nhân được ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo thì phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài. Ngày A-nan, ví như gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thì gia đình ấy có hưng thịnh lên không?

–Bạch Thế Tôn, không thể.

–Cũng vậy, ngày A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, từ bỏ gia đình học đạo thì phạm hạnh sẽ không được tồn tại lâu dài. Ngày A-nan, giống như nơi ruộng lúa đang hồi trổ bông, nửa chừng thì bị mưa đá làm cho tổn hại. Đám ruộng tốt ấy nhân vì mưa đá nên bị hư hại. Cũng vậy, ngày A-nan, nếu có nữ nhân ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo thì phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài.

Tôn giả A-nan lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, di mẫu Cù-đàm-di đã đem lại lợi ích cho Thế Tôn. Sau khi thân mẫu Thế Tôn qua đời thì Cù-đàm-di đã đảm đương công việc chăm sóc, nuôi dưỡng Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dạy:

–Đúng vậy, ngày A-nan, di mẫu Cù-đàm-di đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích. Khi thân mẫu của Ta mang chung, thì bà đã dùng sữa của bà để nuôi lớn Ta. Nhưng ngày A-nan, Ta cũng đã đem lại nhiều lợi ích cho di mẫu Cù-đàm-di. Nhờ Ta mà bà quy y Phật, quy y Pháp và quy y

Tỳ-kheo Tăng, không nghi ngờ đối với Phật pháp, không nghi ngờ đối với chúng Tăng, không nghi ngờ đối với bốn pháp Khổ, Tập, Tận, Đạo, đầy đủ tín tâm, giới cấm, hiểu biết, bố thí, đầy đủ trí tuệ, đoạn trừ nghiệp sát, xa lìa nghiệp sát, dứt trừ nghiệp không cho mà lấy, tà dâm, vọng ngôn, cho đến trừ bỏ việc uống rượu, xa lìa việc uống rượu. Nay A-nan, nếu có người nhờ người khác mà được quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo Tăng, không nghi ngờ Phật, không nghi ngờ Pháp, không nghi ngờ Tỳ-kheo Tăng, không nghi ngờ đối với các pháp Khổ, Tập, Tận, Đạo, đầy đủ tín tâm, giới cấm, hiểu biết, bố thí, đầy đủ trí tuệ, đoạn trừ nghiệp sát, xa lìa nghiệp sát, trừ nghiệp không cho mà lấy, tà dâm, vọng ngôn, cho đến trừ bỏ việc uống rượu, xa lìa việc uống rượu. Nay A-nan, khác nào như người này suốt đời cúng dường cho người kia y phục, giường chõng, thuốc thang chữa bệnh lúc đau ốm, mà chẳng lẽ người kia lại không bão ân sao?

Lại nữa, này A-nan, nữ nhân phải phụng hành tám trọng pháp này và không được vi phạm. Nữ nhân phải suốt đời phụng trì giới này. Nay A-nan, cũng như người đánh cá giỏi hay đệ tử của ông ta vào trong nước sâu để thả lưới, phải đắp đập ngăn chặn để giữ nước không cho chảy ra ngoài. Cũng vậy, này A-nan, nữ nhân phải phụng hành tám trọng pháp, không được vi phạm. Nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời. Tám giới đó là những gì?

Nay A-nan, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới cụ túc nơi Tỳ-kheo. Nay A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ nhất. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Nay A-nan, Tỳ-kheo-ni mỗi nửa tháng phải đến thọ lễ tiết (*thọ giáo*) nơi Tỳ-kheo. Nay A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ hai. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Nay A-nan, nếu ở nơi chốn không có Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo-ni không được thọ an cư. Nay A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ ba. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Nay A-nan, Tỳ-kheo-ni sau khi thọ an cư phải đối trước hai bộ chúng thỉnh cầu chỉ rõ về ba sự thọ tuế: thấy, nghe và nghĩ. Nay A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ tư. Nữ nhân không

được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi thì Tỳ-kheo-ni không được thưa hỏi Tỳ-kheo về khế kinh, luật hoặc A-tỳ-dàm. Ngày A-nan, nếu Tỳ-kheo cho phép thì Tỳ-kheo-ni mới được thưa hỏi Tỳ-kheo về khế kinh, luật hoặc A-tỳ-dàm. Ngày A-nan, đó là ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ năm. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni không được phép nói về điều trái phạm thấy, nghe và nghi của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quyền nói điều trái phạm về thấy, nghe và nghi của Tỳ-kheo-ni. Ngày A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ sáu. Nữ nhân không được vi phạm, nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì phải đối trước hai bộ chúng hành pháp bất mạn trong vòng mười lăm ngày. Ngày A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ bảy. Hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy khiến nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới cụ túc đến một trăm năm, nhưng đối với một vị Tỳ-kheo mới thọ giới cụ túc vẫn phải tôn lễ bái, phải cung kính, vâng lời. Ngày A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ tám. Hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy khiến nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, đó là Ta đã vì nữ nhân tuyên bố tám trọng pháp. Hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy khiến nữ nhân phải phụng trì giới này suốt đời.

Này A-nan, nếu di mẫu Cù-đàm-di phụng trì tám trọng pháp ấy thì được ở trong pháp luật này học đạo, được thọ giới cụ túc làm Tỳ-kheo-ni.

Tôn giả A-nan nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy như vậy xong khéo nhận lãnh, ghi nhớ, đánh lěn nơi chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh rồi lui ra đến chỗ di mẫu Cù-đàm-di, nói với di mẫu:

– Được rồi! Ngày Cù-đàm-di, nữ nhân đã được phép ở trong pháp luật này tin vui xuất gia, từ bỏ gia đình học đạo. Ngày Cù-đàm-di, Đức Thế Tôn nói như vậy: “Nữ nhân phải thực hành tám trọng pháp, không được vi phạm, nữ nhân phải suốt đời giữ giới này”. Những gì là tám?

Này Cù-dàm-di, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới cụ túc nơi Tỳ-kheo. Ngày Cù-dàm-di, đó là Đức Thế Tôn vì nữ nhân mà tuyên bố trọng pháp thứ nhất, hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy phụng trì giới này suốt đời. Cho đến ngày Cù-dàm-di, Tỳ-kheo-ni dù thọ giới cụ túc giới một trăm năm, nhưng đối trước Tỳ-kheo mới thọ giới cụ túc vẫn phải cung kính lễ bái, vâng lời. Ngày Cù-dàm-di, đó là Đức Thế Tôn đã vì nữ nhân tuyên bố trọng pháp thứ tám. Hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy khiến nữ nhân suốt đời giữ giới này.

Này Cù-dàm-di, đó là Đức Thế Tôn vì nữ nhân tuyên bố tám trọng pháp. Hãy khiến nữ nhân không được vi phạm, hãy khiến nữ nhân suốt đời thọ trì giới này. Ngày Cù-dàm-di, nếu có thể phụng trì tám trọng pháp này thì nữ nhân sẽ được ở trong pháp luật này học đạo, thọ giới cụ túc làm Tỳ-kheo-ni.

Di mẫu Cù-dàm-di thưa:

—Đúng vậy! Ngày Tôn giả A-nan, hãy nghe tôi nói một ví dụ, người trí tuệ nghe ví dụ liền hiểu rõ ý nghĩa. Thưa Tôn giả A-nan, ví như có người nữ thuộc dòng Sát-lợi, người nữ thuộc dòng Bà-la-môn, người nữ con nhà thợ thuyền, người nữ thường dân, tẩm gội sạch sẽ, lấy hương xoa nơi thân thể, mặc y phục mới. Có người nghĩ như vậy: “Ta thương yêu nàng, muốn cho nàng được lợi ích, muốn nàng được an ổn”, liền đem tràng hoa sen xanh, tràng hoa Chiêm-bặc, tràng hoa Bà-sư, tràng hoa A-dề-mâu-đa trao tặng cho nàng. Thiếu nữ ấy nhận lãnh cả hai tay, đem cài lên đầu mình. Cũng vậy, thưa Tôn giả A-nan, Đức Thế Tôn đã vì người nữ mà nêu giảng rõ tám trọng pháp này, tôi nguyện suốt đời nhận lãnh và thọ trì.

Tôn giả A-nan nói:

—Này di mẫu Cù-dàm-di, hãy ở trong pháp luật này học đạo, thọ giới cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni.

Cù-dàm-di vui mừng thọ nhận, phụng hành. Sau đó di mẫu Cù-dàm-di trở thành vị đại Tỳ-kheo-ni cùng với các vị trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo-ni đồng tu phạm hạnh đã lâu, lúc ấy cùng đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đến nơi, cung kính đánh lễ rồi đứng qua một bên. Di mẫu Cù-dàm-di thưa với Tôn giả A-nan:

—Thưa Tôn giả A-nan, các vị Tỳ-kheo-ni này là bậc trưởng lão thượng tôn, đều tu hành phạm hạnh lâu năm. Còn các Tỳ-kheo kia nhỏ

tuổi, mới xuất gia học đạo, vào trong pháp luật này chưa bao lâu. Mong rằng các Tỳ-kheo này đối với các Tỳ-kheo-ni là những trưởng lão phải cung kính, vâng lời.

Tôn giả A-nan nói:

-Được rồi, này Cù-đàm-di. Để tôi đi đến chỗ Đức Thế Tôn thưa hỏi việc này.

Cù-đàm-di thưa:

-Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan:

Bấy giờ Tôn giả A-nan đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ đứng qua một bên, thưa:

-Bạch Thế Tôn, hôm nay Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di cùng các Tỳ-kheo-ni đều là bậc trưởng lão, thượng tôn cùng tu phạm hạnh, đi đến chỗ con. Đại Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di thay mặt họ nói với con: “Thưa Tôn giả A-nan, nên biết các Tỳ-kheo-ni này là bậc trưởng lão thượng tôn đồng tu phạm hạnh lâu năm, còn các Tỳ-kheo kia là những người trẻ tuổi mới xuất gia, học đạo ở trong pháp luật này chưa bao lâu. Vậy hãy bảo các Tỳ-kheo kia đối với các trưởng lão Tỳ-kheo-ni này xem như bậc trưởng lão mà đánh lễ, vâng lời”.

Đức Thế Tôn nói:

-Thôi đi! Này A-nan, hãy gìn giữ lời nói này, chờ nói lại điều ấy nữa. Này A-nan, hãy biết như điều Ta biết, một điều cũng không thể bỏ được, huống gì lại nói những lời ấy.

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì các Bà-la-môn, cư sĩ sẽ lấy áo trải trên đất mà nói: “Này các Sa-môn có giới hạnh, chư vị có thể đi lên trên này. Thưa các Sa-môn tinh tấn, chư vị đã làm việc khó làm khiến cho chúng tôi mãi mãi đạt được sự lợi ích giá trị”.

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì các Bà-la-môn, cư sĩ sẽ đem tóc nơi đầu mình trải trên đất mà nói: “Thưa các Sa-môn, chư vị hãy đi lên trên này. Sa-môn trì giới hạnh hết sức khó khăn khiến cho chúng tôi mãi đạt được ý nghĩa lợi ích”.

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì các Bà-la-môn, cư sĩ sẽ đứng bên đường, hai tay bưng đầy thức ăn và nói: “Thưa chư Hiền, xin thọ

nhận món ăn này, tùy ý mà thọ dụng để cho chúng tôi mãi mãi đạt được an ổn, ý nghĩa và lợi ích”.

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì các Bà-la-môn, cư sĩ sẽ tin tưởng các Sa-môn giới hạnh, lấy tay dùi đỡ vào nhà, đem các vật dụng ra cúng dường và nói: “Tùy ý chư Hiền thọ dụng vật dụng này khiến cho chúng con mãi mãi được an ổn, ý nghĩa và lợi ích”.

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì dù cho mặt trời, mặt trăng này có oai thần lớn, có năng lực lớn nhưng đối trước sức quang minh của vị Sa-môn giữ giới kia vẫn không thể sánh bằng, huống chi là đối với các hàng ngoại đạo theo học thuyết khác đầy những sai lạc tà vạy thì làm sao sánh kịp.

Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong pháp luật này, tin vui xuất gia, lìa bỏ gia đình học đạo, thì chánh pháp sẽ tồn tại đến ngàn năm. Thế nhưng bây giờ đã mất hết năm trăm năm, chỉ còn lại có năm trăm năm.

Này A-nan, có năm việc nữ nhân không thể làm được là nữ nhân không thể thành Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, không thể làm Thiên đế Thích, không thể làm Ma vương hay Đại Phạm thiên. Nhưng có năm việc mà nam nhân có thể làm được. Đó là nam nhân có thể thành Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, Thiên đế Thích, Ma vương hay Đại Phạm thiên, điều này chắc chắn có thật.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả A-nan nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy xong, hoan hỷ thọ nhận.



## SỐ 61

**KINH THỌ TÂN TUẾ**

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ  
người nước Đại Nhục chi.*

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nơi vườn Đông Uyển lộc mẫu thuộc nước Xá-vệ, cùng với đông đủ chúng năm trăm vị Đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn, vào ngày rằm tháng bảy, trải tọa cụ nơi khoảng đất trống, có các Tỳ-kheo Tăng trước sau vây quanh. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ngay bây giờ ở nơi khoảng đất trống này, Tôn giả hãy gấp đánh kiền chùy cho đại chúng biết. Vì sao vậy? Vì hôm nay là ngày rằm tháng bảy, chính là ngày thọ tân tuế.

Khi ấy Tôn giả A-nan gói bên phải quỳ sát đất, chắp tay, đọc bài kệ:

*Bậc Tịnh Nhãn tối thương  
Mọi việc đều tỏ tường  
Trí tuệ không nhiễm đắm  
Thế nào là thọ tuế?*

Đức Thế Tôn trả lời Tôn giả A-nan:

*Thọ tuế: ba nghiệp tịnh  
Thân, miệng, ý tạo tác  
Hai Tỳ-kheo đối nhau  
Tự phơi bày làm lõi.*

*Rồi tự xưng tên tuổi  
Hôm nay chúng thọ tuế  
Tôi cũng tịnh ý thọ  
Chỉ mong thấy lỗi lầm.*

Tôn giả A-nan dùng kệ hỏi nghi thức thọ tuế:

*Hằng sa Phật quá khứ  
Bích chi và Thành văn  
Pháp các Phật như vậy  
Hay chỉ có Thích-ca?*

Thế Tôn đáp:

*Hằng sa Phật quá khứ  
Đệ tử tâm thanh tịnh  
Đều là pháp chư Phật  
Đâu chỉ Thích-ca Văn.  
Bích chi không pháp này  
Không hạ lạp, đệ tử  
Một mình không bạn lữ  
Không giảng cho kẻ khác.  
Phật Thế Tôn đương lai  
Nhiều hằng hà sa số  
Họ cũng thọ tuế này  
Như nay pháp Cù-dàm.*

Tôn giả A-nan nghe lời này xong hết sức vui mừng, liền lên giảng đường tay cầm kiền chùy và nói như vầy:

— Nay tôi đánh lên tiếng trống tín tâm của Đức Như Lai, các chúng đệ tử hiện có của Đức Như Lai thấy đều vân tập.

Khi ấy Tôn giả A-nan lại nói bài kệ:

*Hàng phục sức ma oán  
Diệt trừ sạch kết sử  
Nơi đây đánh kiền chùy  
Tỳ-kheo nghe tụ hội  
Những ai muốn nghe pháp  
Vượt qua biển sanh tử*

*Nghe tiếng vi diệu này  
Thảy đều mau vân tập.*

Tôn giả A-nan đánh kiền chày xong, bèn đi đến chỗ Đức Thế Tôn đánh lễ, rồi đứng qua một bên, thưa:

– Nay đã đúng lúc, cúi mong Đức Thế Tôn có điều gì dạy bảo chúng con.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

– Các vị hãy theo thứ lớp ngồi xuống, Như Lai tự biết thời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi trên tòa cỏ nói với các Tỳ-kheo:

– Tất cả các vị hãy ngồi trên tòa cỏ.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Lúc ấy các Tỳ-kheo đều ngồi xuống tòa cỏ. Đức Thế Tôn im lặng quan sát các Tỳ-kheo xong, liền bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta muốn thọ tân tuế. Ta không có lỗi lầm gì đối với mọi người chăng? Ta chẳng có phạm lỗi lầm gì về thân, khẩu, ý chăng?

Đức Như Lai nói như vậy xong, các Tỳ-kheo đều im lặng. Đức Như Lai ba lần bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta muốn thọ tuế, song ta không có lỗi lầm gì với mọi người chăng?

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất từ tòa ngồi đứng dậy, quỳ thẳng, chắp tay bạch Đức Thế Tôn:

– Các chúng Tỳ-kheo quán sát về thân, khẩu, ý của Đức Như Lai không thấy có lỗi lầm gì cả. Vì sao? Vì hôm nay Đức Thế Tôn đối với những người chưa độ thì đã hứa độ, những người chưa giải thoát thì khiến họ được giải thoát, những người chưa chứng đắc Niết-bàn thì làm cho họ được chứng đắc Niết-bàn, những người chưa được cứu giúp thì được cứu giúp, những người tăm tối thì khiến trở nên sáng suốt. Ngài là Bậc Y Vương đối với những người bệnh, là Bậc Tối Tôn trong ba cõi, không ai có thể sánh kịp, là Bậc Tối Tôn Tối Thượng. Ai chưa phát khởi tâm Bồ-đề thì Ngài làm cho họ phát tâm Bồ-đề, những người chưa tỏ ngộ thì khiến cho được tỏ ngộ, ai chưa được nghe chánh pháp thì tạo phương tiện để cho họ được nghe. Kẻ mê muội thì Ngài chỉ cho họ con đường tắt để đưa họ đến chánh pháp. Do những nhân duyên đó, nên Đức Như Lai không có lỗi lầm gì đối với mọi người, cũng không có lỗi

lầm gì về thân, khẩu, ý của chính mình cả.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Đức Thế Tôn:

—Nay con cũng hướng về Đức Như Lai để tự nêu bày. Vậy con có lỗi lầm gì đối với Đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo không?

Đức Thế Tôn bảo:

—Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nay Tôn giả hoàn toàn không có những hành vi phi pháp về thân, khẩu, ý. Vì sao vậy? Vì nay Tôn giả được trí tuệ không ai sánh kịp. Tôn giả có nhiều loại trí tuệ: trí tuệ vô lượng, trí tuệ vô biên, trí tuệ không ai sánh bằng, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ sắc bén, trí tuệ thâm diệu, trí tuệ bình đẳng. Tôn giả lại ưa thích pháp thiểu dục, tri túc, có nhiều phương tiện, tâm niệm không sai lầm, tán loạn, đạt được tam-muội tổng trì, thấu rõ cội nguồn của giới cụ túc, thành tựu tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, thành tựu sự dũng mãnh khác thường, có thể nhẫn chịu những điều gièm pha, biết rõ điều ác là phi pháp, tâm tánh thuần hậu, từ tốn, không làm điều xấu ác sai trái, giống như vị Thái tử thứ nhất của Chuyển luân Thánh vương sẽ nối ngôi của vua cha, quay tiếp bánh xe báu. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng lại như vậy, sẽ chuyển bánh xe chánh pháp thanh tịnh vô thượng mà chư Thiên, người đời và loài Rồng, Quỷ thần hoặc Thiên ma không thể làm được. Nay những điều Tôn giả đã nói luôn hợp như pháp, chưa từng trái với chân lý.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

—Năm trăm Tỳ-kheo này đều được thọ tuế. Năm trăm vị Tỳ-kheo này phải chẳng đều không có lỗi lầm gì đối với Đức Như Lai?

Đức Thế Tôn bảo:

—Ta cũng không có quở trách gì về hành động nơi thân, khẩu, ý của năm trăm Tỳ-kheo này. Vì sao vậy? Này Tôn giả Xá-lợi-phất, đại chúng này thật hết sức thanh tịnh, không có các tỳ vết ô uế. Nay trong chúng này vị hạ tọa nhỏ nhất cũng đạt được đạo quả Tu-dà-hoàn, chắc chắn sẽ tiến lên và đạt pháp bất thoái chuyển. Do đó nên Ta không có gì phiền trách về đại chúng này.

Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xà ở trong đại chúng liền từ tòa ngồi đứng dậy, đến trước Đức Thế Tôn, cung kính đánh lễ nơi chân Đức Phật và thưa:

—Nay con xin có điều luận bàn về việc này.

Đức Thế Tôn nói:

–Nếu Tôn giả có điều muốn nói thì thật đúng lúc.

Bằng-kỳ-xà liền ở trước Đức Phật tán thán Đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo Tăng, nói kệ:

*Ngày mười lăm thanh tịnh  
Năm trăm Tỳ-kheo họp  
Các trói buộc đều mở  
Không Ai cũng chẳng sanh  
Đại Thánh vương Chuyển luân  
Có quần thân vây quanh  
Cùng khắp cả thế giới  
Cõi trời và thế gian  
Vị đại tướng dẫn dắt  
Đạo sư của loài người  
Đệ tử thích nương tựa  
Được ba Đạt, sáu Thông  
Đều đúng là con Phật  
Đã sạch hết phiền não  
Đoạn trừ gai ái dục  
Hôm nay tự quy kính.*

Đức Thế Tôn chấp nhận những điều Bằng-kỳ-xà vừa nói. Khi ấy Bằng-kỳ-xà suy nghĩ: “Hôm nay Đức Như Lai đã chấp nhận những điều ta nói”, nên Tôn giả rất đỗi hoan hỷ, vui mừng không sao tả được, liền từ tòa đứng dậy, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi lui về chỗ ngồi của mình. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Người đệ tử khéo làm kệ tụng bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta chính là Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xà, nêu bày ra những lời không nghi nan, cũng chính là Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xà vậy.

Các Tỳ-kheo nghe Đức Phật giảng dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.



Xét kinh Thọ Tân Tuế này do Trúc Pháp Hộ dịch, bản của nước này, bản đời nhà Tống đều có biên chép. Trong Đan Tạng gọi là Thọ Tuế kinh, nhưng lại có sự sai biệt lớn so với kinh này. Nay dựa theo Khai Nguyên Lục để kiểm tra thì kinh của Đan Tạng đúng là nội dung của kinh Thọ Tuế. Tạng kinh của đời nhà Tống này cùng với nội dung của kinh Tân Tuế, văn thì khác nhưng nghĩa thì giống nhau, in tuồng như cùng một bản mà người khác dịch vậy. Song theo Khai Nguyên Lục thì cho kinh Tân Tuế chỉ có một người dịch, ý nghĩa thiếu sót, chưa rõ ràng. Nay muốn phân loại như vậy để chờ các bậc Hiền triết phán định cho nên đưa kinh này vào đây.

\*\*  
\*

## SỐ 62

# KINH TÂN TUẾ

*Hán dịch: Dời Đông Tấn, Sa-môn Trúc Đàm Vô Lan.*

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm tám vạn bốn ngàn vị hội đủ. Các Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiền-liên... trước sau vây quanh để nghe Đức Phật thuyết kinh. Đức Phật ở giữa chúng hội giống như núi Tu-di là vua của các hòn núi, một mình cao vời như trăng rằm sáng chói giữa đám sao trời, hào quang uy nghiêm tỏa khắp như vàng ròng sáng chói cả mặt đất, khiến tất cả đều có sắc vàng. Hơn hẳn, khác lạ, vòi voi, không gì có thể sánh được.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng đông đủ chúng Tỳ-kheo, thanh tịnh vô lượng, như bầu trời không có mây. Sau ba tháng kiết hạ an cư đã xong, nay đến ngày thọ Tân Tuế. Các vị Tỳ-kheo trong chúng đều an trú trong sự tĩnh lặng, tự tại, một lòng tư duy về đạo, yên định, không có tư tưởng gì khác.

Bấy giờ Hiền giả A-nan liền từ tòa ngồi đứng dậy, trích áo vai bên mặt, gối phải chạm sát đất, quỳ xuống chắp tay hướng đến trước, đánh lễ nơi chân Đức Phật, nói kệ tán thán:

*Đức Thế Tôn đến đây  
Với mục đích tế độ  
Ba tháng ở chốn này  
Vườn Kỳ-đà Cô độc  
Sở nguyện đã đầy đủ*

*Nay chính đã đúng lúc  
Đạo sư Vô đẳng luân  
Nên giảng pháp Tân tuế.*

Đức Thế Tôn nghe Hiền giả A-nan nói kệ tán thán Đức Phật là Bậc Vô Thượng Chánh Giác, xong Hiền giả A-nan bèn ngồi qua một bên. Đức Phật liền bảo Hiền giả Mục-kiền-liên:

-Hiền giả hãy đi khắp Tam thiên đại thiêng thế giới, cả những nơi non cao hang sâu vắng vẻ, những thạch thất trên đỉnh núi dùng âm thanh báo cho tất cả chúng Tỳ-kheo, các vị mới nhập đạo hay hàng cựu học, kể cả các vị chưa ngộ đạo, đều mời vân Tập đến khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc này. Vì sao vậy? Vì Đức Như Lai sắp thuyết giảng pháp Tân tuế.

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên liền phóng thẳng lên hư không, vâng theo thánh chỉ của Đức Phật, phát ra âm thanh lớn, loan báo khắp Tam thiêng đại thiêng thế giới được biết. Trong âm vang lan rộng ấy tự nhiên diễn ra bài kệ:

*Các vị ở khắp nơi  
Rừng sâu giữa núi đá  
Giờ Tân tuế đã đến  
Tâm nguyện sẽ thành tựu.*

Lúc đó các vị Tỳ-kheo hiện ở tại chỗ hay đang du hành khắp trong cõi Tam thiêng đại thiêng thế giới, nghe bài kệ báo tin này rồi, thì mọi người đều dùng thần túc hay tất cả phương tiện, biến hiện thân hình đi đến khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, tới trước chỗ Đức Phật xin thọ Tân tuế, rồi cùng đứng qua một bên. Đức Phật cho tập hợp các chúng đệ tử. Họ đều từ những nơi chốn quốc độ khác nhau đi đến, cùng lúc tụ hội gồm có tám mươi vạn bốn ức vị đều muốn thọ Tân tuế. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Hiền giả A-nan:

-Hiền giả hãy đến đánh lên tiếng kiền chùy vì nay đã đúng lúc.

Hiền giả A-nan vâng lời, từ tòa ngồi đứng dậy liền đánh kiền chùy, âm thanh vang khắp cõi Phật, từ cõi nước lớn của Phật, cho đến các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Những chốn này nghe tiếng kiền chùy ấy đều nhờ vào oai thần của Phật nên tất cả các thứ bệnh khổ, độc, thảy đều tiêu trừ, đều được an ổn. Khi ấy Đức Thế Tôn dùng

Phạm âm thanh tịnh nói với các Tỳ-kheo:

– Các Tỳ-kheo hãy đứng dậy đưa ra thẻ Kiểm tăng số (Xá-la-trù) để biết số lượng Tăng chúng hiện có. Tất cả chư vị đều cùng đối diện nhau để tự bày tỏ những điều sai lầm, tự trách mình, cùng nhau xin lỗi về những sai trái, về các thứ phi pháp đã vi phạm. Mọi người đều phải nhẫn nhục, hòa đồng, thanh tịnh nơi thân, miệng, tâm để không còn chút ô uế nào sót lại.

Các vị Tỳ-kheo liền vâng theo lời Phật dạy, đều từ tòa ngồi đứng dậy, đến trước Đức Thế Tôn, mỗi người đều cùng nhau tạ lỗi, sám hối những điều sai lầm xong, liền trở về lại chỗ cũ của mình.

Đức Phật nhận thấy chúng Tăng đều trở về chỗ cũ xong, Ngài liền rủ lòng thương xót, nhân đó từ tòa ngồi đứng dậy, tự chắp tay hướng về các vị Tỳ-kheo, nói:

– Nay các chúng Tỳ-kheo, hãy giữ tâm ý hòa thuận, cùng hướng vào nhau để sám hối những lỗi lầm. Vì sao vậy? Bởi vì thân, khẩu, ý của chúng ta thẳng hoặc có những lỗi lầm sai trái. Đức Như Lai là Bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có các lỗi lầm, không còn các nghiệp, lậu sai sót, tâm không phóng dật, không mất trí tuệ, không còn tham luyến, không hủy hoại giới cấm, đối với các bậc Thanh văn Duyên giác, tôn đức vượt hơn chư Thiên, dân chúng nơi thế gian, là Bậc Tối Thượng trong ba cõi không ai sánh bằng.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, như việc xuất gia học đạo, tu tập theo pháp của Sa-môn, mỗi người đều xuất phát từ tộc họ khác nhau, tâm tính khác nhau, chí nguyện không đồng, đối với sự nghiệp tu học theo Phật ở đây phải nỗ lực thực hiện, phải vâng theo sự dạy dỗ, không được vi phạm. Vì sao vậy? Nếu có Tỳ-kheo ở trong Thánh chúng Tân tuế, thân hạnh mỗi người mỗi khác, tâm niệm không giống nhau mà ôm lòng duệ nịnh cho rằng Tỳ-kheo kia không thọ nhận sự chân chánh, không đầy đủ giới pháp. Vì sao vậy? Vì thân, khẩu, ý thanh tịnh mới đúng là chân chánh, thọ nhận đầy đủ giới pháp của Phật, hết lòng cung kính, thuận theo các bậc thượng, trung, hạ, không ngạo mạn, buông lung, biết hổ thẹn, khiêm cung, mới phù hợp với giới pháp. Vì sao vậy? Những vị tu tập như vậy không có sự oán, ganh ghét, thù hận, quán xem pháp xưa nay không hề bị rối loạn, thực hành pháp Tân tuế cũng không có tâm sân hận, tự đại. Vì sao vậy? Vì giữ giới luật thanh tịnh,

nếu thực hành pháp Tân tuế, tạo lập giới pháp quan trọng mà không thanh tịnh thì không phải là đệ tử của Đức Phật.

Giống như người chết, thi hài để nơi đất, rồi đem vứt bỏ trong gò mả, dù cho chư Thiên, dân chúng nơi cõi trời hay ở thế gian đem thuốc hay, hoặc dùng thần chú, pháp thuật, với lòng thương tiếc muốn làm cho kẻ ấy sống lại cũng không thể được. Cũng vậy, Tỳ-kheo hủy phạm giới cấm, cho dù vẫn được ở trong đại chúng, dù có nhiêu Tân tuế cũng không thể tự cứu được để tạo thành Tân tuế. Vì sao vậy? Vì người ấy đã hủy hoại giới pháp tất nhiên phải bị quả báo nơi các cõi ác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chịu vô lượng nỗi thống khổ. Vậy các Tỳ-kheo phải nêu thận trọng.

Phật thuyết giảng pháp này xong liền từ tòa ngồi đứng dậy, bước ra khỏi nệm cỏ. Cùng lúc đó Tam thiền đại thiền thế giới hiện đủ sáu thứ chấn động. Các thứ đàn không, đàn hầu, kỹ nhạc không tấu mà tự nhiên phát ra âm thanh. Nơi hư không tuôn xuống như mưa các loại danh hương, tung rải đủ các thứ hoa. Khi Đức Phật giảng nói phẩm giới pháp này, bảo ban chỉ dạy chúng Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đều ở ngay nơi chỗ ngồi của mình, nhờ lời dạy chân chánh đầy uy thần của Phật, với vô số công đức sáng tỏ, tỏa chiếu rộng khắp, mỗi người đều tự đứng lên, trong tâm không còn ưa thích dục lạc, kể cả khi an tọa ở nơi đỉnh núi cao bên gốc cây, đều lấy đó làm vui. Lúc ấy tất cả chúng Tỳ-kheo đều từ tòa ngồi đứng dậy, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật cùng nói:

–Tất cả các pháp đều do Phật giảng nói, chỉ dạy. Bậc Thánh là gốc của đạo pháp, che chở tất cả bằng tấm lòng từ bi thương xót. Ngài là Bậc Tối Tôn Tối Thượng, thánh đức không gì hơn, siêu tuyệt, cao tột nêu rõ con đường giáo hóa muôn loài.

Khi ấy Đức Như Lai an nhiên, tự tại từ nơi chỗ tôn quý của mình hết lòng cảm tạ Thánh chúng, xót thương chúng sanh rồi trở về nệm cỏ. Đức Phật vừa an tọa xong, Thánh chúng cũng vậy, ai về chỗ này, lại ngồi xuống đúng như pháp. Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy đã đến giờ thọ tuế, thương xót nghĩ tới các chúng hội, nên ở trước chư vị Tỳ-kheo, ba lần tự nêu bày đã xong công việc hoàn tất. Năm Tỳ-kheo từ tòa ngồi đứng dậy tạo lập thực hiện pháp Tân tuế. Vừa thực hiện pháp Tân tuế xong thì có một vạn Tỳ-kheo đạt được quả

Đạo tích (*Tu-dà-hoàn*), tám ngàn Tỳ-kheo chứng đắc quả A-la-hán. Chư Thiên nơi hư không, tám vạn bốn ngàn vị đều được hóa độ, cùng phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, giảng nói kinh pháp không sao kể xiết, các loài chúng sanh đều hướng theo con đường tu tập của ba Thừa. Nay Phật từ bi thương xót, Bậc Chí Tôn luôn nghĩ đến muôn loài, an tọa giữa đại chúng, chỉ dạy con đường thoát khỏi sanh tử khổ đau, mười phương đều mong nhờ được cứu vớt.

Khi ấy Long vương Nan-đầu-hòa-nan, rời khỏi chỗ ở của mình, mang theo nước thơm Chiên-đàn, cùng nhiều loại hương thơm khác đi đến chỗ Đức Phật, đến nơi thọ Tân tuế, quy kính Đức Phật cùng Thánh chúng, cung kính đánh lễ nơi chân Phật, dùng hương thơm chiên-đàn cùng các loại hương thơm khác cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng, rồi đọc bài kệ tán thán:

*Dù ở trên đỉnh núi  
Ngồi dưới bóng cây râm  
Du hành nơi biển cả  
Tâm sanh mọi sân hận  
Đến rồi thọ Tân tuế  
Ưc đời chúng sanh họp  
Cúng dường, phụng thờ Phật  
Thành tựu nẻo giải thoát.*

Bấy giờ Hải Long vương đem theo ngọc trai quý màu đỏ, hóa làm lầu gác có màn trường che phủ xen tạp hết sức đẹp đẽ, dài rộng bốn trăm dặm do vàng ròng, lưu ly hợp thành, dùng tay nắm giữ, đi trên không trung, ra khỏi Long cung, theo lầu gác kia mà tới, dùng nước ao trong lành gồm đủ tẩm mùi vị rưới lên mặt đất, đem lầu gác có màn trường che phủ xen nhau kia dâng lên cúng dường Bậc Đại Thánh và chúng Tỳ-kheo Tăng, lấy ngọc Anh lạc tung rải lên chỗ Phật và Thánh chúng rồi nói kệ:

*Trong lặng như hư không  
Bậc Đẳng Nhất an nhiên  
Giới pháp luôn thanh tịnh  
Hơn ngọc báu minh châu.*

*Hằng hà sa số chúng  
An tọa ở nơi hội lớn  
Đều cúng đường an trụ  
Và các chúng Thanh văn.*

Bấy giờ, chư vị Bồ-tát, Trời, Rồng, Quỷ thần mười phương cùng đi đến tụ hội, hóa ra vô số các phẩm vật kỳ diệu để dâng lên cúng đường Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Tất cả đều cung kính đảnh lễ, thưa hỏi, thọ nhận giáo pháp cùng phát tâm cầu đạo Vô thượng Bồ-đề. Chư Thiên nhân đó đọc kệ tán thán:

*Tâm ý luôn thanh tịnh  
Đệ nhất, không nghĩ bàn  
Thánh chúng, hàng tôn quý  
An tọa trong hội này  
Lìa bỏ mọi vọng tưởng  
Khéo trừ các cầu uế  
Hôm nay xin cúng đường  
Với hết lòng cung kính  
Hóa độ cùng dẫn dắt  
Muôn loài dứt phiền não  
Giới pháp đã thanh tịnh  
Như ngọc báu minh nguyệt  
Tâm thường tư duy chánh  
Dứt mọi nhóm sân hận  
Hôm nay Bậc Ly Cẩu  
Tu hội lập Tân tuế  
Chỉ dạy nẻo điều phục  
Tuân phụng như Thái sơn  
Thường hành pháp vô ngại  
Phật lập pháp Tân tuế.*

Chư Thiên nói kệ xong, đảnh lễ nơi chân Đức Phật, rồi bỗng nhiên biến mất. Tất cả đều trở về cung điện của mình, thấy đều hoan hỷ, lấy chánh pháp làm nguồn vui.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bèn hiện ra bóng mặt lớn có các vật báu chen nhau để che cho Thánh chúng, rồi nói kệ:

*Giới hạnh thật thanh tịnh  
Việc làm khó theo kịp  
Hôm nay ban điều vui  
Khắp Tân tuế tỏa mát  
Dâng lên Bát An Trụ  
Giữ giới luôn thanh tịnh  
Như chim quý lông minh  
Uy Phật hộ Tân tuế.  
Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:*

–Nay Phật Thế Tôn tuy thực hiện pháp Tân tuế một năm một hội nhưng điều quan trọng là phải dốc tu tập theo đúng pháp thanh tịnh, luôn giữ gìn ba nghiệp thân khẩu ý không bị cấu uế, thực hành mười pháp thiện, bốn tâm vô lượng, sáu pháp Ba-la-mật, trừ bỏ sáu tình, ba độc, năm thứ ngăn che phủ lấp, mười hai sợi dây lôi kéo, ràng buộc, luôn thanh tịnh như mặt trời chiếu soi muôn cõi, ánh sáng tỏa khắp, bóng tối tiêu trừ, hội nhập vào biển trí tuệ của đạo pháp Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả đều hòa đồng, khổ vui không hai mới đúng là chánh pháp. Đức Phật bèn nói tụng:

*Chư Phật ra đời vui  
Nói kinh pháp cũng vui  
Thánh chúng hòa đồng vui  
Hòa luôn được an lạc.*

Đức Phật giảng nói như vậy, các chúng Tỳ-kheo, chư Thiên, Rồng, Quỷ thần, A-tu-luân, dân chúng nơi thế gian, nghe Đức Phật dạy không ai là không hoan hỷ, đánh lễ rồi lui ra.

*Thế Tôn du hành nơi Xá-vệ  
Vì các đệ tử giảng nói pháp  
Tất cả đều ở hội Kỳ thọ  
Nay Bát-hòa-lan (Tự tú) theo thường lệ  
Xá-lợi-phất chắp tay bạch Phật  
Mong Thế Tôn nói Bát-hòa-lan  
Khi ba cõi tôn xưng nói ra  
Làm pháp gì Tỳ-kheo tự tịnh?  
Xá-lợi-phất vì Ta trải cỏ*

*Nơi gốc cây ra sức trừ ma  
Nếu ai trải cỏ cũng như vậy  
Đời nay kẻ ấy phải thanh tịnh.*

*Như bậc Hiền giả ngồi  
Đó là vô sở úy  
Ngồi an lạc không dục  
Ba cõi được an ổn  
Kiết hạ nay đã xong  
Đó là đệ tử Phật.  
Hãy tự mình phân biệt  
Thương xót khắp thế gian  
Là tháng lớn trong năm  
Là biết Đệ nhất trí.  
Hãy tự bỏ thân hành  
Kiến đoạn bao nhiêu khổ  
Nói các tội phiền não  
Biết rõ vô số khổ.  
Là đặc Tu-dà-hoàn  
Nay làm Bát-hòa-lan  
Giảm tham dục, sân hận  
Cũng diệt trừ vô minh.  
Có thể đoạn sanh tử  
Cũng hết gốc não tướng  
Tự đến được cõi trời  
Hay sanh nơi nhân gian.  
Đó là được hai đường  
Nay làm Bát-hòa-lan  
Được sanh nơi cõi trời  
Thì không còn đọa lạc.  
Khi đã sanh lên trời  
Diệt hết các thú ái  
Pháp đệ nhất thế gian  
Tôn giả đã đạt được.  
Đó là được hai nẻo  
Nay nhờ Bát-hòa-lan*

*Tất cả ác, phiền não  
Đã hết, được giải thoát.  
Đã được bốn cam lô  
Đó là vô sở úy  
Đã diệt hết bóng tối  
Hướng về tất cả khổ  
Tâm nèo ấy hơn hết  
Nay làm pháp Tự tú.*

Đã xong một tháng liền được một trí, đến tháng thứ hai liền được hai trí, một lúc ba tháng liền được ba trí, vui thích ba trí, nay thực hiện pháp Bát-hòa-lan. Vì ấy đã trị lành bốn thứ ung nhọt, không còn sót, vượt qua đến bờ bên kia, được an ổn. Đã qua bốn tháng, dứt hết mọi đối tượng, công đức đã thành tựu nay là Bát-hòa-lan. Có thể hàng phục Long đầu, Nan-đầu, Hòa-la, Long vương, chấn động cả núi Tu-di và nước biển, cho đến cõi trời cũng đều bị chấn động. Nhóm của Tôn giả Mục-kiền-liên nay thực hiện pháp Bát-hòa-lan.

*Bát Tối Hiền tự giác  
Nên các xứ đã hết  
Là phước giúp thế gian  
Phật tự nói lời này.  
Thường độc hành dưới cây  
Vì thí dụ số đông  
Bích-chi-phật tối thượng  
Nay là ngày Tự tú  
Ba chốn không tham đắm  
Chúng vì ý thanh tịnh  
Ba thân đã ổn định  
Vốn đã lìa kiêu mạn.  
Tại ba cõi vô dục  
Được ý tịnh bất động  
An ổn như Tu-di  
Nay là ngày Tự tú.  
Đã hành bốn điều chánh  
Bốn đạo đã được định*

*Phật bảo Hiền giả ấy  
 Tăng phước đức mọi người.  
 Chỗ cúng thí tối an  
 Trọn không thể hư hoại  
 Phật được mọi trí tuệ  
 Nay là ngày Tự tú.  
 Trì giới đã đầy đủ  
 Mọi lực chẳng thể động  
 Pháp thực, y phục đủ  
 Thường ưa chốn núi rừng.  
 Đó là hạnh kiên cố  
 Đầy đủ không thiếu sót  
 Chỗ hành giả thanh tịnh  
 Nay là ngày Tự tú.  
 Trì giới trừ các ác  
 Chúng chấp tay, thọ pháp  
 Được tất cả hướng về  
 Các ma đều hàng phục.  
 Chư Thiên cùng thiện nhân  
 Khen ngợi giới cụ túc  
 Không còn thấy các ma  
 Nay là ngày Tự tú.*



## SỐ 63

# KINH GIẢI HẠ

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại tinh xá Trúc lâm, nơi vườn trúc Ca-lan-dà, thuộc thành Vương xá, cùng với năm trăm vị Bí-sô đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, trừ bỏ các gánh nặng, đã được tự lợi, sạch hết mọi thứ kết sử, tâm hoàn toàn giải thoát, chỉ có một vị Bí-sô vẫn còn ở địa vị hữu học. Đức Thế Tôn đã vì vị ấy thọ ký, khiến được thấy pháp, đắc pháp, sẽ chứng quả viên mãn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn an cư đã xong, khi sắp giải hạ, vào ngày rằm Ngài cùng chúng Bí-sô trải tòa mà ngồi. Khi hội chúng đã an tọa xong, Đức Phật bảo chúng Bí-sô:

–Nay Ta đã được phạm hạnh tịch tĩnh, đây là thân cuối cùng, dùng lạc vô thượng đoạn trừ các lậu. Đệ tử của Ta đối với các pháp đều đã thông đạt, cho nên hôm nay Ta giảng nói về pháp giải hạ. Nay các Bí-sô, ba nghiệp về thân, khẩu, ý của Ta trong mùa hạ này, các vị có thể chịu đựng được chăng?

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Đức Phật nói như vậy, liền từ tòa ngồi đứng dậy, trích áo vai bên phải, gối bên mặt quỳ sát đất, chắp tay hướng Đức Phật, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, như lời Phật dạy, nay con đã được phạm hạnh thanh tĩnh, cho đến các nghiệp nơi thân, khẩu, ý đều có thể nhẫn được. Chúng con biết thân, khẩu, ý của Đức Phật không hề có lỗi lầm. Các Bí-sô chúng con nay không có phiền trách gì về Đức Thế Tôn cả.

Vì sao vậy? Vì Phật Thế Tôn của chúng con đối với người khó điều phục thì Ngài có thể điều phục được, đối với người không biết dứt bỏ thì Ngài khéo cho họ dứt bỏ, với người không an ổn, Ngài khéo đem lại sự an ổn, kẻ chưa tịch tĩnh thì Ngài làm cho họ được tịch tĩnh. Như Lai khéo rõ chánh đạo, khéo giảng nói chánh đạo, khai thị chánh đạo, cho đến chúng con thích đạo quả giác ngộ của hàng Thanh văn, Phật khéo vì chúng con giảng dạy, khiến cho các Thanh văn theo đúng như lý tu hành chứng được Thánh quả. Cho nên chúng con đối với các pháp nơi thân, khẩu, ý của Phật Thế Tôn không có gì phiền trách cả.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất lại thưa:

—Bạch Thế Tôn, nay con đối với Đức Phật, nếu ba nghiệp nơi thân, khẩu, ý của con có điều gì bất thiện, cúi mong Đức Phật chỉ dạy.

Đức Phật bảo:

—Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nay ba nghiệp nơi thân, khẩu, ý của Tôn giả, Ta không có gì phiền trách cả. Vì sao vậy? Này Xá-lợi-phất, Tôn giả có đầy đủ giới pháp, hiểu biết rộng, thiểu dục, tri túc, đoạn trừ các phiền não, luôn dốc tinh tấn, an trụ nơi chánh niệm, đầy đủ các thứ trí tuệ: trí tuệ khéo nêu bày, trí tuệ học hỏi rộng, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ sắc bén, trí tuệ hướng tới sự giải thoát, trí tuệ thông đạt, trí tuệ thanh tịnh rộng khắp, trí tuệ thâm diệu, trí tuệ không gì hơn. Tôn giả đã gồm đủ các thứ trí tuệ quý giá như vậy nên có thể làm cho kẻ chưa thấy đạo thì được thấy, kẻ chưa điều phục thì được điều phục, kẻ chưa được nghe pháp thì thuyết pháp cho họ nghe, kẻ có nhiều sân hận thì khiến cho hoan hỷ, luôn vì bốn chúng giảng nói chánh pháp không hề mệt mỏi. Ví như con của bậc Kim luân vương thì được thọ pháp quán đảnh, kế thừa ngôi vị vua, theo pháp cai trị. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng như vậy, là con của Ta, thọ pháp quán đảnh kế thừa ngôi vị Pháp vương. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng như Ta, sẽ chuyển bánh xe pháp vô thượng, dứt trừ hết các lậu, chứng đắc giải thoát. Cho nên Tôn giả Xá-lợi-phất đối với ba nghiệp của mình, nay Ta công nhận là không có lỗi lầm.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Đức Phật đã chấp nhận, cung kính cúi đầu lạy tạ, lại thưa:

—Bạch Thế Tôn, như Đức Phật đã vì con mà chấp nhận ba nghiệp nơi con không có lỗi lầm, vậy nay đối với năm trăm vị Bí-sô trong hội

này, về các nghiệp nơi thân, khẩu, ý nếu có những điều gì bất thiện, cúi mong Đức Thế Tôn chỉ dạy.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ba nghiệp của năm trăm vị Bí-sô trong chúng này Ta cũng chấp nhận. Vì sao? Vì năm trăm vị Bí-sô đây đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng xuống, đã được tự lợi, đã hết các thứ kết sử, tâm hoàn toàn giải thoát, chỉ có một vị Bí-sô hiện còn ở địa vị hữu học, nhưng vị Bí-sô này Ta đã thọ ký rồi, sẽ thấy pháp, đắc pháp, chứng quả viên mãn. Nay Tôn giả Xá-lợi-phất, cho nên Ta đối với ba nghiệp của năm trăm vị Bí-sô này đều có thể chấp nhận cả.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, ba nghiệp của con và năm trăm vị Bí-sô đã được Đức Phật chấp nhận rồi. Nay con có điều chưa rõ nên xin thưa hỏi, cúi mong Phật Thế Tôn vì con mà phân biệt chỉ dạy. Bạch Thế Tôn, trong số năm trăm vị Bí-sô này, có bao nhiêu vị đạt được pháp Tam minh? Lại có bao nhiêu vị Bí-sô được Câu giải thoát, bao nhiêu vị đạt được Tuệ giải thoát?

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Trong năm trăm vị Bí-sô này có chín mươi vị Bí-sô đạt được pháp Tam minh, chín mươi vị Bí-sô được Câu giải thoát, các Bí-sô còn lại đều được Tuệ giải thoát. Nay Xá-lợi-phất, như vậy các Bí-sô này đã dứt hết các phiền não, đều an trú nơi chân thật.

Lúc đó, trong hội chúng có một Tôn giả tên là Phạ-nghī-xá, suy nghĩ như vậy: “Nay ta nên đối trước Đức Phật và chúng Bí-sô dùng kệ giải hạ để tán thán”. Tôn giả Phạ-nghī-xá nghĩ như vậy rồi bèn từ tòa ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, gối bên mặt quỳ xuống đất, chắp tay cung kính nói:

*Ngày mười lăm giải hạ  
Hành giới luật thanh tịnh  
Chúng Bí-sô năm trăm  
Đoạn hết mọi phiền não,  
Đã sạch hết các lậu  
Chứng đắc quả vị Thánh,  
Trong tịnh, ngoài điều phục*

*Giải thoát nén lìa hữu  
 Tận cùng nẻo sanh tử  
 Việc cần làm đã xong,  
 Đã đoạn trừ hết thảy  
 Vô minh và ngã mạn.  
 Phật của con tối thượng  
 Dứt các thứ tà niệm  
 Cùng các pháp hữu lậu  
 Khéo trừ bệnh khổ ái  
 Ái diệt không còn sanh,  
 Đại Sư Tử lìa thủ  
 Hết các sự sơ hãi.  
 Phật Thế Tôn của con  
 Ví như vua Kim luân  
 Ngàn người con vây quanh  
 Khéo trị bốn thiên hạ  
 Chế ngự khắp bốn biển,  
 Lại như người chiến thắng  
 Là điều ngự tối thượng,  
 Thanh văn được ba minh  
 Lìa sự chết cũng vậy  
 Phật tử cũng như thế  
 Chúng diệt không còn sanh.  
 Nay con lạy Pháp vương  
 Đại Nhật Tôn vô thượng.*

Tôn giả Phạ-nghĩ-xá nói xong thì trở lại chỗ ngồi. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cùng các Bí-sô nghe Đức Phật giảng nói về pháp giải hả, tâm ý hết sức vui mừng, tán thán, tín thọ phụng hành.



## SỐ 64

## KINH TỲ-KHEO CHIÊM-BÀ

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Thích Pháp Cụ.*

Nghe như vậy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại xứ Chiêm-bà, bên bờ hồ Hằng-già. Bấy giờ, vào ngày thứ mười lăm trong tháng là ngày thuyết giới, Đức Thế Tôn ngồi trước chúng Tỳ-kheo Tăng. Sau khi an tọa xong, Ngài quan sát tâm niệm của các Tỳ-kheo. Quán sát tâm niệm của các Tỳ-kheo rồi, Ngài ngồi im lặng cho đến hết buổi đầu đêm.

Bấy giờ, có một thày Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên phải, chắp tay hướng về Đức Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn, đã hết buổi đầu đêm, Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng ngồi đây đã lâu, ngưỡng mong Đức Thế Tôn thuyết giới.

Khi ấy, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Như vậy cho đến nửa đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Thấy thế, vị Tỳ-kheo ấy lại chắp tay hướng về Đức Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn, buổi đầu đêm đã qua, buổi nửa đêm sắp hết, Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng ngồi đây đã lâu, ngưỡng mong Đức Thế Tôn thuyết giới.

Đức Thế Tôn cũng ngồi im lặng. Bấy giờ là cuối nửa đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Tỳ-kheo ấy lần thứ ba, chắp tay hướng về Đức Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn, đầu đêm đã qua, nửa đêm đã hết và cuối đêm sắp chấm dứt, mặt trời sắp mọc, không bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo ngồi đây đã lâu, cúi mong

Đức Thế Tôn thuyết giới.

Lúc đó Đức Thế Tôn bảo vị Tỳ-kheo ấy:

—Ở trong chúng Tỳ-kheo của Ta, có người không thanh tịnh.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng ở trong hội chúng ấy. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền suy nghĩ: “Đức Thế Tôn định chỉ thày Tỳ-kheo nào mà nói rằng ở trong chúng đây có người bất tịnh. Ta nên nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ tượng và dùng tam-muội Ý quán sát tâm niệm của các Tỳ-kheo”.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ tượng, dùng tam-muội Ý quán sát tâm niệm của các Tỳ-kheo, liền biết được thày Tỳ-kheo không thanh tịnh mà Đức Thế Tôn vừa nói. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền ra khỏi pháp tam-muội, đi đến chỗ Tỳ-kheo kia, nắm tay kéo vị Tỳ-kheo ấy ra ngoài cửa và nói:

—Này người ngu si, hãy đi ra! Ông không được ở trong chúng này, không có Tỳ-kheo nào sống chung với ông đâu, nay ông không phải là Tỳ-kheo nữa.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đưa vị Tỳ-kheo kia ra ngoài rồi thì đóng cửa lại, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đánh lễ, ngồi qua một bên, thưa:

—Bạch Thế Tôn, Ngài nói trong chúng có một thày Tỳ-kheo bất tịnh. Con đã đưa vị ấy ra ngoài cửa rồi. Con nói: “Này người ngu si kia, hãy đi ra! Ông không nên ở trong chúng này, không có Tỳ-kheo nào sống chung với ông đâu!”. Nay Tỳ-kheo ấy đã không còn ở đây. Bạch Thế Tôn, đầu đêm đã qua, nửa đêm cũng hết, cuối đêm sấp tàn, trời sấp sáng, mặt trời sấp mọc, không bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo Tăng ngồi ở đây đã lâu rồi, ngưỡng mong Đức Thế Tôn thuyết giới.

Đức Phật dạy:

—Này Mục-kiền-liên, kẻ ngu si kia sẽ mắc tội lớn vì đã gây phiền hà quá nhiều Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Ngày Mục-kiền-liên, nếu ở trong chúng có Tỳ-kheo bất tịnh mà Như Lai thuyết giới thì đầu của kẻ ngu ấy sẽ bị vỡ làm bảy phần. Cho nên ngày Mục-kiền-liên, kể từ ngày hôm nay trở về sau, các thày hãy cùng nhau thuyết giới. Như Lai sẽ không còn thuyết giới nữa. Vì sao vậy? Ngày Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si, trải qua như thế, nhân đấy quán biết mọi hình

thức thích nghi cho mình, nên khoác y Tăng-già-lê, ôm bát, đối với vị Phạm hạnh khác thì tự xưng mình là bậc phạm hạnh. Này Mục-kiền-liên, hoặc có bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy bèn nghĩ như vậy: “Đây là sự đối trả đối với Sa-môn, đây là sự thô ác đối với Sa-môn, đây là gai nhọn đối với Sa-môn”, rồi bảo rằng đó không phải là Sa-môn. Các vị ấy đã biết như vậy rồi nên từ bỏ kẻ ấy ra ngoài. Vì sao vậy? Vì sợ làm hủy hoại các Tỳ-kheo thanh tịnh.

Này Mục-kiền-liên, giống như trong đám ruộng, lúa đé hoặc lúa tẻ đang tươi tốt, nếu có loại cỏ xấu sanh ra, cỏ này có gốc, lồng, lá, hạt đều giống hệt như lúa tẻ. Khi nó chưa có hạt thì nên nhổ bỏ nó đi. Nó là loại cỏ làm hư hại lúa đé, là gai nhọn đối với lúa đé, là loại thô ác đối với lúa đé. Người nông phu phải bằng mọi cách nhổ nó bỏ ra ngoài. Vì sao vậy? Vì sợ nó làm hư lúa đé đang tươi tốt. Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, nếu có một người ngu suy nghĩ như vậy, quán sát biết rõ mọi hình thức thích nghi cho mình, nên đắp y Tăng-già-lê, ôm bình bát đối với các vị Phạm hạnh khác tự xưng là phạm hạnh, hoặc có bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy nghĩ rằng, đó là sự phá hoại đối với hàng Sa-môn, đó là gai chích của Sa-môn, đó là sự thô ác đối với Sa-môn, đó không còn gọi là Sa-môn. Vì ấy biết xong liền đuổi kẻ ấy ra ngoài. Vì sao vậy? Vì sợ làm hư hại các Tỳ-kheo thanh tịnh khác.

Này Mục-kiền-liên, ví như người nông dân kia vào tháng mùa đông đem lúa ra quạt, sảy, nếu là hạt lúa chắc thì nằm ở lại, ngoài ra các thứ hoặc cỏ, hoặc lá theo gió bay đi. Người ấy quạt, sảy lúa hoàn toàn nhờ vào sức gió thổi. Người điền chủ ấy liền cầm chổi quét sạch sē. Vì sao vậy? Vì người ấy không muốn chúng làm hư hại các hạt lúa chắc thật khác. Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, có người ngu si biết quán các hình thức thích nghi nên lúc khoác Tăng-già-lê, ôm bát, giống như các vị phạm hạnh khác, rồi tự nói ta là vị phạm hạnh. Này Mục-kiền-liên, có bậc Phạm hạnh khác biết được liền nghĩ đây là sự phá hoại đối với Sa-môn, đây là gai nhọn của Sa-môn, đây là sự thô ác của Sa-môn. Vì kia biết rồi bèn đuổi kẻ ấy ra ngoài chúng. Vì sao vậy? Vì sợ làm hư hại các Tỳ-kheo thanh tịnh khác.

Này Mục-kiền-liên, ví như vị điền chủ kia muốn có nước; muốn cho nước chảy đến chỗ này, chỗ khác, người ấy bèn cầm búa bén vào rừng. Kẻ ấy cầm búa gõ vào các cây, nếu cây có lõi cứng thì tiếng đặc,

còn cây có tiếng lớn là rỗng ruột. Sau khi biết rõ, người ấy liền chặt cây kia tận gốc, rồi đẽo gọt cho ruột cây rỗng suốt để làm máng dẫn nước. Cũng vậy này Mục-kiền-liên, có người ngu si biết quan sát các hình thức thích nghi nên khi khoác y Tăng-già-lê, ôm bát, đối với vị Phạm hạnh khác tự xưng là phạm hạnh. Nay Mục-kiền-liên, nếu có bậc Phạm hạnh chân chánh biết được kẻ ấy liền nghĩ đây là sự phá hoại của Sa-môn, là sự thô ác của Sa-môn, là gai nhọn của Sa-môn, chẳng phải là Sa-môn. Vì ấy biết rồi liền đuổi kẻ kia ra ngoài. Vì sao vậy? Vì sợ làm tổn hại đến Tỳ-kheo thanh tịnh. Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

*Cùng ở phải nên biết  
 Ác dục và sân hận  
 Phẫn hận, không bỏ tham  
 Không bỏ huyền, dua nịnh  
 Với người đối nói tu  
 Tự bảo là Sa-môn  
 Tự làm các hạnh ác  
 Ác kiến chẳng an lạc.  
 Tạo nhiều lời đối trả  
 Đã biết rõ như thế  
 Đầu không cho cùng họp  
 Bỏ đi đừng ở chung  
 Biết thời đồng tịnh hạnh  
 Phân biệt ai đã nói  
 Không tịnh bảo Sa-môn  
 Bỏ kẻ hạnh ác đi  
 Đừng ở chung kẻ ác  
 Ngày nào cũng như vậy  
 Sống hòa hợp với nhau  
 Sẽ diệt tận sự khổ.*

Phật giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn chỉ dạy xong, đều hoan hỷ phụng hành.

(

□

## SỐ 65

## PHẬT NÓI KINH PHỤC DÂM

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Pháp Cự*

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ cư sĩ A-na-bân-kỳ đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ nơi chân rồi đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người phục dâm (*hành dục*)?

Đức Phật dạy:

–Này Cư sĩ, ở đời có mười hạng người phục dâm. Những gì là mười?

Này Cư sĩ, có hạng người phục dâm tìm cầu của cải một cách phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp, vì không có phương tiện cho nên bị khổ, kẻ ấy không thể tự nuôi thân mình một cách an ổn, cũng không thể nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc; cũng không cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, không làm việc hữu ích, việc thiện nhờ đó để được sanh lên cõi trời. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải một cách phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp rồi, người ấy có thể tự nuôi thân mình an ổn, cũng nuôi cha mẹ, vợ con, người giúp việc, đầy tớ; nhưng không cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, làm việc thiện để được thân tốt, sanh đến chốn an lành. Như vậy,

này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải một cách phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp rồi, kẻ ấy có thể tự nuôi thân mình an ổn, cũng có thể nuôi cha mẹ, vợ con, người giúp việc, đầy tớ; cũng cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, làm điều thiện để được thân tốt đẹp, sanh đến chốn an lành. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp rồi, kẻ ấy không tự nuôi thân mình để được an lạc, cũng không thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ, cũng không cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, làm việc thiện để thân được tốt đẹp và sanh đến chốn thiện. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp, phải lẽ rồi, kẻ ấy có thể tự nuôi thân mình được an lạc, cũng có thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ, nhưng không cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, làm điều thiện để được thân tốt đẹp và sanh đến chỗ thiện. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp, phải lẽ rồi, kẻ ấy có thể tự nuôi sống thân mình một cách an lạc, cũng có thể nuôi sống cha mẹ, vợ con, nô tỳ; cũng cúng dường cho các bậc Sa-môn, Phạm chí, làm điều thiện để thân được tốt đẹp và sanh đến xứ thiện. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp rồi, kẻ ấy không thể nuôi sống thân mình một cách an lạc, cũng không thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ, cũng không cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, làm việc thiện để thân được tốt đẹp và sanh đến xứ thiện. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải vừa hợp pháp vừa phi pháp rồi, kẻ ấy tự nuôi sống thân mình được an lạc, cũng nuôi cha mẹ,

vợ con, nô tỳ nhưng không cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, làm thiện để thân được tốt đẹp, sanh đến xứ thiện. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy có thể tự nuôi sống thân thể được an lạc, cũng có thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ, cũng cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, làm điều thiện để thân được tốt đẹp, sanh đến xứ thiện. Kẻ ấy được tiền tài rồi thì tham đắm trong đó, hết sức nhiễm trước, không thấy sự tai họa biến đổi, cũng không biết bỏ lòng tham ấy đi. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, lại có một hạng người phục dâm tìm cầu của cải, vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải vừa hợp pháp vừa phi pháp xong, kẻ ấy tự nuôi thân mình được an ổn, cũng nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ; cũng cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn và làm điều thiện để thân được tốt đẹp, sanh đến xứ thiện. Sau khi được tiền tài rồi, kẻ ấy không tham đắm không vướng mắc, cũng không thấy sung sướng, cũng không an trụ trong đó, cũng biết đó là tai họa, biến đổi, kẻ ấy có thể xả bỏ lòng tham đắm của cải. Như vậy, này Cư sĩ, đó là một hạng người phục dâm.

Này Cư sĩ, kẻ phục dâm một cách phi pháp để tìm cầu tiền tài kia, sau khi đã tìm cầu tiền tài một cách phi pháp, kẻ ấy không thể nuôi thân được an ổn, cũng không thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ được yên ổn, cũng không cúng dường cho các Sa-môn, Bà-la-môn, làm điều thiện để thân được tốt đẹp, để sanh đến xứ thiện. Ngày Cư sĩ, kẻ phục dâm như vậy, so với các hạng người phục dâm khác, Ta nói là hạng thấp hèn nhất.

Này Cư sĩ, kẻ phục dâm tìm cầu của cải một cách phi pháp kia, sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp, kẻ ấy có thể nuôi thân mình một cách an ổn, cũng có thể nuôi sống cha mẹ, vợ con, nô tỳ, nhưng không cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, làm điều thiện để thân thể được tốt đẹp, sanh đến xứ thiện. Ngày Cư sĩ, kẻ phục dâm này so với những người phục dâm khác thì ít thù thắng.

Này Cư sĩ, người phục dâm tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp kia, sau khi tìm cầu tiền tài một cách hợp pháp, kẻ ấy có thể nuôi thân

họ được an lạc, cũng có thể nuôi cha mẹ, vợ con, nô tỳ; cũng cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, làm thiện để thân được tốt đẹp, sanh đến xứ thiện. Kẻ ấy được tiền tài rồi nhưng không nhiễm, không tham đắm, không cất giữ, không đam mê, biết nó là tai họa, xả bỏ nó khi tiêu dùng. Như vậy, này Cư sĩ, kẻ phục dâm này so với những kẻ phục dâm khác là hơn hết, tốt bức. Nay Cư sĩ, cũng như từ con bò có sữa, do sữa có lạc, do lạc có đề hồ, nhân đề hồ có tô, do tô có lạc tô. Đây là hơn hết, tốt bức. Cũng như vậy, này Cư sĩ, đối với những người phục dâm thì hạng người phục dâm này là hơn hết.

Đức Phật nói kệ:

*Nếu kiểm của phi pháp  
Như pháp, thí như pháp  
Không cúng, không tiêu dùng  
Cũng không thí tạo phước,  
Cả hai đều keo kiệt  
Hạnh ác nuốt kẻ ấy.  
Như pháp, cầu tiền của  
Cũng bố thí tạo phước  
Cúng thí và tiêu dùng  
Và tạo mọi phước đức  
Cả hai không tham tiếc  
Đều có việc làm ấy,  
Kẻ đó có trí tuệ  
Sở hành đều phục dâm  
Biết biến đổi, biết đủ  
Biết đủ mà tiêu dùng  
Nên đạt được trí tuệ  
Là phục dâm hơn hết.*

Đức Phật thuyết giảng như vậy, cư sĩ A-na-bân-kỳ (*Cấp Cô Độc*) nghe Đức Phật Thế Tôn dạy xong, hoan hỷ lãnh hội.



## SỐ 66

## PHẬT NÓI KINH MA NHIỄU LOẠN

*Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Hậu Hán.*

Nghe như vầy:

Một thời Bà-già-bà ở trong vườn Lộc dã, rừng Mục-ma-tỷ-lượng, xứ Bạt-kỳ-thi.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang trông coi việc dựng thiền thất cho Đức Phật. Khi ấy, ở nơi khoảng đất trống, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang đi thong thả bảo người làm việc, thì ma Ba-tuần hóa ra thân hình nhỏ xíu chui vào bụng của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ như vầy: “Tại sao ta cảm thấy nặng bụng? Hình như ta ăn phải hạt đậu. Ta hãy nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ tượng, nhờ định ý ta sẽ nhìn vào bụng xem”. Lúc ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên không đi bách bộ nữa, mà đến cuối đường kinh hành, trải Ni-sư-đàn ngồi kiết già, nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ tượng, nhờ diệu lực của tam-muội, tự nhìn vào bụng mình, biết ma Ba-tuần đang ở trong bụng. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bèn ra khỏi tam-muội, bảo ma Ba-tuần:

–Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Ngày Ba-tuần, ngươi hãy đi ra!  
Chớ có quấy nhiễu Đức Như Lai và đệ tử Đức Như Lai. Đừng tạo những việc vô nghĩa, không lợi ích để mãi mãi phải gánh lấy vô lượng khổ não.

Ma Ba-tuần liền nghĩ: “Sa-môn này không biết, không thấy mà lại nói: “Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Ngày Ba-tuần, ngươi hãy đi ra!  
Chớ có quấy nhiễu Đức Như Lai và đệ tử Đức Như Lai. Đừng tạo

những việc vô nghĩa, không lợi ích để mãi mãi phải gánh lấy vô lượng khổ não”. Cho dù Thế Tôn của ông ta có đại uy lực, có khả năng như vậy còn không thể thấy ta, biết ta được, huống hồ là đệ tử mà có thể biết, có thể thấy được sao! Điều này không thể có”.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên lại nói với ma Ba-tuần:

—Này Ba-tuần, ta còn biết ý nghĩ của ngươi nữa. Người nghĩ như vậy: “Sa-môn này không biết, không thấy mà lại nói rằng: ‘Này Ba-tuần, hãy đi ra! Ngày Ba-tuần, hãy đi ra! Đừng có quấy nhiễu Đức Như Lai và đệ tử của Đức Như Lai. Đừng tạo những việc vô nghĩa, không lợi ích để mãi mãi gánh lấy vô lượng sự khổ não’”. Đức Thế Tôn của ông ta có uy lực như vậy, có khả năng như vậy còn không thể biết ta, thấy ta, huống chi đệ tử của ông ta mà có thể biết, có thể thấy ta được. Điều này không thể có!”

Bấy giờ ma Ba-tuần lại suy nghĩ: “Sa-môn này đã biết, đã thấy ta nên mới nói: “Này Ba-tuần, hãy đi ra. Ngày Ba-tuần, hãy đi ra! Đừng có quấy nhiễu Như Lai và đệ tử của Như Lai. Đừng tạo những điều vô nghĩa, không lợi ích để phải mãi mãi gánh lấy vô lượng khổ não”. Tức thì ma Ba-tuần liền nhảy ra khỏi miệng Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và đứng trước mặt Tôn giả, rồi đứng qua một bên. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo:

—Này Ba-tuần, vào thời quá khứ có Đức Như Lai hiệu là Câu-lâu-tôn là Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Lúc đó ta cũng là loại ma chuyên làm việc quấy nhiễu. Ta có người em gái tên là Ca-la, người chính là con trai của cô ấy, do đó mà biết người là cháu gọi ta bằng cậu. Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác có người đệ tử tên là Tỳ-lâu (*Âm Thanh*) và Tát-nhã là hàng xuất chúng, hiền đức hơn hẳn các đệ tử khác. Ngày Ba-tuần, do đâu mà Tôn giả Tỳ-lâu có tên tự là Tỳ-lâu Tát-nhã? Ngày Ba-tuần, Tôn giả Tỳ-lâu ấy lúc ở trên cõi trời Phạm thiên có thể dùng âm thanh thơm của mình làm lan tỏa khắp cả ngàn thế giới, không có đệ tử nào có tiếng nói vang dội bằng Tôn giả, cũng không ai giống như Tôn giả. Tôn giả hay thuyết giảng chánh pháp. Ngày Ba-tuần, vì lý do đó nên Tôn giả Tỳ-lâu được gọi là Tỳ-lâu Tát-nhã. Ngày Ba-tuần, vì lẽ gì mà Tôn giả Tát-nhã (*Tuởng*) có tên là Tát-nhã? Ngày Ba-tuần, sở dĩ Tôn giả có tên là Tát-nhã là vì Tôn giả thường nương nơi thành, ấp mà an trụ. Sáng sớm, Tôn

giả đắp y mang bát vào thôn ấp để khất thực, tự giữ gìn thân, các căn luôn đầy đủ uy nghi, ý niệm thường an định. Sau khi vào thôn ấp khất thực, thợ trai vào lúc giữa trưa rồi, Tôn giả thu cất y bát, rửa chân, vắt Ni-sư-dàn lên vai bên mặt, hoặc đến chỗ vắng lặng, đến bên gốc cây, hoặc tới chỗ đất trống, trải Ni-sư-dàn ngồi kiết già, nhẹ nhàng, nhanh chóng nhập pháp định Tưởng tri diệt. Lúc ấy, có những người hoặc chăn dê, chăn bò hay đi lượm củi, hoặc đi qua đường, trông thấy Tôn giả nhanh chóng nhập pháp định Tưởng tri diệt, họ bèn nghĩ: “Vị Sa-môn đây ngồi lâu ở chỗ vắng này hiện đã qua đời rồi, chúng ta nên dùng cỏ khô, cây khô, phân bò, trải chất chung quanh thân ấy, đốt lửa để thiêu”.

Các người chăn dê, chăn bò, lượm củi, kẻ qua đường nghĩ như thế rồi liền cùng nhau lấy cây cỏ khô, hoặc cỏ khô, củi mục chất lên thân Tôn giả, nổ lửa đốt cháy rồi bỏ đi. Tôn giả Tát-nhã, sau khi đêm đã qua, bèn ra khỏi tam-muội, nhẹ nhàng, nhanh chóng đập phủi tro bụi nơi y phục, rồi thong thả trở lại thôn ấp. Sáng sớm hôm sau, Tôn giả lại đắp y, cầm bát đi vào thôn ấp để khất thực, tự giữ gìn thân, các căn đầy đủ uy nghi, tâm niệm luôn an định. Những người chăn bò, dê, người gánh củi, người đi đường, trông thấy Tôn giả bèn nghĩ: “Sa-môn ấy ngồi yên nơi chỗ vắng vẻ kia và đã qua đời. Chúng ta đã dùng cây cỏ khô, phân bò, hoặc trải cây cỏ, củi mục chất phủ lên thân Tôn giả ấy, nổ lửa đốt cháy rồi bỏ đi. Nhưng nay sao Tôn giả ấy sống trở lại?”.

Này Ba-tuần, vì lý do đó nên gọi Tôn giả là Tát-nhã (*sống trở lại*).

Bấy giờ ma xấu ác suy nghĩ: “Sa-môn trọc đầu, thân đen đìu này học thiền, cùng tương ứng với thiền, thường thực hành thiền. Giống như con lừa suốt ngày mang nặng, bị cột lại trong tàu, không được ăn lúa mạch; nó cứ luôn nhớ nghĩ về lúa mạch, lúc nào cũng nhớ nghĩ. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu, thân đen đìu này gắn bó cùng thiền, cùng tương ứng với thiền, hành thiền. Giống như con mèo ngồi rình trước hang chuột, vì muốn bắt chuột trong hang cho nên nó cứ luôn hướng về cái hang kia, lúc nào cũng chăm chăm. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu, đen đìu này thường gắn bó với thiền, tương ứng với thiền, thường hành thiền. Như con chồn hưu ở trên bờ tường trống, vì muốn bắt chuột trong hang cho nên nó cứ chăm chăm hướng về cái hang chuột kia, lúc nào

cũng chăm chú. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu đen điu này thường gắn bó với thiền, tương ứng với thiền, thường hành thiền. Giống như con cò ở bên bờ nước, vì muốn bắt cá cho nên nó cứ chăm chăm rình rập. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu, đen điu này luôn tương ứng với thiền, thiền rồi thiền.

Vậy sao gọi là thiền? Vì sao lại hành thiền? Đó là thiền gì? Họ loạn trí, hoặc mất trí nhớ, hoặc bất định. Ta không thấy họ từ đâu đến, cũng không thấy đi về đâu, chẳng biết họ sống ở đâu, cũng chẳng biết họ chết như thế nào, cũng không thấy họ sanh ra sao. Ta nên bảo các Bà-la-môn, cư sĩ: “Các ngươi hãy đến chửi mắng, đánh đập, nói xấu, sân hận với Sa-môn tinh tấn kia”. Khi bị đánh chửi nhiều hay ít, sân hận nói xấu, nếu tâm kẻ ấy đổi khác, thì ma ác sẽ tìm được cơ hội thuận tiên, hay được duyên cớ để dễ lợi dụng”.

Này ma Ba-tuần, lúc ấy loài ma ác nói với các Bà-la-môn, cư sĩ:

–Vị Sa-môn tinh tấn kia đáng bị chửi mắng, đáng bị nói xấu, đáng bị sân hận. Các ngươi hãy dùng cây đập, dùng đá ném, dùng gậy phang, hoặc đập tết đầu, hoặc xé rách y, đập bể bát của vị Sa-môn tinh tấn ấy.

Bấy giờ các Bà-la-môn, cư sĩ kia mạng chung, do nhân duyên ác đó nên khi thân hoại mạng chung, sanh trong cõi ác địa ngục. Sanh nơi đó rồi, những người ấy suy nghĩ: “Nay chúng ta phải thọ khổ này, lại còn phải chịu cực khổ hơn nữa, vì chúng ta đối với Sa-môn tinh tấn kia đã khởi lòng tà”.

Lúc đó, này Ba-tuần, đệ tử của Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, đầu bị té, bát bị bể, y bị rách, đi đến chỗ Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Khi ấy Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác có vô lượng trăm ngàn đồ chúng vây quanh để nghe thuyết pháp. Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác từ xa trông thấy vị đệ tử đầu bị thương tích, y rách toạc, bình bát bể đi đến, bèn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, hãy nhìn Tỳ-kheo kia. Vì ấy đã bị ma xấu ác xúi giục các Bà-la-môn, cư sĩ: “Các ngươi hãy đến chửi rửa, đánh đập, hãy sân giận nhiều hay ít, đánh đập Sa-môn tinh tấn kia. Nếu vị ấy nổi tâm ác, hoặc có hành động gì khác thì ma ác có phương tiện, duyên cớ

dễ dàng lợi dụng". Nay các Tỳ-kheo, nên để tâm tương ứng với Từ, biến khắp một phương, an trụ nơi Chánh thọ. Cũng như vậy, với hai, ba, bốn phương, phương trên và phương dưới, tất cả các phương, tâm đều tương ứng với Từ, không oán, không hại, không sân hận, thật rộng lớn, bao la, vô lượng, biến mãn các phương xong, an trụ nơi Chánh thọ. Cũng vậy, tâm cùng tương ứng với Bi, Hỷ, Hộ (Xả), biến mãn các phương, an trụ nơi Chánh thọ. Hãy làm cho ma xấu ác không tìm ra cơ hội, không có duyên cớ thuận tiện để lợi dụng.

Bấy giờ, này Ba-tuần, Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác chỉ dạy các đệ tử như vậy. Họ bèn để tâm tương ứng với Từ, biến mãn một phương rồi an trụ nơi Chánh thọ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, phương trên và phương dưới, tất cả các phương, tâm cùng Từ tương ứng, không oán, không hại, không sân hận, rất rộng, lớn, bao la, vô lượng, biến mãn các phương xong, an trụ nơi Chánh thọ. Cũng vậy, tâm cùng Bi, Hỷ, Hộ tương ứng, biến mãn tất cả các phương xong, an trụ nơi Chánh thọ. Do đó, ma ác kia tìm phương tiện, kiếm duyên cớ nhưng không thể nào có được phương tiện, duyên cớ nào cả.

Này Ba-tuần, lúc ấy ma ác liền nghĩ: "Ta dùng phương tiện này mà không thấy có cơ hội nào, duyên cớ nào đối với Sa-môn ấy để lợi dụng. Vậy ta nên xúi các Bà-la-môn, cư sĩ: "Các ngươi nên đến chỗ vị Sa-môn tinh tấn kia cung kính, tôn thờ, lễ bái, cúng dường". Sau khi nhận được sự cúng dường, phụng hành, lễ bái dù ít hay nhiều ấy, nếu vị ấy có sự thay đổi trong tâm thì ma ác sẽ tìm cơ hội, kiếm duyên cớ để lợi dụng.

Ma ác kia liền xúi giục các cư sĩ, Bà-la-môn:

–Vị Sa-môn tinh tấn kia xứng đáng được cúng dường, cung kính, tôn thờ, lễ bái.

Ma ác khiến cho các Bà-la-môn, cư sĩ cởi áo trǎi dưới đất và nói:

–Sa-môn tinh tấn, xin đập lén mà đi! Sa-môn tinh tấn, xin đi trên áo của tôi. Ngài đã làm những việc khó làm, sẽ khiến cho chúng tôi mãi mãi được nghĩa lý, lợi ích.

Hoặc bảo các Bà-la-môn, cư sĩ tự trǎi tóc lên mặt đất, nói:

–Sa-môn tinh tấn, xin đập lén tóc mà đi! Sa-môn tinh tấn, xin đi trên tóc tôi! Sa-môn tinh tấn đã làm những việc khó làm, khiến cho

chúng tôi mãi mãi được nghĩa lý, lợi ích.

Hoặc bảo Bà-la-môn, cư sĩ tay bưng đầy các thứ thức ăn đồ uống, nói:

—Cúi mong chư Hiền hãy nhận lấy các món ăn này, tùy ý mang đi đâu sử dụng cũng được, để cho chúng tôi mãi mãi được ý nghĩa, lợi ích.

Hoặc khiếun các Bà-la-môn, cư sĩ ưa thích quý mến vị Sa-môn tinh tấn kia, tự nắm tay dùn đỡ vào nhà, đem các vật muốn cúng dường ra và nói:

—Cúi mong chư Hiền hãy nhận lấy vật cúng dường này, tùy ý mang đi đâu sử dụng cũng được, để cho chúng tôi mãi mãi được nghĩa lý, lợi ích.

Bấy giờ, các Bà-la-môn, cư sĩ kia mạng chung, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung được sanh đến xứ thiện, lên cõi trời. Khi được sanh lên đó rồi, họ liền suy nghĩ: “Chúng ta được cái vui này không đâu bằng, là vì chúng ta đã làm việc lành với vị Sa-môn tinh tấn kia”.

Bấy giờ, này Ba-tuần, đệ tử của Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, sau khi được cúng dường cung kính, phụng hành lễ bái rồi, liền đi đến chỗ Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Lúc ấy Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đồ chúng vây quanh sau trước. Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác từ xa trông thấy các đệ tử của Ngài được cúng dường cung kính, thừa sự, lễ bái, dần dần đi đến, bèn bảo các Tỳ-kheo:

—Các Tỳ-kheo thấy chăng? Ma xấu ác đã xúi giục các Bà-la-môn, Cư sĩ: “Các ngươi hãy đến cúng dường, cung kính, thừa sự, lễ bái, hầu hạ Sa-môn tinh tấn kia. Khi nhận sự cung kính, lễ bái, cúng dường dù nhiều hay ít ấy, nếu tâm vị ấy có thay đổi thì ma Ba-tuần xấu ác đang tìm cơ hội, duyên cơ sẽ có cơ hội, duyên cơ để dễ bồ lợi dụng”. Nay các Tỳ-kheo, hãy quán tất cả các hành là vô thường, hãy thấy nó là hủy diệt, hãy thấy nó là lìa bỏ, hãy thấy nó là hư hoại, hãy thấy nó là dừng dứt, hãy thấy nó là chỗ dừng dứt, khiến cho ma xấu ác tìm cầu phương tiện, tìm cầu duyên cơ nhưng không có phương tiện, không có duyên cơ để lợi dụng.

Này Ba-tuần, Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác vì các đệ tử giảng dạy như vậy: “Đối với tất cả các hành hấy quán vô thường, quán tận, quán ly, quán diệt, quán về nơi dừng dứt, thì ma xấu ác dù có tìm kiếm phương tiện, tìm duyên cớ cũng không có phương tiện, duyên cớ để phá hoại được”.

Bấy giờ, này Ba-tuần, ma ác liền nghĩ như vậy: “Ta đã dùng phương tiện này mà vẫn không thể lợi dụng được Tỳ-kheo tinh tấn ấy, không thể tìm thấy duyên cớ nơi vị ấy. Ta nên hóa làm một thiếu nhi đứng bên đường, tay cầm gậy lớn đánh vỡ đầu Tôn giả Tỳ-lâu (*Tôn giả Âm Thanh*) khiến máu chảy đầy cả mặt”. Khi ấy Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, an trú nơi thôn ấp, trời hừng sáng, Ngài đắp y mang bát, vào thành ấp khất thực với Tôn giả Tỳ-lâu đi theo sau. Lúc, đó ma ác hóa làm một thiếu nhi đứng ở bên đường, tay cầm gậy lớn đánh vỡ đầu Tôn giả Tỳ-lâu, khiến máu chảy ướt cả mặt. Tôn giả Tỳ-lâu sau khi bị bể đầu chảy máu, vẫn đi theo sau Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, sau khi đến thôn, dùng diệu lực toàn thân xoay nhìn theo phía hữu, không sợ hãi, không kinh khiếp, nhìn khắp các phương. Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác trông thấy Tôn giả Tỳ-lâu đầu bị vỡ, máu chảy đầy mặt, từ từ đi theo sau. Thấy xong, Ngài nói:

–Này ma xấu ác, ngươi đã làm điều hung bạo, ngươi không biết vừa đủ!

Lại nữa, này Ba-Tuần, Đức Như Lai Câu-lâu-tôn, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói chưa hết câu, thì ngay tại nơi ấy, thân hình ma xấu ác liền bị đọa vào đại địa ngục. Ngày Ba-tuần, trong địa ngục lớn này có bốn sự việc: vô lạc, lục cảnh, thân thọ sự thống khổ, dùng móc câu làm tội nhân há miệng rồi đổ nước đồng sôi vào làm tiêu tan gan ruột. Trong địa ngục có ngục tốt đi đến chỗ ma ác nói:

–Ngươi ở trong địa ngục Tiêu giải này nên biết phải đủ một trăm năm.

Khi ấy ma Ba-tuần nghe xong, vô cùng kinh hãi, lông nơ thân đều dựng đứng.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nói bài kệ:

*Địa ngục kia thế nào  
 Mà ma ở trong đó?  
 Hại Phật, Bà-la-môn  
 Nhiều hại cả Tỳ-kheo  
 Địa ngục tên A-tỳ  
 Ma ác ở trong ấy.  
 Hại Phật, Bà-la-môn.  
 Nhiều hại Tỳ-kheo kia  
 Đinh sắt cả trăm cái.  
 Phải thọ khổ như vậy  
 Nơi địa ngục A-tỳ  
 Khiến Ma ác ở đấy.  
 Nếu có người không biết  
 Tỳ-kheo đệ tử Phật  
 Thọ khổ nǎo như vậy  
 Phải nhận quả báo xấu.  
 Ở trong chốn lầu vòm  
 Cùng chúng sanh cõi kia  
 Chẳng gieo trồng lúa thóc  
 Sẽ sanh Bắc câu lao.  
 Núi Tu-di cực lớn.  
 Gần gũi với giải thoát  
 Tự có thể phân biệt  
 Thân thực hành, trì niệm  
 Núi ấy ở giữa suối  
 Luôn trụ nơi kiếp này  
 Hình tướng như sắc vàng  
 Hào quang tỏa chiếu khắp,  
 Tấu các thứ kỹ nhạc  
 Nơi Đề Thích du hành  
 Chốn ấy cũng gồm hai  
 Ở trước mà cung kính.  
 Khi Đề Thích đi trước  
 Lên điện cao rộng này  
 Thấy Đề Thích đi tới*

Tất cả tự mừng vui  
Khi thấy Tỳ-kheo lại  
Nhìn lui vẻ hổ thẹn  
Nếu ai lên cung điện  
Liền vẫn hỏi Tỳ-kheo  
Nên biết có ma ấy  
Ái diệt, đạt giải thoát  
Sẽ vì Tỳ-kheo ghi  
Nghe giảng nói như vậy.  
Câu-dục, ta biết ông  
Ái diệt, đạt giải thoát  
Nghe nói, trí tuệ ghi  
Đế Thích được an lạc.  
Tỳ-kheo hành hóa nhiều  
Sẽ giảng nói trở lại  
Nếu có lên điện ấy  
Đế Thích nên đến hỏi  
Vì sao gọi cung điện  
Đế Thích ở nơi đó?  
Đế Thích! Ta sẽ ghi  
Đó là chốn thọ báo  
Ngàn thế giới như thế  
Có ngàn thế giới này  
Không cung điện nào hơn  
Chốn thọ báo như thế  
Đế Thích luôn tự tại  
Nơi đó rất trong sáng  
Hóa một thành cả trăm  
Ở nơi thọ báo kia  
Đế Thích luôn tự tại  
Đi lên cung điện ấy  
Chân tay đều khiến động  
Dùng thiên nhãn nhìn khắp  
Đế Thích luôn tự tại  
Lên nơi cung điện này

Thân túc khiến chuyển động  
 Ẩn giấu nẻo thâm diệu.  
 Khó động, khó lay chuyển  
 Có đất bằng lưu ly  
 Chốn ngự của bậc Thánh  
 Rất mịn màng, mềm dịu  
 Trải nệm bông mịn êm  
 Ngôn ngữ cõng hòa ái.  
 Nay Thiên vương hơn hết.  
 Khéo tấu các kỹ nhạc  
 Vô số thứ khác lạ  
 Chư Thiên đều tụ hội.  
 Dốc hướng Tu-dà-hoàn  
 Vô lượng trăm ngàn loại  
 Cùng hàng trăm Na-thuật  
 Đến trời Tam thập tam  
 Làm mắt pháp thuyết giảng  
 Được nghe pháp ấy rồi  
 Liên hết lòng tin, thích  
 Ta biết có pháp ấy  
 Nên gọi là Tiên nhân  
 Vì đến cõi Phạm thiên  
 Khiến Phạm chúng cùng hỏi  
 Chư vị có hiểu biết  
 Kiến giải cũng như trên  
 Luôn thấy có thường trụ  
 Ta sẽ vì Phạm thiên  
 Ghi kiến giải Tiên nhân  
 Chẳng thấy, chẳng như trước  
 Ta luôn có thường trụ  
 Quả Ngã Kiến tương ứng  
 Thân Phạm thiên ở trước  
 Ta nay sẽ nói gì  
 Ta luôn chấp có thường  
 Là nhận biết đời này

Bậc Đẳng Giác giảng nói  
Như nếu dốc tu tập  
Chốn sinh, thọ quả báo  
Niệm ấy không có lửa  
Ta dốt kẻ ngu si  
Đốt kẻ ngu si xong  
Kẻ theo cũng bị cháy.  
Như thế, này Ba-tuần!  
Gần Bậc Như Lai ấy  
Tạo hạnh ác lâu dài  
Thọ báo cũng không khác.  
Ngươi chờ nên quấy Phật  
Cùng quấy nhiễu Tỳ-kheo  
Do Tỳ-kheo này nói  
Ma ở vườn Tỷ lượng  
Quỷ có niệm lo buồn  
Bị Mục-liên quở trách  
Nên vô cùng kinh sợ  
Hốt nhiên biến trốn mất.

□

## SỐ 67

**PHẬT NÓI KINH  
TỆ MA THỦ HIỀN GIẢ MỤC-LIÊN**

*Hán.dịch: Đời Ngô, Uu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nhục chi.*

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại vườn Nai, thuộc thôn Khủng cụ, núi Diệu hoa, nước Phân kỳ.

Bấy giờ Hiền giả Đại Mục-kiền-liên đang kinh hành trong đêm tối. Trong lúc Hiền giả đang kinh hành trên khoảng đất trống, Tệ ma đến nơi, tự hóa thành hình nhỏ xíu, chui vào bụng của Hiền giả. Lúc đó Hiền giả Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ: “Trong bụng ta sao lại có tiếng rền như sấm, giống người đang đói mà phải gánh vật nặng. Vậy ta nên vào trong thất nhập tam-muội Chánh thọ quán sát để tìm ra nguyên do”. Hiền giả Mục-liên nghĩ như vậy rồi liền vào tịnh thất nhập tam-muội để quán thân, liền thấy Tệ ma hóa thân hình nhỏ xíu đang ở trong bụng mình. Hiền giả liền nói:

—Này Tệ ma, hãy đi ra! Đừng có quấy nhiễu Đức Như Lai và đệ tử của Ngài, để rồi mãi mãi gánh lấy khổ đau, bất an, bị đọa vào cõi ác.

Ma suy nghĩ: “Sa-môn này chưa thấy ta, cũng chưa biết ta, thế mà dối nói rằng: “Này Tệ ma hãy đi ra, hãy đi ra! Chớ có quấy nhiễu Đức Như Lai và đệ tử của Ngài, sẽ mãi mãi bị khổ sở, bất an!”. Ngay như thầy của ông ta là Thế Tôn Đại Thánh còn không thể biết được ta, huống chi là đệ tử của ông ta mà biết được ta sao?”.

Hiền giả Mục-liên lại nói với Tệ ma:

–Ta còn biết trong ý của ngươi nghĩ rằng Đại sư của ông ta là bậc Đại Thánh còn không thể biết được ta huống chi là đệ tử mà biết được ta sao!

Tệ ma sợ hãi, nghĩ: “Nay Sa-môn này thật đã biết ta rồi”. Ma liền hóa hình nhỏ xíu nhảy ra ngoài đứng ở phía trước. Hiền giả Mục-liên nói với ma:

–Vào thời quá khứ lâu xa về trước, lúc Đức Phật Câu-lâu-tần xuất hiện ở đời, khi đó ta đã từng làm ma tên là Sân Hận. Ta có một người em gái tên là Yểm Hắc, người chính là con trai của cô ta. Như vậy nên biết rằng ngươi vốn là con của em gái ta.

Đức Phật xuất hiện ở thế gian thời ấy hiệu là Câu-lâu-tần Như Lai, Bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Ngài có hai người đệ tử, người thứ nhất tên là Hồng Âm, người thứ hai tên là Tri Tưởng, là bậc hiền đức thứ nhất hơn hết không ai bằng.

Sao gọi Hiền giả ấy là Hồng Âm? Vì Hiền giả đó lúc sống trên cõi trời Phạm thiên, tiếng nói của Hiền giả to lớn vang rền cả ba ngàn đại thiên thế giới.

Còn sao gọi Hiền giả kia là Tri Tưởng? Vì Hiền giả ấy thường nương các chốn thanh vắng, ngồi bên gốc cây, nơi đồng trống hay ở trong núi, luôn nhập tam-muội Chánh thọ như kỳ sắc tượng. Lúc ấy những người chăn dê, chăn bò, lấy củi, gánh cỏ, cày ruộng, người đi đường, họ vào trong núi thấy Hiền giả nhập định như vậy, cùng bảo nhau: “Vị Sa-môn này ngồi ở đây mà chết, chúng ta hãy cùng nhau chất củi và cỏ lên để hỏa thiêu”. Nói thế rồi, họ cùng nhau làm công việc hỏa thiêu.

Tỳ-kheo Tri Tưởng rời khỏi pháp tam-muội, đập phổi y phục, giữ các thứ tro bụi. Sửa lại y phục xong, Hiền giả Tri Tưởng lại ôm bát vào thành, áp làng xóm để lần lượt khất thực. Những người chăn bò, chăn dê, lấy củi, gánh cỏ trông thấy đều rất kinh ngạc, nói với nhau:

–Chúng ta ở chỗ đồng trống vắng vẻ, thấy Tỳ-kheo này ngồi bên gốc cây, chẳng còn hơi thở, cho là đã chết nên cùng nhau chất củi, cỏ khô để hỏa thiêu.

Nay vì sự việc như vậy nên gọi Tỳ-kheo Tri Tưởng là Tưởng Thức.

Bấy giờ ma Sân hận tự suy nghĩ: “Đám Sa-môn này tự cho là tu tập trì giới, tịch tĩnh, im lặng mà tư duy. Giống như con chó, con mèo luôn suy nghĩ cách để bắt chuột nên nó im lặng, bất động, chờ con chuột chạy ra là bắt. Sự thiền tư của Sa-môn này cũng như vậy. Giống như con hạc già muốn bắt cá, nó im lặng, không gây tiếng động, trầm tư, chờ con cá bơi ra là mổ ngay. Các Sa-môn này cũng như vậy, trầm tư, suy nghĩ về mục đích mong cầu. Giống như con lừa lớn cả ngày mang nặng, cho đến tối thì quá mệt mỏi, đói khát, nó chìm đắm trong suy nghĩ muốn được ăn uống. Các Sa-môn này cũng lại như vậy”.

Ma lại suy nghĩ: “Ta nên bày vẽ xúi giục cho các Trưởng giả, Phạm chí ở trong nước này, đánh đập chửi mắng, làm cho các Sa-môn đạo nhân giữ giới ấy y rách, bát bể, đầu vỡ, khiến cho họ sanh tâm giận dữ, ta nhờ đó tìm được phương tiện để lợi dụng”. Nghĩ vậy rồi, ma liền xúi giục các Trưởng giả, Phạm chí đánh đập, mắng chửi, đập bể bát, đánh vỡ đầu, xé rách y phục các Sa-môn trì giới, phụng pháp ấy. Các Sa-môn ấy giống như con mèo rình bắt chuột, con hạc già lo chăm bắt cá, như con cú vọ đậu nơi cành cây để bắt chuột, các Sa-môn ngồi thiền cũng lại như vậy, in như con lừa đói khát mệt mỏi muốn được ăn uống.

Khi ấy các Tỳ-kheo bị hủy nhục, cúi đầu đi thẳng đến chỗ Đức Phật Câu-lâu-tần. Lúc đó Đức Phật đang vì bốn chúng đệ tử cùng các hàng Thiên, Long, Quỷ thần giảng nói rộng về giáo pháp, thấy các Tỳ-kheo bị hủy nhục đi đến, Ngài liền bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, nay ma Sân hận đã xúi dục các Trưởng giả, Phạm chí ở trong nước đánh đập, mắng nhiếc, làm vỡ đầu, bể bát, xé rách y của các Sa-môn trì giới phụng pháp, khiến tâm họ tức giận, khởi ý sân hận, nhân đó ma tìm được phương tiện làm cho những vị ấy không thành đạo. Nay các đệ tử, đối với trường hợp như vậy hãy nên thực hành bốn tâm vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Hộ; không ôm lòng kết oán; không dấy tâm sân hận; mà nên mở tâm rộng lớn không hạn lượng; tạo sự an lạc vô biên, biến khắp mười phương. Với tâm như vậy, dù ma có tìm phương tiện để phá hoại cũng không thể được.

Các Tỳ-kheo vâng lời Đức Phật dạy, an trú chốn vắng vẻ, nơi đồng trống, một lòng thiền định tư duy, thực hành bốn tâm vô lượng, ý không tăng giảm.

Bấy giờ ma Sân hận tuy muốn được những phương tiện để lợi dụng quấy phá các Sa-môn trì giới phụng pháp, nhưng vĩnh viễn không thể được. Còn những Trưởng giả, Phạm chí nghe lời ma xúi giục, hủy nhục các vị Sa-môn trì giới phụng pháp, sau khi mạng chung đều bị đọa vào đường ác, bị bao thứ khổ não bức bách khảo tra, ở trong địa ngục hết kiếp này tới kiếp khác thọ khổ. Giống như cây lớn, bóng nó tỏa ra một khoảng đất trống rộng lớn, họ nằm trên mặt đất bằng sắt nóng đỏ của ngục, lõa hình, chìm ngập trong đó. Họ đều bảo nhau:

–Chúng ta bậc phước, thọ lấy tai ương ác độc này là do chúng ta đã hủy nhục, mắng nhiếc Sa-môn phụng pháp trì giới, vì vậy nên mới bị đọa vào đây. Than ôi! Không thể được thấy Sa-môn phụng pháp trì giới, muốn cầu phương tiện để gặp gỡ, vì đã tự tạo điều ác nên phải tự thọ lấy tai họa, vì nghe theo lời ma xúi giục nên mới không thể che chở thân mình.

Bấy giờ ma Sân hận lại nghĩ: “Ta dùng phương tiện này để toan lợi dụng quấy phá các Sa-môn trì giới, nhưng hoàn toàn không thể được. Giờ thì ta phải biến hình chỉ bày các Trưởng giả, Phạm chí hãy nên cúng dường, phụng sự các Sa-môn trì giới, dâng cúng y phục, thức ăn uống, giường nǎm, thuốc men, khiến cho các vị ấy tham đắm sự cúng dường, nhân đó ta mới có cơ hội lợi dụng”. Theo như mưu kế ấy, ma liền chỉ bày các Trưởng giả, Phạm chí trong nước, đến nơi ngã tư đường, nếu thấy các Sa-môn, Đạo nhân trì giới thì trải tóc trên đất để các vị ấy đi qua và tán thán:

–Các vị là những bậc Sa-môn trì giới, siêng năng tu tập, khó thấy khó gặp, xin các vị hãy đạp lên tóc tôi mà đi để tôi mãi mãi được vô lượng phước đức.

Hoặc có Trưởng giả, Phạm chí mang y phục đến chỗ các Sa-môn trì giới đánh lẽ, quỳ xuống, thưa:

–Xin các vị thương xót chúng con mà nhận lấy y phục này.

Hoặc họ mang đầy thức ăn, đi đến tinh xá hoặc tới các ngã tư, đầu các ngõ tắt trong làng, dâng lên cúng dường các Sa-môn trì giới, thưa:

–Các vị thật khó gặp, khó thấy, xin các ngài hãy nhận các phẩm vật cúng dường này để chúng con mãi mãi được phước đức vô lượng.

Hoặc họ ân cần mời hỏi, dùi đỡ, tha thiết mời các Sa-môn vào nhà họ, thỉnh ngồi trên giường đẹp, rồi mang ra các thứ thức ăn uống, y phục, ca-sa, vàng bạc, bảy báu để ở phía trước, quỳ thưa:

—Chư vị là các bậc Sa-môn trì giới khó gấp, khó thấy, xin hãy thọ nhận những vật phẩm cúng dường này. Xin chư vị vì lòng thương xót, tự ý thọ dụng để chúng con mãi mãi được vô lượng phước đức.

Lúc đó Đức Phật Câu-lâu-tần vì bốn chúng đệ tử và chư Thiên, Rồng, Thần giảng nói giáo pháp nhận thấy các đạo sĩ, Sa-môn trì giới được các Trưởng giả, Phạm chí đến gấp, cúng dường, cung kính vô lượng, nên bảo các Tỳ-kheo:

—Nay ma Sân hận chỉ bày các Trưởng giả, Phạm chí cúng dường Sa-môn đạo sĩ trì giới các thứ y phục, đồ ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, tùy ý muốn gì cũng cung cấp đủ, nhân đó ma có cơ hội để phá hoại thiện tâm của các vị ấy, khiến họ không thể đắc đạo. Các vị hãy nên ở các nơi chốn núi non, đồng trống vắng vẻ, suy niêm về sự vô thường của vạn vật. Tuy có được y phục, thức ăn uống nhưng đừng tham đắm, phải quán thấy các pháp là khổ, không, phi thân (*vô ngã*). Như vậy, ma tuy tìm cơ hội để phá hoại nhưng rốt cuộc vẫn không được.

Các Tỳ-kheo liền vâng theo lời dạy của Đức Câu-lâu-tần Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, tu tập đúng như pháp, nên dù ma có tìm cơ hội để quấy phá vẫn không có.

Vì ma chỉ bày cho các Trưởng giả, Phạm chí, bảo họ cúng dường các vị Sa-môn trì giới, nhờ công đức ấy nên họ đều được sanh lên cõi trời. Khi được sanh lên cõi ấy, họ đều suy nghĩ: “Chúng ta nhờ sự việc cúng dường, thờ pháp với Sa-môn trì giới thanh tịnh, nên tự mình được phước này, không phải nhờ người khác hay trời mà có được”.

Bấy giờ Đức Phật Câu-lâu-tần Như Lai, Bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, sau khi thọ thực, lúc mặt trời xế bóng cùng đệ tử lớn là Hiền giả Hồng Âm du hành nơi quận huyện. Khi ấy Tệ ma hóa thành một người to lớn dũng mãnh, tay cầm gậy cứng đứng bên đường, lén giơ gậy đập vào đầu Hiền giả Hồng Âm làm Hiền giả bể đầu, máu chảy lênh láng. Hiền giả vẫn đi sau Đức Thế Tôn như bóng theo hình, im lặng không nói. Đức Câu-lâu-tần Như Lai là Bậc Thánh không ai bằng, quay đầu nhìn lại, miệng nói lời trách:

—Này ma Sân hận, không biết kiềm chế, đã tạo ra đại ác này.

Ma Sân hận, ngay vào lúc ấy liền bị đọa vào địa ngục, hết ngục này đi đến ngục khác. Giống như con nòng nọc, con cá bị đưa ra khỏi nước đem lên đất liền; giống như lột da con bò lúc nó còn sống, ma Sân hận liên tiếp ở trong địa ngục chịu sự thống khổ không sao nói hết.

Lúc ấy ma Ba-tuần ở trong địa ngục lần lượt chịu mọi sự thống khổ kịch liệt, trải qua ngàn vạn năm, ức năm cứ mãi ở trong địa ngục ấy. Thí như có người thân bị bệnh cuồng, chạy đến chỗ bất an. Khi đó ma Ba-tuần bị đọa vào đại địa ngục chịu mọi thống khổ vô lượng. Ngục tốt đến nói:

–Ngươi nên biết, nếu có một cái thẻ gắn theo là một con chim bay lên, trải qua mười ngàn vạn năm, so sánh như vậy cũng khó biết được số lượng kia. Nay Tệ ma, ta ở trong địa ngục số lượng như vậy, sau đây mới được ra khỏi địa ngục, lại gặp ách nạn hơn hai vạn năm.

Lúc đó Tệ ma nghe như thế nên hết sức sầu khổ, sợ hãi.

Đức Phật vì Hiền giả Mục-liên, nói kệ:

*Ma Sân phải chịu tội  
Địa ngục ấy thế nào  
Lúc Phật Câu-lâu-tần  
Hóa độ chúng đệ tử  
Nó phải chịu thống khổ  
Lại còn bị khảo tra  
Lửa cháy tự thiêu thân  
Lửa thiêu mất đốt hình  
Địa ngục ấy như vậy  
Ma Sân hận ở đó.  
Lúc Phật Câu-lâu-tần  
Hồng Âm đệ tử lớn  
Giả sử ở trước Phật  
Cùng xem các Tỳ-kheo  
Do duyên đó chịu tội  
Tại vì gây nhiễu loạn.  
Nếu ưa thích quấy phá  
Tỳ-kheo đệ tử Phật  
Phải chịu tai ương kia*

Sanh nơi cực khổ nã  
 Như người nhào vực sâu  
 Bỏ mất cung điện lớn  
 Không ở với ngọc nữ  
 Lìa thú vui cõi trời.  
 Ai hiểu rõ điều này  
 Tỳ-kheo đệ tử Phật  
 Từ đó nên dẫn ra  
 Nỗi nguy, họa thống khổ  
 Ma nên biết thân Ta  
 Nương vào cửa giải thoát  
 Không cõi trời, người trời  
 Trời Dao-lợi nổi tiếng.  
 Nếu phân biệt như vậy  
 Tỳ-kheo đệ tử Phật  
 Tự thân phạm phi pháp  
 Do đó vào đường dữ  
 Ai dùng một ngón chân  
 Rung động cung tối thắng  
 Sử dụng lực thần túc  
 Mục-liên cảm ứng khắp.  
 Ai hiểu rõ điều này  
 Tỳ-kheo đệ tử Phật  
 Nếu tự thân đứng vững  
 Sao lại đọa cõi ác  
 Ví có trăm ngọc nữ  
 Đoan chánh đẹp hơn hết  
 Thấy Tỳ-kheo thiền tư  
 Liền không ở viễn quán.  
 Vì phân biệt như vậy  
 Tỳ-kheo đệ tử Phật  
 Tỳ-kheo tự tạo nghiệp  
 Hoặc bị đọa cõi ác  
 Giả sử cùng hòa đồng  
 Đến hỏi trời Đế Thích:

Thiên đế hiểu hay không  
 Nhân đâu được giải thoát?  
 Đế Thích tùy thời truyền  
 Đáp lời điều nghi vấn:  
 Nếu mình không tham đắm  
 Sau đó được giải thoát  
 Nếu hiểu rõ việc này  
 Tỳ-kheo đệ tử Phật  
 Tùy mình tạo tác nghiệp  
 Tự dẫn đến cõi ác  
 Hoặc đến cõi Phạm thiên  
 Thưa hỏi Phạm thiên vương  
 Do đâu đến chốn này  
 Được ở cõi Phạm thiên?  
 Phạm thiên liền tùy nghi  
 Theo hỏi mà trả lời:  
 Nay ta ở chốn này  
 Chưa từng sanh tà kiến  
 Từ Phạm thiên khắp xem  
 Ánh sáng bị thoái chuyển  
 Nay ta sẽ nói gì?  
 Thân ta trường thọ ư?  
 Nếu ai hiểu điều này  
 Tỳ-kheo đệ tử Phật  
 Tự thân phạm phi pháp  
 Tự dẫn đến khổ đau.  
 Như lửa không tưởng niệm  
 Ta sẽ đốt kẻ ngu  
 Ngu tự sờ vào lửa  
 Lại bị lửa thiêu thân.  
 Ba-tuần nên hiểu thế  
 Có ý quấy Như Lai  
 Chỉ hại đến thân mình  
 Như lửa thiêu kẻ dại  
 Người thích làm điều ác

*Thân họ māi khổ đau  
Đời sau không tự giác  
Đừng quấy phá Tỳ-kheo  
Ma Sân chớ thủ Phật  
Và nhiễu loạn đệ tử  
Māi māi không an ổn  
Phải sanh vào cõi ác.  
Bấy giờ ma quy phục  
Nên sợ các Tỳ-kheo  
Nghe như vậy ưu sầu  
Bỗng biến mất không hiện.*

Đức Phật giảng nói như vậy, chư Thiên, Long, Thần ai cũng đều hoan hỷ.



## SỐ 68

**PHẬT NÓI KINH LẠI-TRA-HÒA-LA***Hán dịch: Đời Ngô, Uu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nhục chi.*

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật cùng với năm trăm Sa-môn đồng du hóa đến nước Câu-lưu, đi dần tới nước Thâu-la-âu-tra.

Bấy giờ các hàng Bà-la-môn, đạo nhân, cùng dân chúng trong nước đều nghe tin Đức Phật đang du hóa đến xứ này. Họ nghe nói về công đức vi diệu của Đức Phật đã đạt được, đã dứt sạch mọi tham dâm, sân hận, ngu si. Những điều Phật giảng nói về tâm ý của con người đều là trung chính, chỉ nhằm đạt tới Phật đạo. Ngài tự biết con người từ đâu sanh đến, dự đoán các việc về quá khứ, vị lai, hiện tại, mắt có thể nhìn thấu suốt mọi chung sanh nơi thế gian, kể cả các loài côn trùng nhỏ bé nhất, từ lúc sanh ra chết đi luân chuyển qua các nẻo thiện ác. Ngài có thể bay lên cao hoặc ẩn vào lòng đất, lúc ra không cần khoảng cách, vào không cần lỗ hổng, biến hóa tự tại, biết mọi tâm niệm của dân chúng nơi thế gian cùng các loài sâu bọ nhỏ bé nhất. Đức Phật luôn tự kiềm chế thu nhiếp các căn. Thế gian có đến chín mươi sáu thứ đạo nhưng không gì bằng Phật đạo. Đức Phật dốc hết lòng chỉ dạy cho muôn loài trên trời, dưới đất như cha mẹ dạy dỗ con cái, đều khiến họ bỏ ác theo thiện. Ngài là vị thầy của cả Trời, người, những điều giảng dạy cho họ đều khiến đạt được đạo quả A-la-hán giải thoát. Dân chúng khắp cả nước đều nói:

–Đức Phật là người đem lại mọi sự an lành, khéo giảng nói kinh

pháp, giới luật. Vậy chúng ta hãy cùng nhau đến chiêm ngưỡng con người đạo đức ấy.

Thế là dân chúng trong khắp nước ấy, hoặc năm mươi người làm một nhóm, hoặc một trăm người làm một nhóm, hoặc năm trăm người làm một nhóm, họ cùng nhau đi đến chỗ Phật. Trong số ấy, người thì tới quỳ trước Đức Phật, người thì đi nhiễu quanh Phật ba vòng, người thì cung kính đánh lễ nơi chân Phật, có người lại chắp tay cúi đầu, có người thì nói lên tên họ của mình. Tất cả mọi người cùng ngồi xuống.

Đức Phật vì tất cả dân chúng hiện có giảng nói kinh, luật. Ai nấy đều chắp tay hướng về Đức Phật. Trong số những người đang lắng nghe giáo pháp ấy, có người con của một Trưởng giả tên là Lại-trahò-a-la, nhờ để tâm lắng nghe nên Lại-trahò-a-la tự lãnh hội nhanh và suy nghĩ: “Như kinh luật của Phật dạy thì không nên ở nơi gia đình, vì như thế thì tự mình không thể có được thanh tịnh để tu học Phật đạo”. Lại nghĩ: “Chỉ bằng ta cạo bỏ râu tóc, vận áo ca-sa, làm Sa-môn”.

Dân chúng nước Thâu-la-âu-tra nghe Đức Phật giảng nói về kinh, luật xong, thấy đều hoan hỷ, nhiễu quanh chỗ Phật ba vòng rồi lần lượt ra về. Lại-trahò-a-la mới về nửa chừng đường thì liền quay trở lại chỗ Đức Phật, cung kính đánh lễ rồi chắp tay quỳ xuống, thưa:

–Con nghĩ theo kinh luật của Phật dạy không nên ở tại gia đình, vì như thế thì tự mình không thể có được thanh tịnh để tu học Phật đạo. Ý con muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, làm Sa-môn, cúi mong Đức Phật xót thương chấp thuận.

Đức Phật hỏi:

–Ngươi đã xin phép cha mẹ chưa?

Lại-trahò-a-la thưa:

–Con chưa xin phép cha mẹ.

Đức Phật dạy:

–Đối với Phật pháp, nếu cha mẹ không cho phép thì không thể làm Sa-môn. Ta cũng không thể truyền trao giới pháp cho ông được.

Lại-trahò-a-la thưa:

–Thưa vâng, con sẽ trở về xin cha mẹ, nếu cha mẹ đồng ý thì con xin trở lại.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Hãy tự mình suy nghĩ kỹ.

Lại-trà-hòa-la liền đảnh lễ Đức Phật rồi trở về nhà mình, thưa với cha mẹ:

–Con được nghe kinh luật của Phật dạy là không nên ở nơi gia đình, vì như thế thì tự mình không thể có được thanh tịnh để tu học theo giáo pháp của Phật. Nay ý con muốn cao bồ râu tóc, mặc ca-sa làm Sa-môn.

Cha mẹ nghe con nói như vậy thì đều nhìn nhau, nghẹn ngào nói:

–Vợ chồng ta hiếm con, phải cầu đảo, khấn vái chư Thiên, mặt trời, mặt trăng, cúi lạy bốn phương mong có được đứa con yêu quý để kế thừa hương khói sau này. Cha mẹ thường sợ mình bỗng nhiên chết đi thì nhà này sẽ không ai nối dõi. Nhờ trời đã cho ta một người con trai, cả nhà đều hết sức yêu mến, quyết luyến. Giả sử con có chết đi, cha mẹ còn không muốn rời bỏ con, cha mẹ sẽ cùng ngồi giữ xác con cho đến già, huống chi nay con còn sống, lại muốn bỏ chúng ta mà đi sao?

Lại-trà-hòa-la nói:

–Như nay cha mẹ không cho con đến chõ Đức Phật để làm Sa-môn, vậy kể từ hôm nay trở đi con sẽ không ăn, không uống, cả không tắm rửa nữa. Nếu cha mẹ chấp thuận cho con làm Sa-môn thì tốt, còn không thì con sẽ chết mà thôi.

Nói xong, chàng liền nằm dài nơi nền đất trống, không ăn uống một ngày, hai ngày, cho đến năm ngày. Bà con thân thuộc nội ngoại của Lại-trà-hòa-la nghe tin chàng xin cha mẹ để được xuất gia làm Sa-môn, cha mẹ không cho, nên đã nằm dài nơi đất, không ăn không uống đã năm ngày rồi. Bà con nội ngoại đều đến chõ Lại-trà-hòa-la khuyên bảo nên đứng dậy tắm rửa, ăn uống, rồi nói:

–Lúc chưa có con, cha mẹ con đã cầu đảo chư Thiên, mặt trời, mặt trăng, cúi lạy bốn phương để mong có được một đứa con, tức là con đấy. Con phải lo việc nuôi dưỡng cha mẹ, làm người thừa kế cho gia đình sau này. Giả sử con có chết đi, cha mẹ vẫn muốn ngồi bên xác con cho đến già, huống chi nay con còn sống mà lại muốn lìa bỏ cha mẹ hay sao?

Lại-trà-hòa-la cũng không trả lời. Các vị trong thân tộc cùng đến chõ cha mẹ của Hòa-la thở than, nói:

—Cậu bé này rốt cuộc vẫn không nghe theo lời chúng tôi khuyên can.

Lại-trà-hòa-la còn có các người bạn thân thiết, có học, nghe bạn muốn đến chỗ Đức Phật xin xuất gia làm Sa-môn nhưng cha mẹ không đồng ý nên chàng cứ nằm dài trên nền đất trống chẳng thiết gì chuyện ăn uống đã năm ngày rồi, nên cùng kéo tới chỗ Lại-trà-hòa-la khuyên can, bảo hãy đứng dậy lo tắm rửa, ăn uống, nói:

—Lúc bạn chưa ra đời, cha mẹ bạn đã cầu đảo chư Thiên, mặt trời, mặt trăng, cúi lạy bốn phương để mong có được một đứa con. Vậy bạn phải nên lo việc nuôi dưỡng cha mẹ, làm người thừa kế cho gia đình, dòng họ. Ví dầu bạn có chết đi thì cha mẹ bạn vẫn muốn ngồi luôn bên xác bạn cho đến già, huống chi nay bạn còn sống mà muốn xa lìa cha mẹ sao?!

Lại-trà-hòa-la cũng không trả lời. Số bạn bè thân thiết ấy lại đến chỗ cha mẹ của Lại-trà-hòa-la, gạt nước mắt nói:

—Hai bác nên đồng ý cho cậu ấy được làm Sa-môn. Vì sao vậy? Vì như cậu ấy ưa thích đạo pháp làm Sa-môn thì sau đây vẫn còn sống để gặp nhau: Giả như cậu ta không thích việc tu tập nữa thì sẽ bỏ đạo trở về nhà, ý hai bác thế nào? Còn nếu không cho cậu ta đi, nhất định cậu ấy sẽ chết mất. Nay sức khỏe của cậu ấy sa sút lắm rồi có thể bị chết liền đấy!

Ai nấy đều lo lắng, thở than. Cha mẹ lau nước mắt nói với con trai:

—Anh em bạn bè thân thiết đã giao ước với con rằng sau khi được làm Sa-môn, con phải trở về thăm cha mẹ chứ.

Lại-trà-hòa-la đáp:

—Hãy cho con đến chỗ Đức Phật để làm Sa-môn thì con sẽ sống, không chết, sau này con sẽ trở về thăm cha mẹ.

Cha mẹ nghe con trai mình nói lời ấy thì lại khóc rống lên, nhưng vẫn cho phép Lại-trà-hòa-la làm Sa-môn. Lại-trà-hòa-la hết sức vui mừng, tự nghĩ: “Ta không ăn uống đã năm ngày rồi, thân thể rất suy yếu. Lúc này, Đức Phật từ nước Thâu-la-âu-trà đến nước Xá-vệ, đã đi được năm trăm dặm, vậy ta hãy gắng ăn uống, chờ cho sức khỏe hồi phục rồi sẽ đi”.

Sau vài ngày, thấy đã có sức lực, Lại-trà-hòa-la đến thưa với cha mẹ:

—Xin cha mẹ hãy an tâm. Con sẽ đến chỗ Đức Phật xin làm Sa-môn.

Cha mẹ Lại-trà-hòa-la nghe vậy lại khóc rống lên, rồi gạt lệ nói:

—Hãy đi đi con thân yêu!

Lại-trà-hòa-la cung kính lạy nơi chân cha mẹ, đứng dậy nhiễu quanh chỗ cha mẹ ba lần, rồi đi đến tinh xá Kỳ hoàn, thuộc nước Xá-vệ, tới trước Đức Phật đầu mặt đảnh lễ xong, thưa:

—Cha mẹ con đã cho phép rồi, cúi mong Đức Phật nhận con làm Sa-môn.

Đức Phật liền thuận cho Lại-trà-hòa-la làm Sa-môn, mặc ca-sa, thọ giới pháp của Sa-môn. Đức Phật bảo các vị A-la-hán hàng ngày thay nhau chỉ dạy cho Hòa-la, luôn theo đúng giới luật của chánh pháp. Sa-môn Hòa-la tự tư duy về giáo pháp, giới luật liền chứng tứ thiền, đặc quả thứ nhất là Tu-dà-hoàn, quả thứ hai là Tư-dà-hàm, rồi quả A-na-hàm, và quả A-la-hán đạt được bốn thân túc bay lên hư không, có thể dùng thiên nhãn, thiên nhĩ thấy xa, nghe rộng, nhận biết ngôn từ, tâm niệm của mọi chúng sanh trong thế gian, cả đến các loài sâu bọ, côn trùng nhỏ bé mềm yếu nhất, tự biết túc mạng từ đâu sanh đến. Tôn giả theo Phật trong mười năm như bóng theo hình. Sau đấy Tôn giả Lại-trà-hòa-la suy nghĩ: “Lúc trước, ta lìa gia đình, già từ cha mẹ, nay nên trở về thăm viếng”. Lại-trà-hòa-la bèn bạch Đức Phật:

—Lúc trước con lìa gia đình, xuất gia học đạo đã lâu, nay nên trở về thăm. Xin Đức Phật cho phép con được về thăm cha mẹ.

Đức Phật nghĩ: “Lại-trà-hòa-la này không thể trở về với đời sống ái dục như lúc ở nhà được, vì đã từ nơi ái dục mà được giải thoát”, liền nói:

—Rất tốt.

Tôn giả liền đánh lễ Phật rồi đi, lần lượt đến nước Thâu-la-âu-tra. Vào lúc sáng sớm, Tôn giả mang y cầm bát đi vào xóm của cha mẹ, dần tới trước cửa nhà mình để khát thực mà không nhận ra người nhà. Vì sao? Bởi vì theo đúng pháp của Sa-môn phải biết quên mình là con của gia đình này. Do cả nhà vốn có ác kiến với Sa-môn nên không ai ngó ngàng đến Tôn giả. Lại-trà-hòa-la đến ngay trước cửa nhà mình nhưng chẳng ai cho gì, cũng chẳng ai thèm nhìn, ngó hay hỏi han, chỉ bị mắng nhiếc. Tôn giả vẫn không buồn phiền. Vừa muốn quay đi, lúc đó

có người hầu bước ra khỏi cửa để đồ đồ ăn thừa. Tôn giả Lại-trà-hò-la thấy vậy liền nói:

—Này cô, cô đem thứ đồ ăn hư thối này làm gì?

Người hầu đáp:

—Đồ ăn này không thể dùng được nữa, cho nên tôi đem đổ đi.

Tôn giả Lại-trà-hò-la nói:

—Nếu cô muốn đổ đi thì hãy cho ta.

Người hầu liền đổ thức ăn vào bình bát của Tôn giả. Cô gái ngầm nhận ra Lại-trà-hò-la qua tay chân và lời nói. Cô nghĩ: “Đây là người con trai của chủ mình”. Cô ta liền chạy vào nhà báo cho mẹ của Tôn giả biết là con trai của bà đã trở về, đang ở bên ngoài.

Mẹ của Tôn giả hết sức vui mừng nói với người hầu:

—Nếu đúng như lời ngươi nói thì ngay ngày hôm nay ta sẽ cho ngươi được tự do, trở thành người bình thường.

Bà liền lấy y phục và châu ngọc đang trang điểm của mình đem cho mẹ của cô gái hầu. Lại chạy đến chỗ chồng, lúc ấy đang đứng trong nhà chải tóc, bà nói:

—Con hầu vừa thấy con trai của chúng ta trở về đang đứng ở trước cửa nhà mình. Tôi liền nói với nó nếu quả thật người thấy đúng là Lại-trà-hò-la, ta sẽ cởi bỏ y phục và châu báu đang trang điểm trên thân cho ngươi và cho ngươi được tự do trở thành người bình thường.

Rồi bà nói với chồng:

—Ông hãy nhanh chân để ra bố thí cho người khất thực.

Cha của Tôn giả liền sửa lại đầu tóc rồi chạy ra phía ngã tư đường để tìm, thấy Tôn giả Lại-trà-hò-la đang đứng nơi chỗ vắng, ngẩng đầu nhìn trời, vừa đúng giờ ăn, liền đứng lại để ăn đồ ăn đã thiu thối ấy. Người cha liền đến phía trước, nói với Lại-trà-hò-la:

—Sao con không vào nhà, ngồi nơi chỗ đẹp đẽ, ăn cơm canh ngon, sao lại đứng ở đây ăn các thứ ăn thiu thối như thế?

Tôn giả Lại-trà-hò-la thưa:

—Tôi đã bỏ gia đình để học đạo, làm Sa-môn không nhà, vậy tôi làm gì có nhà mà ngài nói cùng về?

Tôn giả không chịu đi. Người cha mời:

—Xin mời Tôn giả sáng mai đến nhà này để thọ thực và gặp mẹ.

Tôn giả Lại-trà-hò-la thưa:

–Rất tốt!

Ông liền trở về nói với vợ:

–Lại-trà-hòa-la quả thật có đến đây. Tôi đã mời con sáng mai đến nhà để dùng cơm. Con của chúng ta đã nhận lời mời, vậy bà phải chuẩn bị cơm nước đầy đủ.

Bà mẹ liền gọi những cô hầu trong nhà đến trước mình bảo:

–Lúc ta mới về nhà này, cha mẹ ta có cho ta nào vàng, bạc, ngọc trăng, châu báu vô số. Các người hãy đem tất cả những thứ ấy để giữa sân, lấy đồ che lên trên.

Các người hầu liền theo lời của mẹ Tôn giả đem tất cả các thứ vàng, bạc, châu báu chất đầy ở giữa sân, lấy đồ che lên trên, cao hơn đầu người.

Hôm sau, đến giờ ăn, Tôn giả Lại-trà-hòa-la, mang y, cầm bát đi tới nhà cha mẹ mình. Cha mẹ Tôn giả từ xa trông thấy con đi vào ngõ, bà mẹ liền giở vật che trên đống vàng bạc ra, hai tay hốt đầy vàng bạc đi đến trước Tôn giả Lại-trà-hòa-la, tung vàng bạc châu báu lên, nói:

–Con hãy nhìn xem vàng bạc châu báu ở đây, chính là sở hữu của mẹ lúc mới về nhà này. Còn phần vàng bạc châu báu của cha con thì nhiều vô số. Con hãy dùng nó để bố thí, ăn tiêu, vui chơi thỏa thích. Con làm Sa-môn sao bằng làm người bạch y, ở nhà được tự do vui sướng.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la thưa với cha mẹ:

–Nếu như cha mẹ chấp nhận lời đề nghị của con, con muốn xin cha mẹ một chuyện.

Cha mẹ Tôn giả nói:

–Tốt lắm! Chúng ta chấp nhận.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la thưa:

–Xin lấy tất cả số vàng bạc châu báu kia che lại, dùng cái đĩa bỏ chúng vào trong, đặt lên xe, đem đến bờ sông Hằng coi khúc sông thật sâu thì bỏ xuống đó. Vì sao vậy? Vì người nào cất chứa tài sản châu báu thì nó sẽ khiến cho kẻ ấy nhiều sầu muộn, hoặc họ sợ triều đình chiếm đoạt, trộm cướp lấy đi, hoặc sợ nước trôi, lửa cháy, hoặc sợ oan gia phá hủy.

Cha mẹ Tôn giả liền nghĩ: “Không thể dùng tiền tài để khuyến dụ Lại-trà-hòa-la trở lại đời sống tại gia được. Vậy chúng ta thử dùng

các cô gái đẹp, các kỹ nữ để dụ dỗ xem sao". Suy nghĩ như vậy rồi, bà mẹ liền đến chỗ các cô gái, các kỹ nữ kia chỉ dẫn họ lo tắm gội, trang điểm đeo các loại châu ngọc, mặc những bộ y phục đẹp mà Lại-trahò-la trước đây yêu thích nhất. Bà mẹ bảo các cô gái:

–Các cô đến gặp Tôn giả Lại-trahò-la, chỉ nói: "Này người con của đại gia! Có ngọc nữ nào xinh đẹp hơn chúng tôi, khiến chàng phải bỏ chúng tôi để học đạo vì nàng?".

Các cô gái ấy liền vâng lời lo trang điểm, mặc y phục, đeo châu báu xong thì cùng đi ra. Gặp Tôn giả Lại-trahò-la, họ nói:

–Này người con của đại gia! Có ngọc nữ nào xinh đẹp hơn chúng tôi, khiến chàng phải bỏ chúng tôi để học đạo, hầu tìm nàng ta?

Tôn giả Lại-trahò-la đáp:

–Ta chẳng đi tìm ngọc nữ nào mà bỏ các cô em cả.

Các cô gái ấy nghe Tôn giả nói như vậy liền cảm thấy hổ thẹn, bèn quỳ xuống, cúi đầu, lấy tay che mặt rồi nói:

–Vì chẳng muốn lấy chúng tôi làm vợ nên mới gọi chúng tôi là cô em?

Tôn giả Lại-trahò-la nói với cha mẹ mình:

–Tại sao lại làm phiền nhau. Nếu muốn thí cúng cơm thì đó là tốt, không muốn thì thôi.

Cha mẹ Tôn giả liền cho dọn ra đầy đủ các món ăn ngon để Tôn giả dùng. Cha mẹ Tôn giả muốn được nhìn con thật lâu, sợ con ăn xong rồi đi liền, nên bảo đám người hầu đóng các cửa ngõ, dùng khóa khóa lại.

Tôn giả ăn xong giảng nói kinh cho cha mẹ nghe:

–Những người nông dân nuôi dưỡng các thú vật chẳng nên bắt nhốt chúng, khiến chúng không được tự do, huống hồ là chuyện con người. Hãy thả tôi ra, tôi ăn rồi đi. Loài thú noi đồng ruộng được thoát, liền chạy vào núi sâu. Chải đầu, bôi hương thơm, thoa phấn, kẻ chân mày trắng đen đủ loại, những thứ ấy chỉ làm mê hoặc kẻ ngu si, chứ đối với người đã thoát khỏi mọi sự trói buộc của thế gian thì làm sao mê hoặc. Hãy nhìn bộ xương này với da thịt bao phủ, được trang sức bằng bao thứ vàng bạc, châu báu, vòng đeo ngọc ngà... ai đam mê kẻ ấy như đi vào trong nước sôi, lửa đỏ, lửa đâu có đáng ưa thích. Dùng hương thơm bôi xoa thân thể, những thứ ấy chỉ gạt được người ngu si,

nhưng làm sao gạt được người đã thoát khỏi mọi thứ trói buộc của cuộc đời. Vì không thể tự biết phải làm gì nên mới làm như vậy. Cũng không thể phân biệt cha mẹ, cũng không thể phân biệt anh em, khi tâm con người đầy khởi ái dục thì không thể tự mình đoạn tuyệt được. Người nữ giống như các dòng nước, các dòng nước ấy đều chảy vào biển cả. Người ngu chạy theo nữ nhân nên mới trôi lăn vào trong các nẻo địa ngục, súc sanh quỷ đói. Nếu muốn vượt khỏi sự ưu sầu khổ não trong đường sanh tử, muốn đạt được đạo Niết-bàn giải thoát cần phải xa lìa người nữ.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la thuyết giảng kinh cho cha mẹ mình nghe xong liền vận dụng thần túc bay vút lên trời qua đường cửa sổ rồi đi thẳng, giống như con sư tử dũng mãnh chạy thoát.

Bấy giờ quốc vương Câu-liệp vốn có thân tình với Tôn giả Lại-trà-hòa-la từ thuở nhỏ. Nhà vua có một tòa lâu nơi vườn cây ở ngoài thành. Lúc Tôn giả Lại-trà-hòa-la phi hành đến phía trước thì đi vào trong khu vườn ấy ngồi bên gốc cây Duy-hê-lặc. Lúc ấy vua Câu-liệp bỗng nhiên muốn đi đến nơi tòa ấy để vui chơi, liền ra lệnh cho người coi khu vườn lo công việc quét dọn. Viên quan coi vườn vâng lệnh vua đi làm công việc, thấy Tôn giả Lại-trà-hòa-la đang ngồi bên gốc cây Duy-hê-lặc, liền đến tâu với vua:

–Thần đã quét dọn sạch sẽ. Đức vua thường nói có bạn tri thức thân tình là Lại-trà-hòa-la, nay Tôn giả ấy đang ngồi bên gốc cây trong vườn. Nếu đức vua muốn gặp Tôn giả vậy hãy đến đó.

Nhà vua nghe tâu như thế thì vô cùng vui mừng, liền cho sửa soạn xe giá rồi cùng đoàn tùy tùng đến phía ngoài tòa lâu, xuống xe đi bộ vào khu vườn, tới chỗ Tôn giả Lại-trà-hòa-la, chào hỏi đúng lễ rồi ngồi xuống. Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

–Nhà vua đến đây thật quá tốt.

Vua nói:

–Chỉ có một mình ta đến đây, Tôn giả vốn là bạn tri thức của ta lúc nhỏ. Nếu cần dùng các thứ tài sản vật báu gì thì ta sẽ tặng như ý muốn.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la đáp:

–Không nên đem tiền của ban tặng cho tôi. Nay tôi đã lìa bỏ được gánh nặng, giải thoát khỏi lao ngục ấy. Nhà vua lại muốn đem

cái gánh nặng của lao ngục đó đặt lên thân tôi sao. Vậy đừng đem các thứ ấy cho tôi.

Vua hỏi:

—Vậy ta nên đem những vật gì để tặng Tôn giả?

Tôn giả Lại-trà-hòa-la đáp:

—Vua chỉ nên nói hiện nay đất nước của ta giàu có, năm thứ lúa thóc, hoa màu dồi dào, dân chúng đông đúc, việc khất thực dễ được, các Sa-môn có thể ở lại trong nước ta, ta ra lệnh cho các quan và dân chúng không được xâm phạm Sa-môn.

Nhà vua nói:

—Xin ghi nhận lời dạy ấy, tôi sẽ làm như điều Tôn giả mong ước và bày tỏ.

Vua nói:

—Tôi có điều muốn hỏi, xin Tôn giả lắng nghe.

Lại-trà-hòa-la nói:

—Rất tốt.

Vua liền nói:

—Phàm người làm Sa-môn thường gấp phải có bốn việc khổ, thì mới làm Sa-môn. Những gì là bốn? Một là tuổi già, hai là bệnh hoạn, ba là cô độc, bốn là bần cùng. Người ở đời vì bốn sự khổ này nên mới làm Sa-môn. Nay tôi thấy Tôn giả hoàn toàn không có bốn điều ấy vậy sao lại làm Sa-môn?

Vua lại nói:

—Sở dĩ người tuổi già mới làm Sa-môn là vì người già tự nghĩ mình khí lực yếu kém, đứng ngồi khổ sở, không thể đi xa làm ăn để kiếm tiền của, nếu có tiền của cũng không thể giữ vững, do đó mới cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn. Tôi thấy Tôn giả không ở vào trường hợp này. Tôn giả đầu tóc đen nhánh, thân thể tròn đầy, vừa đang độ tuổi thanh niên, nên vui chơi, nhưng Tôn giả lại làm Sa-môn để cho cha mẹ của mình khóc than, buồn bã.

Hai là, người thân thể bị bệnh nặng, ốm yếu tự nghĩ: “Ta không thể mưu sinh để có tiền tài, nếu có tiền tài thì cũng không thể giữ vững được”. Do đó họ cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn. Tôi thấy Tôn giả hoàn toàn không thuộc vào trường hợp vừa nêu, thân thể lại cường tráng.

Ba là có người cô độc một thân, không thể mưu sinh để có tiền

tài, hoặc nếu có tiền tài thì cũng không giữ nổi, vì vậy mới làm Sa-môn. Tôi thấy Tôn giả cũng không phải như vậy. Trừ hàng vương tộc ra thì trong nước của ta không ai hơn Tôn giả về mặt này.

Bốn là người bần cùng đói lạnh, không thể tự nuôi sống được, kẻ ấy tự nghĩ: “Mình nghèo khổ quá, không thể mưu sinh nổi, do đó nên cạo bỏ râu tóc, làm Sa-môn để được cửa bối thí mà sinh sống”. Tôi thấy Tôn giả hoàn toàn không có trường hợp này. Tôi thấy những kẻ giàu có trong nước không ai hơn gia đình Tôn giả. Người ta vì bốn sự khổ kể trên mới làm Sa-môn.

Vua hỏi tiếp:

–Thưa Tôn giả, vậy có trường hợp nào ngoài bốn trường hợp vừa kể khiến cho người ta làm Sa-môn chăng?

Tôn giả Lại-trà-hòa-la đáp:

· Đức Thế Tôn thường dạy tôi bốn việc phải biết rõ rồi đem chỉ dạy cho người khác. Trong tâm tôi hiểu đúng như lời Phật dạy nên cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, làm Sa-môn. Những gì là bốn?

Một là con người không ai tránh khỏi sự già, không ai có thể làm cho thân mình không già yếu.

Hai là không ai có thể tránh khỏi bệnh, thân mình không thể chết thay cho người khác được.

Ba là người chết ra đi một mình, không ai có thể mang tài sản theo được.

Bốn là con người cho đến chết vẫn không thể nhảm chán ái dục và cẩu cải. Con người luôn làm nô lệ cho tài sản và ái dục.

Đức Phật đã dạy cho tôi bốn việc này, tâm tôi dốc tin điều ấy nên làm Sa-môn.

Vua nói:

–Tôn giả nói bốn việc này quá cô đọng, ý tôi không lãnh hội hết, xin Tôn giả nói rộng thêm cho tôi hiểu.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

–Nay tôi xin hỏi nhà vua, xin vua cứ thành thật trả lời. Nhà vua từ lúc hai mươi, ba mươi cho đến lúc bốn mươi tuổi, khí lực dồi dào, có tài bắn tên, cõi voi, phi ngựa, chạy nhanh, lúc đó ngài tự cho mình là vô song, vậy nay có còn không?

Nhà vua nói:

—Đúng như lời Lại-trà-hòa-la nói từ lúc hai mươi, ba mươi cho đến bốn mươi tuổi, tôi tự thấy mình là vô song với các nghề bắn tên, cõi voi, phi ngựa, chạy đua. Nay tôi tuổi đã lớn, khí lực suy kém đứng ngồi khó khăn, ý muốn thoát khỏi sự khổ ấy nhưng không thể thoát được.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

—Đức Phật giảng nói một việc ấy, tôi lãnh hội được ý nghĩa sâu xa nên cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn.

Nhà vua nói:

—Đức Phật dạy việc ấy thật là kỳ diệu, thật rất đúng, nó đã thâm nhập trong tâm tôi.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la hỏi nhà vua:

—Ở trong nước có những hàng cận thần, trăm quan nhờ vua mà được sống đầy đủ phải chăng?

Nhà vua đáp:

—Đúng vậy.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

—Nhà vua có từng bị bệnh khổ nằm liệt giường không?

Nhà vua nói:

—Quả có như vậy.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

—Lúc bị bệnh nằm liệt giường như thế, nhà vua có gọi kẻ cận thần, trăm quan đã nhờ vua mà được sống đầy đủ đến dạy rằng: “Nay ta bị bệnh nguy khốn, các ngươi hãy cùng nhau chia bệnh của ta ra, mỗi người lãnh một ít”. Dù vua có nói như vậy thì họ có thể chia nhau nhận lãnh bệnh của vua được chăng?

Nhà vua đáp:

—Không thể được. Nếu thân ta bị bệnh thì phải tự chịu lấy chứ cận thần, trăm quan không thể thay thế được.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

—Đức Phật đã giảng dạy như vậy. Đó là việc thứ hai, tôi đã lãnh hội, vì thế mà làm Sa-môn.

Nhà vua nói:

—Thật là kỳ diệu đặc biệt, thật là hay, đúng! Điều ấy đã thâm nhập vào tâm tôi.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la hỏi nhà vua:

–Khi thọ mạng của con người sắp hết thì phải chết, trong tâm rất buồn, tuy rất buồn nhưng không thể thoát khỏi cái chết.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói tiếp:

–Con người tự biết là sẽ chết, tại sao không trù tính việc đem các châu báu đến chỗ tái sanh?

Nhà vua nói:

–Không thể mang theo châu báu của cải đến chỗ mình sẽ tái sanh được. Tất cả đều phải từ bỏ chỉ ra đi một mình mà thôi.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

–Đức Phật đã giảng dạy như vậy. Đó là việc thứ ba, tôi đã lãnh hội nên mới làm Sa-môn.

Nhà vua nói:

–Đức Phật dạy việc này thật là kỳ diệu đặc biệt, thật là đúng, nó đã thâm nhập vào tâm tôi.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la hỏi vua:

–Đại vương, có phải trong nước của nhà vua được bình yên, dân chúng đông đúc, năm thứ lúa thóc hoa màu dồi dào không?

Nhà vua đáp:

–Quả đúng như vậy.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

–Nếu có người từ phương Đông đến, thành thật nói với vua, mà vua cũng tin lời người ấy, rằng tôi từ phương Đông tới, thấy có một nước lớn, nước ấy giàu có, dân chúng đông đúc, tôi biết con đường tắt xuyên qua nước đó, ngài có thể đem quân binh của mình đến chinh phạt để chiếm nước ấy. Nếu nhà vua nghe lời nói kia, có muốn sai người qua chiếm nước đó không?

Nhà vua đáp:

–Có chứ, vì tham lợi của nước ấy nên mới muốn chiếm cứ nước ấy.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

–Nếu lại có người từ phương Nam, phương Tây và phương Bắc đến, nói: “Có một nước....” như người từ phương Đông đã nói, vậy nhà vua có muốn chiếm nước ấy không?

Vua đáp:

–Có chứ! Vì tham cái lợi của nước ấy nên đem binh vào chiếm.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

—Nếu lại có một người từ một vùng biển đi đến, thành thật nói với vua, mà vua cũng tin lời của người ấy: “Ở vùng biển kia có một nước lớn, trong nước ấy lúa thóc hoa màu dồi dào, dân chúng đông đúc, tôi biết con đường tắt xuyên qua nước đó, nhà vua có thể đem binh mã của mình đến để đánh chiếm nước ấy”. Vua nghe lời tâu như thế thì có muốn sai người đem quân mã đến chiếm nước kia không?

Vua đáp:

—Có chứ, vì tham cái lợi của nước ấy nên muốn đánh chiếm.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

· Đức Phật thấy rõ việc này, biết con người khổ là do lòng tham, do không biết đủ. Đó là việc thứ tư tôi đã lãnh hội, vì vậy mà tôi làm Sa-môn. Đức Phật thấy rõ bốn sự việc ấy nên mới chỉ dạy con người phải biết ngăn chặn.

Nhà vua nói:

—Đức Phật giảng nói điều này thật vô cùng kỳ diệu đặc biệt, hết sức đúng, hay, nó đã thâm nhập vào tâm tôi.

Nhà vua nói tiếp:

—Đức Phật dự biết việc quá khứ, vị lai và hiện tại giỏi tới như vậy sao?

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

—Nhà vua đã có nước của mình và nước nơi bốn phương mà vẫn chưa biết đủ, lại còn mong muốn chiếm cứ nước ở ngoài biển nữa. Đức Phật nhận thấy con người ở thế gian có tài sản quý giá đều lo giữ kỹ, không chịu bố thí cho người khác, tham lam bẩn sỉn cất giấu, lại còn mong cầu thêm. Từ vua chúa đến dân chúng đều không biết nhảm chán, biết đủ cho đến lúc chết vẫn không lìa bỏ ái dục. Nên bỏ lòng tham, vì lúc chết thì của cải, tài sản đều để lại, chỉ ra đi tay không, phải theo con đường thiện hay ác do chính người ấy tạo ra. Sự thiện hay ác đi theo con người như bóng theo hình. Con người sau khi chết, gia đình quyền thuộc khóc lóc thảm thiết, rồi lo khâm liệm chôn cất. Con người khi sanh ra một mình thì lúc chết cũng một mình. Tự thân tạo ra điều thiện ác thì chính thân phải lãnh chịu, không ai có thể thay thế được. Đồ ăn uống, vàng bạc, châu báu không thể làm cho người ta đạt đạo, tiền của không thể cứu mạng người thoát khỏi già chết. Sự suy

nghĩ nhớ tưởng của con người đa đoan, chính là do ái, lạc. Tâm ý con người luôn luôn thay đổi, không thể chuyên nhất.

Đức Phật dạy:

—Vì con người buông lung tâm ý cho nên phải gấp điều xấu dã, tai họa, sợ hãi. Ví như dấy ý nghĩ khoét tường đục vách để ăn trộm, sau đó lấy được cửa cải của người khác. Thân đã làm điều ác, tự sập vào bẫy chết. Như người thế gian làm ác, sau khi chết bị đọa vào các nẻo địa ngục, súc sanh hay ngạ quỷ. Ví như cây cối sanh hoa lá, kết thành trái, có khi có hoa thì rụng, có khi có trái thì rụng, có khi trái lớn thì rụng, có khi trái chín thì rụng. Con người cũng như vậy, có lúc mới thọ thai liền chết, có lúc mới sanh liền chết, có khi tuổi thành niên bị chết, có khi tuổi già bị chết. Mạng người không thể biết được.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la nói:

—Do vậy mà tôi làm Sa-môn. Kẻ phàm phu gọi tôi là người không thể lo nổi việc nhà nên làm Sa-môn. Tuy có luận bàn đủ thứ cũng không bằng học đạo.

Tôn giả Lại-trà-hòa-la giảng nói kinh pháp xong, nhà vua liền đạt được quả thứ nhất là đạo Tu-đà-hoàn, liền xin thọ năm giới:

1. Không sát sanh.
2. Không trộm cắp.
3. Không xâm phạm phụ nữ của người khác.
4. Không nói dối.
5. Không uống rượu.

Nhà vua thọ giới xong liền cung kính đánh lễ rồi lui ra.



SỐ 69

## PHẬT NÓI KINH HỘ QUỐC

*Hán dịch: Đại sư Pháp Hiền (Đời Tống).*

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại thành Câu-lư, du hóa tạo mọi lợi ích cho chúng sanh rồi dần dần đi đến thôn Đổ-la, cùng đông đủ chúng Đại Bí-sô tạm dừng lại ở đấy.

Bấy giờ, trong thôn này có các Bà-la-môn, Trưởng giả... cùng nhau bàn luận:

—Vị Đại Sa-môn Cù-dàm này đã bỏ ngôi vua, xuất gia hành đạo, quả đức tròn đầy tỏa sáng, danh tiếng đồn khắp, chính là Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đối với các hàng Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, người và chẳng phải người nơi các cõi, nhờ hạnh nguyện của chính mình mà Ngài đã thành tựu quả vị Đẳng Chánh Giác, trải lòng từ bi, thuyết giảng chánh pháp, phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối cũng thiện, nghĩa lý sâu xa, thuần nhất không xen tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh viên mãn, đầy đủ sự tối tôn, tối thượng như vậy. Nếu chúng ta gặp Ngài sẽ cùng được nhiều điều lợi ích tốt đẹp. Vậy chúng ta hãy đến chỗ Phật để chiêm ngưỡng lễ bái, xưng tán.

Bàn luận xong, họ cùng nhau đến chung hội của Phật. Đến nơi, người thì cung kính đánh lễ, người thì chắp tay, còn số đông thì hết lời xưng tán. Số người đông đảo như vậy, khi đánh lễ tán thán xong đều ngồi qua một bên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết pháp cho mọi người nghe, khiến họ đều hân hoan, phát tâm Bồ-đề. Các vị Bà-la-môn, đại Trưởng giả... cũng vậy, sau khi phát tâm Bồ-đề, liền từ tòa ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về Đức Phật, hết lời xưng tán, cung kính đảnh lễ rồi ra về.

Lúc ấy, trong hội có một đại Trưởng giả tên là Hộ Quốc, vì luyến mộ Đức Phật nên không rời khỏi pháp hội và nghĩ như vậy: “Pháp ta được nghe, nếu có thể nương tựa thực hiện, chắc chắn sẽ thành Bậc Chánh Giác. Nếu ta ở gia đình thì cứ mãi bị cảnh luân hồi. Đức Phật ra đời thật khó gặp, nên tin tưởng, xuất gia để cầu giải thoát, vậy nay ta phải xa lìa mọi sự phóng dật, tinh tấn phát tâm, theo Phật xuất gia, dốc tu phạm hạnh, nguyện cao bỏ râu tóc, mặc ca-sa”.

Trưởng giả Hộ Quốc nghĩ như vậy rồi, liền từ tòa ngồi đứng dậy, đi đến trước Đức Phật, đầu mặt lạy ngang chân Ngài, chắp tay hướng về Đức Phật, thưa:

—Con theo Đức Thế Tôn, được nghe chánh pháp, chán sự khổ trong cõi luân hồi, khởi tâm tin vui, nên nay xin Đức Phật cho phép con được xuất gia làm Sa-môn. Cúi mong Đức Thế Tôn chấp nhận.

Đức Phật nói:

—Này Hộ Quốc, Trưởng giả dốc lòng tin xuất gia, vậy cha mẹ của Trưởng giả đã cho phép chưa?

Hộ Quốc thưa:

—Thưa chưa, bạch Thế Tôn. Cha mẹ con không cho phép.

Đức Phật nói:

—Này Hộ Quốc, cha mẹ không cho phép thì không được xuất gia.

Hộ Quốc lại bạch Phật:

—Bạch Thế Tôn, tuy cha mẹ chưa cho phép nhưng con sẽ khẩn thiết cầu xin, thế nào cha mẹ cũng đồng ý.

Đức Phật bảo:

—Này Hộ Quốc, như điều mong ước của Trưởng giả, nay đã đúng lúc.

Bấy giờ Trưởng giả Hộ Quốc, vâng theo lời dạy của Đức Phật, cung kính đảnh lễ rồi lui ra, trở về nhà thưa với cha mẹ:

—Xin cha mẹ thương yêu, chấp nhận sự thỉnh nguyện của con: “Con ở nơi chúng hội của Phật, nghe Phật thuyết pháp, con đã lãnh hội, thấu hiểu liền phát khởi chánh tín, muốn được xuất gia”. Cúi

mong cha mẹ chấp nhận lời xin của con.

Cha mẹ của Hộ Quốc bảo:

—Con muốn xuất gia để mong được lợi ích gì? Lại nhầm chứng đắc điều gì mà cầu xuất gia? Nếu con muốn xuất gia hẳn không phải vì mục đích xin ăn để sống chứ? Con nên biết rằng, hiện nay tài sản, châubáu nơi gia đình của ta nhiều vô kể. Con chỉ cần sống tại gia, bỏ của cải ra làm phước, tương lai sẽ được giàu có an lạc, cần gì phải xuất gia?

Cha mẹ của Hộ Quốc khéo dùng những lời như thế để khuyến dụ Hộ Quốc không nên xuất gia. Hộ Quốc lại thưa:

—Xin cha mẹ nên nghĩ: con đã nhầm chán cảnh sanh tử luân hồi, tự lìa bỏ sự vinh hoa nơi thế gian, chí mong cầu xuất gia học đạo. Cúi mong cha mẹ chấp thuận cho con.

Hộ Quốc đã thỉnh cầu cha mẹ đến hai, ba lần. Cha mẹ của Trưởng giả lại bảo:

—Con đã quyết tâm, dốc cầu xuất gia, đừng lấy việc đi xin ăn để sinh sống. Tài sản vàng bạc, châubáu của nhà ta nhiều vô số kể. Con chỉ nên ở nhà bố thí làm phước, hưởng thọ phú quý, cần gì phải xuất gia!

Cha mẹ của Hộ Quốc cũng hai, ba lần khuyên bảo như vậy. Trưởng giả Hộ Quốc lại thưa:

—Nếu cha mẹ không cho phép, kể từ ngày hôm nay trở đi, con thể sẽ không ăn uống cho đến chết.

Thệ nguyện như thế rồi, Trưởng giả Hộ Quốc bèn liền không ăn uống gì cả. Bấy giờ các bạn hữu tri thức của Hộ Quốc nghe tin ấy liền cùng nhau đến nhà cha mẹ của Trưởng giả Hộ Quốc. Họ nói:

—Thưa ông chủ Trưởng giả, chúng tôi đều nghe con trai của hai bác là Hộ Quốc ưa thích xuất gia, tuy anh ta hết lòng cầu xin nhưng hai bác vẫn không đồng ý. Chúng tôi biết con của hai bác đang hưởng thọ mọi sự giàu sang, sung sướng, bỗng dưng quyết tâm cầu đạo. Nay nếu hai bác không chấp thuận, anh ta sẽ bị đau khổ, có thể dẫn đến mạng chung, khiến hai bác phải bị cái khổ ái biệt ly. Do đó hai bác nên cho phép anh ta tùy ý xuất gia.

Bấy giờ cha của Hộ Quốc thấy các bạn tri thức của con mình hết lời xin giúp nên đồng ý cho Hộ Quốc xuất gia. Các bạn nghe nói như

thế, liền đến chỗ Hộ Quốc, bảo:

–Này Hộ Quốc, anh nên biết, nay cha mẹ của anh đã chấp thuận cho anh xuất gia rồi đấy.

Hộ Quốc biết tin vui ấy nên vô cùng hoan hỷ vội đến trước cha mẹ mình bái lạy, từ biệt ra đi, trở lại chỗ Đức Phật, cung kính đánh lễ rồi chấp tay đứng qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nay cha mẹ con đã đồng ý cho con xuất gia. Cúi mong Đức Phật từ bi rủ lòng thương xót chấp thuận cho con được làm Bí-sô.

Đức Thế Tôn bảo Hộ Quốc:

–Lành thay! Lành thay! Nay đã đúng lúc thu nhận cho Trưởng giả.

Lúc ấy Hộ Quốc râu tóc tự rụng, thân mặc ca-sa, thành tướng Bí-sô, tu trì phạm hạnh, trừ bỏ mọi sự buông lung, lìa các ưu não, tự tâm điều phục, nhu hòa thuận hợp, chứng pháp thanh tịnh, biết: sự sanh của ta đã hết, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

Bấy giờ Tôn giả Hộ Quốc đã dứt sạch hết các lậu, y chỉ với Đức Phật trong mười hạ. Sau khi đã đủ mươi hạ, Tôn giả liền đắp y, mang bát, đến trước Đức Phật, cung kính đánh lễ nơi chân Ngài, chấp tay đứng qua một bên rồi thưa:

–Bạch Thế Tôn, con vốn sanh sống ở làng xóm Đổ-la, đã xả bỏ gia đình thân quyến, chí tín xuất gia, nay con muốn trở về quê cũ để thăm thân bằng quyến thuộc. Cúi mong Đức Thế Tôn cho phép.

Bấy giờ Đức Thế Tôn biết rõ những ước muốn trong tâm của Tôn giả Hộ Quốc, lại quán biết tâm chí của Tôn giả chỉ nhầm đem lại lợi ích cho tất cả, huống chi Tôn giả ngày còn ở nhà thường lìa các dục. Ngài quán thấy như vậy rồi liền bảo:

–Này Tôn giả Hộ Quốc, nay đã đúng lúc, nên làm theo ý của mình.

Tôn giả Hộ Quốc vâng lời Phật dạy, vô cùng phấn khởi, nhiễu quanh chỗ Đức Phật ba vòng, cung kính đánh lễ, rồi giã từ ra về.

Tôn giả trở về quê cũ, lần lượt đi qua nhiều nơi, rồi tới làng của mình, tạm nghỉ qua đêm. Vào lúc trời hừng sáng, Tôn giả Hộ Quốc đắp y ôm bát, thứ lớp khất thực, đi đến trước nhà mình, thấy một cô gái

đang đứng ngoài cửa, mang cái giỏ đựng đầy thức ăn, muốn đem đi đổ. Tôn giả thấy vậy liền bảo cô gái ấy:

—Cô không biết xấu hổ, chớ phí bỏ thức ăn như thế, sao bằng đổ chúng vào trong bát của ta thì sẽ được lợi ích.

Khi ấy cô gái nghe Tôn giả nói như vậy, sanh tâm kính trọng, liền đổ thức ăn vào trong bình bát. Tôn giả nhận xong, đi đến bên một gốc cây lớn, trải tọa cụ ngồi, sắp thọ thực.

Lúc đó cô gái kia suy nghĩ: “Đây chính là Tôn giả Hộ Quốc, con trai của chủ ta”. Nàng nghĩ như vậy rồi vội đi đến chỗ ông chủ, thưa:

—Vừa rồi, ở ngoài cửa, tôi thấy con trai của ông chủ ôm bát đi khất thực, đến bên một gốc cây lớn trải tọa cụ ngồi, sắp thọ thực.

Vì Trưởng giả nghe nói thế thì trong lòng hết sức vui mừng, liền hỏi người nữ kia:

—Như lời ngươi nói, việc ấy có đúng thật chăng?

Người nữ đáp:

—Việc này quả đúng như vậy.

Ông Trưởng giả bèn chạy nhanh ra khỏi nhà, đến cạnh gốc cây lớn, thấy đúng là Tôn giả Hộ Quốc đang ở đó, sắp sửa thọ thực, liền bảo:

—Con của ta là Hộ Quốc, lìa bỏ gia đình làm khách chu du xứ người, du hành như vậy, nay đến thôn mìn, lại chẳng chịu vào nhà, là nghĩa làm sao?

Tôn giả Hộ Quốc liền đáp:

—Pháp Sa-môn của con, nghi thức là như vậy, vào nhà người khác là không nên.

Lúc ấy ông Trưởng giả liền nắm tay đưa Tôn giả Hộ Quốc vào nhà, trải tọa cụ mời ngồi. Bấy giờ mẹ của Tôn giả vội đi đến trước con, thăm hỏi an ủi con đến hai, ba lần cho với nỗi thương nhớ. Bà bảo Tôn giả Hộ Quốc:

—Này con của mẹ, tại sao con lại quyết chí xuất gia? Con xuất gia bao lâu rồi, hiện có được lợi ích gì và đã đạt được những gì? Hay là cũng đi xin ăn để sinh sống? Vì vậy nay con đừng xuất gia nữa, cứ ở nhà đem của cải bố thí làm phước, để được giàu sang sung sướng ở kiếp sau.

Người mẹ bày ra các phương tiện nhằm giữ con mình ở lại nhà,

không muốn xa lìa. Bà lấy vàng bạc, và vô số các thứ châu báu đặt chất đầy trước mặt Tôn giả, bảo con:

—Con của mẹ nên biết, mẹ có rất nhiều vàng bạc, châu báu. Nay mẹ đem cho con hết, chưa kể tài sản của cha con thì còn nhiều vô số. Như thế thì cần gì phải đi xuất gia, con cứ ở nhà bỏ tiền ra làm phước để được hưởng sang giàu sung sướng ở kiếp sau.

Tôn giả thưa với mẹ:

—Mẹ nên biết, các thứ vàng bạc, châu báu ấy là nguồn gốc của mọi lối lầm. Nên dùng xe chở hoặc gánh chúng đem đổ giữa dòng sông.

Tôn giả lại thưa mẹ:

—Mẹ của con nên hiểu rằng, tài sản, của cải, châu báu tạo ra lòng tham luyến, từ đó làm nguyên nhân sanh ra các điều lối lầm, dẫn đến mọi thứ hoạn nạn. Đó là các nạn về nước, lửa, vua, giặc cướp và con cái xấu ác, sanh ra vô số các thứ hư hại khổ đau. Nếu hiểu rõ được nguyên nhân của sự khổ, mẹ sẽ thoát khổ.

Mẹ của Tôn giả Hộ Quốc luôn quyến luyến con không muốn rời ra. Bà lại suy nghĩ tìm cách khác: “Lúc con trai mình còn ở nhà đã có người vợ. Hãy bảo cô ấy trang điểm, mặc y phục đẹp, mang đeo các thứ ngọc báu, đi đến chỗ Hộ Quốc chắc có thể làm vui lòng con mình”. Nghĩ như vậy rồi, bà liền tìm đến chỗ người vợ cũ của Tôn giả, nói:

—Chồng của con là Hộ Quốc, lúc còn ở nhà đã ưa thích các thứ châu báu, chuỗi báu nào, vậy nay con hãy trang điểm, mặc y phục đẹp, mang đủ các thứ ấy đi đến chỗ Hộ Quốc để làm vui lòng chàng.

Người vợ của Hộ Quốc vâng lời mẹ chồng, lo trang điểm, mặc y phục đẹp đẽ, mang đủ các thứ châu báu, rồi đến chỗ Hộ Quốc, thưa:

—Này người con của Trưởng giả, ý chàng thế nào mà thọ trì phạm hạnh, không phải là nhằm mong cầu thiên nữ nào chăng?

Tôn giả Hộ Quốc đáp:

—Chẳng phải vậy. Nay bà chị, tôi thọ trì phạm hạnh là để cầu đạt được đạo quả, chứ không phải theo như lời bà chị nói.

Vợ của Hộ Quốc nghe Tôn giả gọi mình bằng “chị”, liền đổi sắc mặt, cảm thấy xấu hổ nên lui ra. Tôn giả Hộ Quốc suy nghĩ: “Sắp đến giờ ăn rồi”, liền thưa với cha mình:

—Trưởng giả có thức ăn gì để thí cho tôi không?

Khi ấy cha mẹ của Tôn giả đích thân mang đủ các món ăn, thức uống thượng vị, dâng cúng cho Tôn giả.

Tôn giả Hộ Quốc ăn uống xong, rửa bát xếp y, trải tòa ngồi, rồi Tôn giả thuyết giảng chánh pháp cho cha mẹ nghe, khiến cho ông bà khởi tâm hoan hỷ hướng đến đạo Bồ-đề. Tôn giả lại dùng thần thông đứng nơi hư không, thuyết kệ:

*Xem sắc thân tô điểm  
 Dùng các báu trang sức  
 Kẻ ngu mê tham đắm  
 Người trí thường xa lìa  
 Tham dục như dây tơ  
 Hay trói buộc cõi đời  
 Kẻ ngu bị mê hoặc  
 Người trí thường xa lánh.*

Tôn giả nói kệ xong, từ hư không đi xuống, trở lại bên gốc đại thụ, điềm tĩnh đứng yên.

Bấy giờ có một vị vua tên là Câu-lư, đang cưỡi ngựa du ngoạn vùng ngoài thành, đến gần bên thôn Đổ-La. Quan hầu tâu với vua:

–Tâu Đại vương, trong thôn này có một người con trai của Trưởng giả tên là Hộ Quốc, quyến thuộc đông đúc, của cải châu báu vô lượng, nhưng đã lìa bỏ tất cả để xuất gia học đạo.

Nghe lời tâu ấy, nhà vua bèn hỏi những người trong thôn:

–Này các khanh, ở đây có người con trai của Trưởng giả tên là Hộ Quốc, đã lìa bỏ thân bằng quyến thuộc để xuất gia học đạo, việc này là thật chăng?

Các người dân trong thôn liền tâu với vua:

–Đại vương nên biết, điều ấy đúng là sự thật. Tôn giả Hộ Quốc đang ở bên một gốc đại thụ trong thôn của chúng thần, thường thọ trì phạm hạnh. Tất cả nhân dân chúng trong thôn đều lui tới để cúng dường.

Nhà vua nghe lời tâu rồi, liền đi vào trong thôn đó, đến bên gốc đại thụ, nơi Tôn giả Hộ Quốc đang dừng nghỉ. Tôn giả Hộ Quốc từ xa trông thấy vua Câu-lư đang đi nhanh đến chỗ mình, liền từ tòa đứng dậy, đi tới trước mặt vua, tâu:

–Thật là hân hạnh, Đại vương đã đến! Đây là vùng đất của nhà vua đang cai trị. Nay xin thỉnh Đại vương đến cạnh gốc cây và ngồi lên tòa của tôi.

Nhà vua đáp:

–Này Tôn giả Hộ Quốc, ý của ta là như vậy, muốn đến chỗ của Tôn giả, ngồi lên tòa của Tôn giả.

Tôn giả Hộ Quốc lại thưa:

–Vì ý của Đại vương như vậy nên tôi mới mời ngài.

Bấy giờ nhà vua cùng với Tôn giả đến bên gốc đại thụ, ngồi xuống tòa. Đại vương nói với Tôn giả Hộ Quốc:

–Có bốn pháp, do bốn pháp này nên người ta mới cầu xuất gia. Bốn pháp đó là:

1. Biết về thân thuộc.
2. Biết về phú quý.
3. Biết về bệnh.
4. Biết về già.

Thế nào là biết về thân thuộc? Đó là: nếu một người có bà con thân thuộc đồng đúc, bỗng nhiên bị ly tán, mất hết, người ấy suy nghĩ: “Quyền thuộc, bằng hữu tri thức của ta đều đã ly tán, mất hết, chỉ còn mình ta cô độc, vậy ta nên xuất gia”. Vì người ấy biết mình không còn quyền thuộc nữa, nên mới cầu xuất gia. Nay Tôn giả Hộ Quốc có quyền thuộc đồng đủ, chẳng phải là người cô độc, không rõ vì lẽ gì mà lại xuất gia?

Lại nữa, sao gọi là biết về phú quý? Đó là như người trước đây có nhiều tiền bạc, châu báu, là hạng giàu có lớn, nhưng sau đó bị khánh tận, trở thành kẻ nghèo khổ sống lây lắt. Do vì bần cùng nên người ấy suy nghĩ: “Nay vì bần cùng, khốn khó nên ta phải xuất gia”. Vì người ấy biết mình bần cùng nên mới cầu xuất gia. Nay Tôn giả Hộ Quốc của cải châu báu vô lượng, đâu phải là hạng bần cùng, khốn khó không rõ vì lẽ gì mà lại xuất gia?

Lại nữa, sao gọi là biết về bệnh khổ? Đó là như có người bị bệnh lâu năm, nằm liệt giường không thể cứu chữa, mới suy nghĩ: “Bệnh tật của ta thật nặng, hết sức đau khổ, nay ta phải cầu xuất gia”. Người ấy vì biết rõ bệnh khổ nên mới cầu xuất gia. Nay Tôn giả Hộ Quốc ít bệnh, ít náo, cũng không ưu sầu khổ đau, không rõ vì lẽ gì mà lại xuất gia?

Lại nữa, sao gọi là biết về già yếu? Đó là như có người tuổi già suy nhược nên mới suy nghĩ: “Nay ta già nua, đối với sự giàu sang sung sướng cũng chẳng ích lợi gì, nên nay ta cầu xuất gia”. Vì người ấy biết rõ sự già nua không kham nổi sự việc nên mới cầu xuất gia. Nay Tôn giả Hộ Quốc đang tuổi tráng niên, khỏe mạnh, chưa hưởng thọ các thú vui, tôi không rõ tại sao lại đi xuất gia?

Tôn giả Hộ Quốc nêu biết, vì bốn pháp như vậy mới khiến cho người ta xuất gia. Nay tôi lại hỏi Tôn giả Hộ Quốc:

–Tôn giả vì nhận thức, hiểu biết thế nào mà đi xuất gia?

Tôn giả Hộ Quốc đáp lời vua:

–Đại vương nêu biết, vì có bốn thứ pháp nên tôi mới cầu xuất gia. Những gì là bốn? Đó là già yếu, bệnh tật, ái dục và chết chóc. Con người luôn bị biến hoại không trường tồn nên gọi là già, bị bệnh khổ không thể điều trị được nên gọi là bệnh, không biết nhảm chán, biết đủ nên gọi là ái, phải bỏ lại tất cả các đối tượng nên gọi là chết. Bốn pháp như vậy, Đức Phật Thế Tôn của tôi đã khéo biết, khéo thấy, tôi cũng theo Đức Phật, đích thân thấy, đích thân nghe, chấp nhận những việc ấy là đúng nên phát đại tín tâm mà xuất gia.

Nhà vua nói:

–Tôn giả, vừa nói một cách tóm tắt nên tôi chưa lãnh hội kịp. Cúi mong Tôn giả hãy vì tôi giảng nói một cách rộng rãi để tôi được khai mở hiểu rõ.

Tôn giả Hộ Quốc nghe vua nói như thế, liền tâu:

–Này Đại vương, như vậy thật là hay, theo ý nguyện của Đại vương tôi sẽ giảng diễn.

Nhà vua hỏi:

–Này Tôn giả, vì biến hoại nhanh chóng nên già là nghĩa thế nào?

Tôn giả Hộ Quốc đáp:

–Này Đại vương, theo ý ngài thì thế nào? Như một người từ hai mươi, ba mươi cho đến lúc bốn mươi tuổi thì hình sắc, sức lực, cử động, tới lui của người ấy như thế nào?

Nhà vua nói:

–Này Tôn giả, lúc con người còn trẻ từ hai mươi đến bốn mươi tuổi, hình sắc sung mãn, sức lực cường tráng, mạnh khỏe, tới lui nhanh nhẹn, các việc làm của mình tự cho là không ai bằng. Đến lúc tuổi tác

già nua, xế chiều thì không còn khả năng, hình sắc đã đổi khác, thân lực suy nhược, đi đứng chậm chạp.

Tôn giả Hộ Quốc nói:

–Như lời vua nói, đó chính là tướng già nua biến hoại ở thế gian. Đại vương nên biết, đó là pháp thứ nhất mà Đức Phật của tôi đã chỉ dạy. Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn đã khéo biết rõ, khéo giảng nói pháp này, tôi đã lãnh hội chánh pháp ấy nên yêu thích, dốc lòng mong cầu, tín tâm xuất gia.

Nhà vua nói:

–Này Tôn giả Hộ Quốc, đối với điều này tôi cũng vui mừng vì gặp được chánh pháp, yêu thích, dốc lòng mong cầu.

Nhà vua lại hỏi:

–Thưa Tôn giả Hộ Quốc, thế nào là bị bệnh khổ không thể chữa trị gọi là tướng của bệnh?

Tôn giả Hộ Quốc đáp:

–Như người có tài sản của cải châu báu rất nhiều, thân thuộc đồng đúc, ý của vua thế nào, người đó bị bệnh nằm liệt giường chịu lấy các thứ khổ não, thân thuộc và những người theo hầu giúp việc có thể thay thế sự khổ não cho người ấy được chăng?

Nhà vua nói:

–Không thể được! Ngày Tôn giả Hộ Quốc, nếu con người bị bệnh nằm liệt giường thì riêng người ấy phải thọ lãnh các sự khổ, không ai có thể thay thế, cũng không ai có thể cứu được.

Tôn giả Hộ Quốc nói:

–Như lời vua vừa nói, không ai có thể thay thế, không ai có thể cứu được, đó là tướng của bệnh. Đây là pháp thứ hai mà Đức Phật của tôi đã chỉ dạy. Vả lại, Đức Phật Thế Tôn đã khéo biết rõ, khéo giảng nói pháp này. Tôi đã lãnh hội chánh pháp ấy nên ưa thích, dốc lòng mong cầu, tín tâm xuất gia.

Nhà vua thưa:

–Này Tôn giả Hộ Quốc, đối với điều đó tôi cũng rất vui mừng vì gặp được chánh pháp, nên ưa thích dốc lòng mong cầu.

Nhà vua lại hỏi:

–Thưa Tôn giả, thế nào là không có nhảm chán, biết đủ, gọi là Ái?

Tôn giả Hộ Quốc đáp:

—Này Đại vương, ý của nhà vua thế nào? Vua là người thống lãnh một quốc gia, mọi thứ đất đai, thành ấp, thôn xóm, cho đến dân chúng sinh sống ở các miền trong nước đều dưới quyền cai trị của nhà vua. Vậy nhà vua là bậc giàu sang phú quý hơn người chăng?

Vua đáp:

—Này Tôn giả, đúng vậy, đúng như vậy!

Tôn giả lại nói:

—Này Đại vương, đại vương đã thống lĩnh đất đai, thôn xóm dân chúng trong nước, giàu sang như vậy, giả sử có người vượt qua biển đến thưa với Đại vương: “Tôi thấy nước kia có thành ấp rộng lớn, dân chúng đông đúc, vàng bạc, châu báu, các vật quý lạ cũng như voi, ngựa, quân binh hằng hà sa số”. Ngày Đại vương, khi nghe lời ấy, ý ngài thế nào?

Vua đáp:

—Này Tôn giả, khi tôi nghe như thế rồi, nếu không đích thân đến được thì tôi cũng sai tướng đến đánh chiếm nước ấy, chở tất cả các thứ châu báu, vật quý đem về chất đầy kho tàng của tôi.

Tôn giả Hộ Quốc nói:

—Này Đại vương, sự không nhảm chán biết đủ ấy gọi là Ái. Đó là pháp thứ ba mà Đức Phật đã giảng nói. Vả lại, Đức Phật Thế Tôn đã khéo biết rõ, giảng khéo nói pháp này. Tôi cũng do lãnh hội được chánh pháp ấy nên ưa thích, mong cầu, tín tâm xuất gia.

Nhà vua thưa:

—Này Tôn giả Hộ Quốc, đối với điều đó tôi cũng rất vui mừng vì gặp được chánh pháp, nên ưa thích, chí tâm mong cầu.

Nhà vua lại hỏi:

—Thưa Tôn giả, thế nào là rời bỏ đối tượng gọi là chết?

Tôn giả Hộ Quốc đáp:

—Này Đại vương, ý ngài thế nào? Như người giàu sang phú quý bậc nhất có nhiều vàng bạc châu báu, người ấy khi bỏ cõi này sanh về cõi khác, thì tất cả những châu báu ấy có thể mang theo được chăng?

Vua nói:

—Không thể được.

Tôn giả lại nói:

—Này Đại vương, đối với con người sống trong đời này mà phải

bỏ lại các đối tượng thân yêu để sanh vào đời khác, gọi là chết. Đó là pháp thứ tư mà Đức Phật đã giảng nói. Đức Phật đã khéo hiểu rõ, khéo giảng nói pháp này. Tôi cũng do lãnh hội chánh pháp ấy nên ưa thích, mong cầu, tín tâm xuất gia.

Nhà vua nói:

–Thưa Tôn giả Hộ Quốc, đối với điều đó tôi cũng rất vui mừng vì gặp được chánh pháp, nên ưa thích, chí tâm mong cầu.

Bấy giờ Tôn giả Hộ Quốc lại nói với nhà vua:

–Đối với những ý nghĩa vừa nêu, tôi xin được lặp lại bằng kệ, vậy ngài hãy lắng nghe.

Nhà vua thưa:

–Rất tốt, tôi mong được nghe.

Tôn giả Hộ Quốc liền nói kệ:

*Ta thấy người thế gian  
Tham ái mà cất chúa  
Vì của nên bị nạn  
Càng tăng thêm các dục  
Nhà vua chủ đất đai  
Rộng lớn đến tận biển  
Như vậy chưa biết đủ  
Lại muốn chiếm nước người  
Các chúng sanh thế gian  
Do tham ái mà chết  
Thương khóc thật não nùng  
Than ôi chết nhanh quá!  
Như người chưa cửa báu  
Lại bị lửa đốt thiêu  
Chúng sanh cũng theo nghiệp  
Đã tạo phải thọ báo  
Giàu có không sống mãi  
Cũng không thoát già nua  
Giàu nghèo đều phải chết  
Già trẻ cũng vô thường  
Bệnh đau chữa kẻ mạnh  
Cũng chẳng tránh trẻ già*

*Đều do lòng tham ái  
 Nên phải bị vô thường  
 Ví như người trộm cắp  
 Trở lại tự tổn hại  
 Thấy thế gian như vậy  
 Tự tạo các nhân ác  
 Như quả chín tự rụng  
 Già, trẻ, chết cũng thế  
 Ý vui thích tạo nghiệp  
 Phải thọ báo khổ não  
 Lúc người ngu thế gian  
 Tạo nghiệp không tự biết  
 Hoặc sanh ở đời sau  
 Do yêu ghét bị khổ  
 Mạng chung trong bào thai  
 Ai có thể cứu được?  
 Giả sử, có thân bằng  
 Mạng chung ai cứu được?  
 Dục hủy hoại, trói buộc  
 Sanh khổ thêm sợ hãi  
 Thấy pháp huyền thế gian  
 Cho nên tôi xuất gia.*

Đại vương Câu-lưu nghe Tôn giả Hộ Quốc nói kệ xong, thì hoan hỷ tin nhận, bèn thưa:

–Tôn giả Hộ Quốc là người tu tập đạt được giải thoát, cho nên nay tôi xin quy y với Tôn giả.

Tôn giả Hộ Quốc bảo:

–Đại vương chờ có quy y với tôi. Bậc mà tôi quy y là Phật Thế Tôn, Pháp, và Tăng chúng. Vua cũng nên quy y như thế.

Vua thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Nay tôi xin quy y Phật, Pháp và Tăng chúng, suốt đời thọ trì giới Ưu-bà-tắc.

Đại vương Câu-lưu phát lời nguyện xong, cung kính đánh lỗ Tôn giả Hộ Quốc rồi trở về cung.



SỐ 70.

## PHẬT NÓI KINH SỐ

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Thích Pháp Cụ.*

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở Đông viên, nơi giảng đường Lộc tử mẫu, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Bà-la-môn Toán số, sau bữa trưa thông dong tản bộ đi tới chỗ Đức Thế Tôn, đến nơi thì chào hỏi rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn bạch Đức Thế Tôn:

–Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép tôi mới dám hỏi.

Đức Thế Tôn nói:

–Ông cứ hỏi, này Bà-la-môn, theo ý của ông thích.

Bà-la-môn Toán số thưa:

–Thưa Cù-đàm, giảng đường Lộc tử mẫu này được xây cất theo thứ lớp và thành tựu theo thứ lớp. Nay Cù-đàm, cầu thang trong giảng đường ấy bắt đầu lên một bậc, như vậy rồi đến hai, ba, bốn bậc. Nay Cù-đàm, như vậy giảng đường Lộc tử mẫu lần lượt theo thứ tự đi lên. Nay Cù-đàm, người điều phục voi cũng lần lượt dạy dỗ và con voi cũng theo thứ tự được chỉ dạy. Nghĩa là tay cầm móc câu mà dạy. Nay Cù-đàm, người cưỡi ngựa cũng theo thứ lớp dạy dỗ và (*con ngựa theo*) thứ lớp được chỉ dạy, nghĩa là do dây cương điều khiển. Nay Cù-đàm, dòng Sát-lợi cũng lần lượt dạy dỗ và lần lượt học tập, nghĩa là cầm cung tên. Nay Cù-đàm, dòng Bà-la-môn cũng theo thứ lớp dạy dỗ, thứ lớp học tập, nghĩa là học thơ ca, văn chương. Nay Cù-đàm, chúng tôi

học toán số, nhờ toán số mà mưu sinh. Nếu có đệ tử học toán số, đó là các trẻ em, bắt đầu được dạy từng con số một, rồi hai, rồi ba, rồi mười, một trăm, hoặc tăng lên thật nhiều. Như vậy, này Cù-dàm, chúng tôi học toán số, nhờ toán số để mưu sinh, theo thứ lớp dạy, theo thứ lớp học. Đó là học toán số. Sa-môn Cù-dàm, đối với giới pháp của Ngài được dạy như thế nào, được học như thế nào để có thể biết được sự thành tựu?

Đức Thế Tôn nói:

—Này Toán số Mục-kiền-liên, nếu nói như vậy là nói về tính chất thứ lớp chăng? Đó là thứ lớp truyền dạy, thứ lớp học tập, giữ giới, tu tập? Ngày Mục-kiền-liên, nếu nói như vậy là tính chất thứ lớp thì đó chính là giới pháp của Ta. Vì sao? Ngày Mục-kiền-liên, vì đối với giới pháp của Ta luôn có sự dạy bảo theo thứ lớp, hành giới theo thứ lớp, tu học theo thứ lớp. Ngày Mục-kiền-liên, đó là đối với Tỳ-kheo mới học đạo không lâu, đến với pháp luật này cũng chưa từng được nghe Như Lai giảng dạy. Ta sẽ dạy: “Này Tỳ-kheo, với thân phải làm những việc trong sạch, miệng và ý phải làm những việc trong sạch”. Ngày Toán số Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo thân, miệng, ý đã thực hành những việc trong sạch, Đức Như Lai Bậc Điều Ngự Vô Thượng dạy thêm: “Này Tỳ-kheo, phải quán nội thân và quán hoạt động: đi, đứng của thân; cho đến quán các hành khởi, diệt của thống (*thọ*), ý (*tâm*) và pháp”.

Này Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo đã quán nội thân và thân hành đi, đứng... của thân cho đến quán các tư hành khởi, diệt của thống (*thọ*), ý (*tâm*) và pháp rồi, Đức Như Lai Bậc Điều Ngự Vô Thượng dạy thêm: “Này Tỳ-kheo, hãy phòng hộ các căn, tự giữ gìn ý niệm, đều tự hành tinh tấn. Nếu mắt thấy sắc, đừng chấp giữ tưởng về sắc, đừng chấp giữ tưởng khác. Nghĩa là do nhân duyên tăng thượng nên giữ gìn nhãn căn, tâm ý sẽ không bị sỉ nhục, tham đắm, lo lắng, không tạo pháp ác bất thiện; ở trong đó học hỏi giữ gìn nhãn căn. Cũng vậy, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn, thân ý biết pháp, đừng chấp thọ tưởng, đừng chấp thọ tưởng khác. Do nhân duyên tăng thượng ấy nên ý căn không bị sỉ nhục, tham đắm và lo lắng, không có pháp bất thiện, không trú trong ý, vị ấy ở trong đó học hỏi tự giữ gìn ý căn”.

Này Toán số Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo đầy đủ các căn, tự giữ gìn tâm ý, ý không nhiễm, giữ gìn ý, nên ý và niệm đều tinh tấn. Khi

mắt thấy sắc cũng không chấp giữ tưởng, không chấp giữ tưởng khác. Do duyên tăng thượng ấy nên nhẫn căn được đầy đủ, không bị sỉ nhục, tham vương, lo lắng, không ở trong pháp ác bất thiện. Vì ấy đã học hỏi cách tự giữ gìn nhẫn căn. Cũng vậy đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý biết pháp, cũng không chấp thọ tưởng, cho đến vị ấy đã ở trong đó học cách tự phòng hộ ý căn. Đức Như Lai, Bậc Điều Ngự Vô Thượng dạy tiếp: “Này Tỳ-kheo, hãy hành quán các lỗi lầm đã qua, hãy quán biết lúc co tay lúc duỗi tay, đắp y Tăng-già-lê, ôm bát; lúc đi, lúc đứng, lúc ngồi, hoặc ngủ hoặc thức, hoặc nói hoặc im, thảy đều biết rõ”.

Này Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo đối với các lỗi lầm đã qua, đã hành quán một cách thích hợp rồi thì Đức Như Lai, Bậc Điều Ngự Vô Thượng lại dạy thêm: “Này Tỳ-kheo, khi biết rõ về giường nằm rồi mới thọ dụng, hoặc ở nơi vắng vẻ, hoặc ở bên gốc cây, chỗ trống không vắng vẻ, ở trong núi, động đá, ngồi trên tòa cỏ giữa trời, giữa rừng, giữa vùng gò mả. Vì ấy hoặc ở nơi vắng vẻ, hãy trải Ni-sư-đàn, ngồi kiết già, chánh thân chánh nguyện, giữ vững niệm ở trước mặt, đoạn trừ tham lam ganh ghét, ý không sân hận; đừng thấy tài vật của người khác mà sanh lòng tham, nghĩa là mong vật của người khác trở thành của mình, hãy trừ sạch ý tham ấy. Cũng vậy, đối với sân hận, biếng trễ ưa ngủ nghỉ, hổ thẹn, trừ nghi, tham, lìa tà, lìa nghi, lìa các pháp do dự, hãy dứt sạch ý nghi. Người ấy đoạn trừ năm thứ che lấp, trói buộc, và ý tham đắm, cùng trí tuệ yếu kém, đã giải thoát đậm, cho đến an trụ nơi Tứ thiền”.

Như vậy, này Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo đã giải thoát đậm cho đến an trụ nơi tứ thiền, thì này Mục-kiền-liên, Đức Như Lai đã vì khiến cho Tỳ-kheo mới tu học đạt được nhiều lợi ích, nghĩa là Ngài chỉ dạy việc học, chỉ dạy việc hành trì. Ngày Mục-kiền-liên, nếu đối với các Tỳ-kheo tôn túc trưởng thượng mà các vua đều biết, không hề biếng trễ, luôn thực hành phạm hạnh, Đức Như Lai, Bậc Điều Ngự Vô Thượng dạy rằng: “Nên thành tựu rốt ráo, diệt sạch hữu lậu”.

Toán số Mục-kiền-liên thưa:

–Này Sa-môn Cù-dàm, đối với tất cả đệ tử mà Ngài đã chỉ dạy như vậy, phải học hỏi như vậy, tất cả đều đạt được cứu cánh, đạt được Niết-bàn chăng?

Đức Thế Tôn đáp:

—Này Mục-kiền-liên, không phải nhất định đều đạt được. Hoặc có người không đạt được, hoặc có người đạt được.

Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi:

—Này Cù-dàm, do nhân gì duyên gì nói rằng có Niết-bàn, và cầu Niết-bàn? Sa-môn Cù-dàm hiện tại là Bậc Đạo sư. Vì sao có Tỳ-kheo được dạy dỗ như vậy, được học tập như vậy, mà có người đạt cứu cánh Niết-bàn, nhưng người khác thì không đạt?

Đức Thế Tôn nói:

—Do đó, này Mục-kiền-liên, nay Ta lại hỏi ông. Ông hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Nay Mục-kiền-liên, ý ông nghĩ sao? Ông có biết rõ con đường về La-duyệt-kỳ chăng?

Thưa rằng:

—Thưa vâng, Cù-dàm, tôi biết rõ con đường về La-duyệt-kỳ.

Đức Thế Tôn nói:

—Nếu có một người muốn đến La-duyệt-kỳ để xin yết kiến nhà vua, kẻ ấy đến chỗ của ông nói rằng: “Này Bà-la-môn Mục-kiền-liên, người biết rõ toán số, biết con đường đi đến La-duyệt-kỳ, tôi muốn hỏi đường đến La-duyệt-kỳ để xin vào yết kiến vua”. Ông sẽ nói với người ấy rằng: “Ngươi nên theo con đường chánh này mà đi, sẽ đến thôn kia, rồi từ thôn ấy đến chỗ kia. Lần lượt như thế sẽ đến thành La-duyệt-kỳ. Ở thành La-duyệt-kỳ có những khu vườn tươi đẹp, rừng cây xanh tốt, đất bằng phẳng, ao tắm xinh xắn, nước sông chảy dài mát lạnh, an ổn thích thú. Hãy biết như vậy, hãy thấy như vậy”. Người ấy, sau khi nghe người chỉ dẫn tường tận rồi, theo lời chỉ dẫn đó, theo con đường kia đi thẳng, kẻ ấy đi thẳng rồi lại đi theo một con đường trái ngược. Cho nên đối với những khu vườn xinh đẹp cho đến sự an ổn vui thích của thành La-duyệt-kỳ, kẻ ấy cũng chẳng biết, kẻ ấy cũng chẳng thấy.

Lại có người khác có việc muốn đến La-duyệt-kỳ để yết kiến vua. Kẻ ấy đến chỗ ông hỏi rằng: “Này Bà-la-môn Mục-kiền-liên, ông biết rõ toán số, hãy chỉ cho tôi con đường đến La-duyệt-kỳ, tôi muốn đến La-duyệt-kỳ, xin ông chỉ đường cho tôi”. Ông sẽ nói rằng: “Ngươi theo con đường thẳng này mà đến, đi thẳng đến một thôn, đến thôn ấy rồi đi tới chỗ đó”. Người kia theo thứ lớp như vậy đến được La-duyệt-kỳ. Ở La-duyệt-kỳ có vườn cây xinh đẹp cho đến được an ổn vui thích.

Người ấy biết như vậy, thấy như vậy.

Này Mục-kiền-liên, do nhân gì duyên gì trong khi có thành La-duyệt-kỳ, có con đường đi đến thành La-duyệt-kỳ, và có ông là người chỉ đường, nhưng người thứ nhất nghe lời người chỉ dẫn, lại không làm đúng, theo con đường lầm lạc rồi trở lui? Cho nên những khu vườn, đất bằng phẳng cho đến được an ổn vui thích ở La-duyệt-kỳ, tất cả cảnh vật kia người ấy đều không biết, không thấy gì cả. Còn người thứ hai nghe theo lời dạy, vâng theo sự hướng dẫn, đi đúng đường, lần lượt đi đến thành La-duyệt-kỳ. Cho nên các cảnh vật ở La-duyệt-kỳ, khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng... cho đến được an ổn vui thích, người ấy biết hết và thấy hết.

Toán số Mục-kiền-liên đáp:

–Này Cù-đàm, tôi làm sao biết được! Có thành La-duyệt-kỳ đó, có con đường dẫn đến thành La-duyệt-kỳ. Tôi ở tại chỗ chỉ dạy. Người thứ nhất không làm theo sự chỉ dẫn của tôi, theo con đường lầm lạc để lui trở lại và những gì ở La-duyệt-kỳ như vườn đẹp, đất bằng, cho đến... được an ổn vui thích, người ấy đều không thấy, không biết. Còn người thứ hai kia nghe theo lời chỉ dẫn của tôi, đi đúng con đường ấy, lần lượt đến được La-duyệt-kỳ. Những gì ở La-duyệt-kỳ như vườn đẹp, đất bằng..., cho đến sự an ổn vui thích người ấy đều biết, người ấy đều thấy cả.

Đức Thế Tôn nói:

–Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, Ta cũng làm sao biết được, có Niết-bàn đó, có con đường dẫn tới Niết-bàn đó. Ta chỉ là Đạo sư. Hoặc có Tỳ-kheo làm theo sự chỉ dẫn như vậy, theo đúng giáo pháp, nên đạt được cứu cánh là Niết-bàn. Hoặc có Tỳ-kheo không làm đúng như vậy, nên không đạt được như vậy. Này Mục-kiền-liên, đó là Tỳ-kheo kia đối với chỉ dạy trao truyền thọ ấy, ở trong chúng của Thế Tôn được thọ ký, nghĩa là người ấy đạt được cứu cánh, dứt sạch hữu lậu.

Toán số Mục-kiền-liên thưa:

–Thưa Cù-đàm, tôi đã hiểu! Bạch Cù-đàm, tôi đã hiểu! Thưa Cù-đàm, cũng như trên mảnh đất tốt có khu rừng Sa-la, trong đó có người giữ rừng cây Sa-la, siêng năng không lười biếng. Kẻ ấy tự dùng sức lực của mình, đối với gốc rễ cây Sa-la tùy theo thời mà cuốc xới, chăm sóc, bón phân, tưới nước. Nếu có chỗ thấp thì lấy đất lấp cho đầy, nếu

bên cạnh có cỏ thì nhổ đi. Nếu ở bên cây có cỏ bò dài, thô xấu, cong queo không ngay thẳng, đều phòng ngừa, nhổ sạch. Nghĩa là người ấy vứt bỏ những cây cỏ mới mọc, tận lực chăm sóc những cây con, tùy thời tưới nước, bón phân cho cây, lấy nước tưới cây. Bạch Cù-đàm, như vậy trên mảnh đất tốt, rừng cây Sa-la về sau càng sum suê to lớn. Bạch Cù-đàm, cũng vậy, có người dua nịnh dối trá làm điều hư huyễn, bất tín, biếng trễ, tâm ý loạn động, trí tuệ kém xấu, các căn không ổn định, trì giới lơ là, không nỗ lực phân biệt hạnh Sa-môn. Sa-môn Cù-đàm đối với những kẻ ấy không thể ở chung, không thể sống chung. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, những người như vậy là phá hoại phạm hạnh. Bạch Cù-đàm, nếu có người không dua nịnh, cũng không có ý tà, tin tưởng hành trì, tinh tấn, ý thường trụ nơi định, trí tuệ, thuận kính giới pháp, phân biệt rõ ràng hạnh Sa-môn. Bạch Sa-môn Cù-đàm, Bậc Vô Sở Trước có thể ở chung với những người ấy. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, những người như vậy, đối với bậc Phạm hạnh, họ đã là ứng hợp với pháp thanh tịnh. Bạch Cù-đàm, cũng như trong các loại hương bằng lõi cây, Ca-la (*trầm hương*) là bậc nhất. Vì sao vậy? Thưa Cù-đàm, vì trầm hương đối với các loại hương bằng lõi cây, nó là tối thượng. Bạch Cù-đàm, cũng giống như trong các loại hương Sa-la thì Xích chiên-đàn là tối thượng. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì trong các loại hương Sa-la thì Xích chiên-đàn là bậc nhất. Bạch Cù-đàm, cũng như các loại hoa sống dưới nước thì hoa sen xanh là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì trong các thứ hoa sống ở nước thì hoa sen xanh là đứng đầu. Bạch Cù-đàm, cũng như trong các thứ hoa trên mặt đất thì hoa Câu-mâu-ni-bà-lợi-sư là bậc nhất. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, vì trong các loại hoa trên mặt đất thì hoa Bà-lợi-sư là đứng đầu. Bạch Cù-đàm, cũng như giữa các luận thuyết nơi thế gian, luận thuyết của Sa-môn Cù-đàm là bậc nhất. Vì sao vậy? Vì luận thuyết của Sa-môn Cù-đàm có thể gồm thâu tất cả học thuyết khác của ngoại đạo. Bạch Thế Tôn, vì vậy nên nay con tự quy y Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Bạch Thế Tôn, nay con xin thọ trì giới Ưu-bà-tắc. Kể từ hôm nay cho đến lúc mạng chung, con xa lìa sự sát sanh... nay con xin quy y Phật.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, Toán số Bà-la-môn Mục-kiền-liên nghe Đức Phật dạy xong, vui mừng hoan hỷ.



## SỐ 71

# PHẬT NÓI KINH PHẠM CHÍ ÁT-BA-LA-DIÊN VẤN CHỦNG TÔN

• Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn Trúc Đàm Vô Lan

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có năm trăm người Bà-la-môn, những người này cùng nhau ra khỏi thành, cùng đến ngôi nhà tranh của họ ở ngoài đồng, quây quần ngồi xuống rồi bàn luận:

—Lúc con người có mặt đầu tiên trên quả đất này thì dòng Bà-la-môn của chúng ta là thứ nhất, dòng Sát-lợi là thứ hai, dòng Điền gia là thứ ba, dòng Công sư là thứ tư. Dòng dõi của chúng ta là cao quý nhất. Những người được tạo ra đầu tiên ở quả đất này đều là dòng dõi của chúng ta. Dòng Bà-la-môn lúc mới sanh, là sanh ra từ miệng của đấng Phạm thiên, con người đời thì ngược lại, sanh ra từ phía dưới. Như vậy ở trong thiên hạ, dòng dõi chúng ta là tôn quý hơn hết. Dòng dõi chúng ta đều là con cháu của Phạm thiên nơi cõi trời thứ bảy. Nhưng Đức Phật thì nói ngược lại, là thiên hạ chỉ có một chủng loại. Đức Phật cho rằng dòng dõi của chúng ta cùng với các dòng Sát-lợi, Điền gia, Công sư đều bình đẳng. Dòng dõi của chúng ta khi chết đều được sanh lên Phạm thiên. Ngược lại thì Đức Phật cho dòng dõi của chúng ta cùng với người phàm giống nhau.

Họ cùng bàn tiếp:

—Ai có thể cùng với Đức Phật biện giải, tranh luận, phân biệt về các chủng loại ấy?

Bấy giờ có một người con của gia đình Bà-la-môn, tuổi mới mười lăm, mươi sáu, tên là Át-ba-la-diên Đại thánh, biết rõ các việc về nghề nghiệp, kỹ thuật, sách vở, phương hướng đi đến. Trong số năm trăm Bà-la-môn này không ai có thể sánh bằng, họ đều tôn kính chàng như bậc thầy. Vị ấy có thể giảng nói kinh, biết việc trong thiên hạ. Thân sắc của Át-ba-la-diên Đại thánh có tướng kỳ lạ.

Các Bà-la-môn cùng nói:

—Chỉ Át-ba-la-diên mới có thể đàm luận cùng Đức Phật được. Chúng ta thì không thể cùng đàm luận với Đức Phật.

Năm trăm người Bà-la-môn cùng bảo Át-ba-la-diên:

—Đức Phật cho rằng người trong thiên hạ chỉ có một chủng tánh. Dòng họ của chúng ta cùng với Sát-lợi, Điền gia, Công sư là khác nhau. Dòng họ của chúng ta từ Phạm thiêng mà có, sanh từ miệng Phạm thiêng, còn người trong thế gian này lại sanh ra từ các phía dưới. Đức Phật nói: “Thiên hạ có bốn chủng tánh, bốn chủng tánh này đều tốt như nhau”. Mong Át-ba-la-diên tự gắng sức cùng đi với chúng tôi đến chỗ Đức Phật để cùng biện luận.

Át-ba-la-diên nói:

—Đức Phật là người nắm giữ chánh đạo, có thể trả lời đúng theo chánh đạo. Như muốn đem chủng tánh Bà-la-môn đến để hỏi thì được, chờ không ai có thể bàn chánh đạo với Ngài được.

Năm trăm Bà-la-môn đều nói:

—Chúng ta tôn thờ Át-ba-la-diên làm thầy, sao lại không đến biện luận với Đức Phật về bốn chủng tánh này?

Họ nói với nhau như vậy đến hai, ba lần nên Át-ba-la-diên liền đứng dậy, cùng năm trăm Bà-la-môn đi đến rừng cây Kỳ-đà, nơi Đức Phật đang ngủ. Tôn giả A-nan bạch Đức Phật:

—Có người con của Bà-la-môn tên là Át-ba-la-diên, tuổi mới mươi lăm, mươi sáu, cùng đi với năm trăm Bà-la-môn lớn tuổi đến đây, đang ở bên ngoài.

Đức Phật bảo:

—Hãy mời vào.

Tôn giả A-nan đi ra mời Át-ba-la-diên vào. Át-ba-la-diên cùng

năm trăm Bà-la-môn đồng đứng, không đánh lễ Đức Phật, tự nói:

–Tôi có chút việc muốn hỏi Đức Phật.

Đức Phật bảo:

–Hãy ngồi xuống.

Át-ba-la-diên bạch Đức Phật:

–Tôi có điều muốn hỏi, Ngài có cho phép chăng?

Đức Phật nói:

–Nếu có điều gì nghi thì cứ hỏi.

Át-ba-la-diên thưa:

–Các Phạm chí nói: “Dòng tộc của chúng tôi khác với các dòng tộc Sát-lợi, Điền gia, Công sư, rằng: “Dòng tộc chúng tôi là con cháu của Phạm thiên. Tiên tổ của chúng tôi lúc sơ sinh đều sanh ra từ miệng của Phạm thiên, khi chết đều sanh lên cõi trời”

Đức Phật nói:

–Trong kinh của Ta không cho rằng các chủng loại khác nhau. Nếu như người Bà-la-môn lấy con gái của Sát-lợi, con gái của Sát-lợi sẽ sanh con. Người Sát-lợi lấy con gái của Điền gia, con gái của Điền gia sẽ sanh con. Người Điền gia lấy con gái của Công sư, con gái của Công sư sẽ sanh con. Người Công sư lấy con gái của Bà-la-môn, con gái của Bà-la-môn cũng sẽ sanh con.

Đức Phật nói:

–Trong kinh của Ta lấy hành động làm gốc. Nếu có hành động tốt đó là dòng dõi tối thượng. Những người được thiên hạ tôn quý đều do hành động thiện mà ra, chứ không phải do dòng dõi. Trong vô số kiếp về trước, Ta cũng sanh làm con của người Bà-la-môn, cũng sanh làm con của người Sát-lợi, cũng sanh làm con của Điền gia, cũng sanh làm con của Công sư, cho đến làm con của vua. Nay thân Ta là Phật.

Đức Phật bảo Át-ba-la-diên:

–Ta hỏi ngươi một việc. Hãy như sự thật trả lời.

Đức Phật nói:

–Ngươi có thấy người nơi thế gian là con của nhà lành, lại đi ở cho người ta, và con của người ở trở lại làm chủ chăng?

Át-ba-la-diên bạch Đức Phật:

–Tôi nghe trong nước Nguyệt chỉ có điều này.

**Đức Phật nói:**

—Vì lý do gì mà con của nhà lành trở lại đi ở, con người đi ở trở lại làm chủ? Đó là vì tâm, chí của kẻ nô tỳ làm điều thiện nên người ta cho làm con. Còn con mình mà phải làm nô tỳ là vì tâm chí nó làm điều ác, nên tự bán cho người khác để làm nô tỳ.

**Át-ba-la-diên thưa:**

—Nếu Ngài nói con người có chủng loại như vậy, thế thì dòng dõi của con người từ đâu sanh ra?

**Đức Phật hỏi:**

—Nếu bốn chủng tộc Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, và Công sư đều ưa sát sanh, ưa trộm cắp, ưa dâm dục, ưa nói hai lưỡi, ưa nói lời độc ác, ưa nói dối, ưa gièm pha, thích sống chung với người ngu si, thích sân hận, thích cúng tế... làm những hành vi như vậy, có đọa vào địa ngục không?

**Át-ba-la-diên nói:**

—Chủng tộc Bà-la-môn cho rằng dùng có làm điều ác nhưng chủng tộc của tôi là cao quý nhất, là con cháu được sanh ra từ miệng của Phạm thiên nên khi chết đều sẽ được sanh lên trời.

**Đức Phật nói:**

—Nếu người thuộc bốn chủng tộc Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư không có sát sanh, trộm cắp, dâm dục; không nói hai lưỡi, lời độc ác, lời dối trá, lời gièm pha; không thích sống chung với người ngu si, không thích sân hận, không thích cúng tế..., người như vậy sau khi chết há chẳng được sanh lên cõi trời?

**Át-ba-la-diên nói:**

—Những người như vậy đều được sanh lên cõi trời.

**Đức Phật nói:**

—Nếu nói vậy thì có liên quan gì đến chủng tánh?

**Ngài nói tiếp:**

—Loài người đều do tâm ý thức sanh ra. Nếu tâm ý thức làm điều tốt thì được sanh lên trời, sanh ở cõi người. Nếu tâm ý thức mà xấu thì sanh vào các loài trùng, thú, súc sanh, quỷ thần, địa ngục. Nếu có người dòng Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư làm điều ác thì đều phải sanh vào trong ba đường ác. Như vậy thì dòng dõi do đâu mà ra? Người dòng Bà-la-môn cũng có làm điều thiện, điều ác;

người dòng Sát-đế-lợi cũng có làm điều thiện, điều ác; người dòng Điền gia cũng có làm điều thiện, điều ác; người dòng Công sư cũng có làm điều thiện, điều ác. Nếu các ông tự nói rằng có chủng tộc, vậy chủng tộc ở chỗ nào? Nếu người Bà-la-môn đem lòng oán ghét hú không, người Sát-lợi, Điền gia, Công sư cũng đem lòng oán ghét hú không, đâu có thể làm hú không bị tổn thương? Theo ý đó thì biết: chỉ có dòng Bà-la-môn tự ôm lòng kiêu ngạo cho mình là hơn hết nơi thế gian này mà thôi. Người Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư vào trong khe nước lớn để tắm, ai cũng có thể tắm sạch các cầu bẩn ở trong nước, vậy ai có thể phân biệt được đâu là cầu uế của Bà-la-môn, đâu là cầu uế của Sát-lợi, cầu uế của Điền gia, cầu uế của Công sư?

Át-ba-la-diên thưa:

–Cầu uế đều ở chung ở trong khe nước lớn.

Đức Phật nói:

–Nên biết cầu uế ở chỗ nào. Vì sao các ông hoàn toàn không biết cầu uế của con người mà trở lại nói: “Chủng tánh của ta vốn ở trên trời, sanh ra từ miệng Phạm thiên, còn những chủng tánh khác đều sanh ra ở dưới, dòng dõi của chúng ta là tôn quý nhất trong loài người”.

Đức Phật bảo Át-ba-la-diên:

–Nếu có vị Quốc vương nghe nói nước nào, quận nào, huyện nào, làng xóm nào có Bà-la-môn và con của Bà-la-môn cao minh, có Sát-lợi và con của Sát-lợi cao minh, có Điền gia và con của Điền gia cao minh, có Công sư và con của Công sư cao minh, nhà vua liền triệu tất cả về để làm quan giúp vua, nhà vua có hỏi chủng tánh của người ấy không? Nếu người có tài cao sáng suốt thì nhà vua liền cấp cho đất đai nơi quận, huyện thích hợp. Sao vua lại không hỏi chủng tánh của kẻ ấy? Nếu người nói có chủng tánh thì này Át-ba-la-diên, lấy giới pháp ở chỗ nào? Từ các trưởng lão cho đến các bậc ngồi trên các trưởng lão gồm năm trăm người, sao ngươi lại không tra hỏi đâu là chủng loại? Đâu là thầy? Nếu có chủng tộc Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư và các chủng tánh khác, khi lạnh thì đều đến bên đống lửa lớn, lửa nóng đâu có sưởi ấm dành cho một chủng tộc nào, hơi ấm đều bình đẳng với mọi chủng tộc. Nếu có một chiếc thuyền lớn đi trên nước,

người Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, hay Công sư đều ở trên thuyền, thuyền đâu có riêng chở cho người Bà-la-môn, cũng đâu có riêng chở các chủng tộc khác?

Đức Phật bảo Át-ba-la-diên:

—Con của người Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư và con của các chủng tánh khác, thảy đều phải ở trong bào thai mẹ mười tháng, có thêm bớt không?

Át-ba-la-diên thưa:

—Tất cả đều phải ở trong bào thai mẹ mười tháng, không thêm không bớt.

Đức Phật nói:

—Tại sao các ngươi lại cho rằng dòng dõi của mình là con cháu của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên? Mặt trời, mặt trăng đối với dòng Bà-la-môn, Sát-lợi, Điền gia, Công sư cũng như các chủng tộc khác, sao lại không riêng chiếu cho một chủng tộc nào? Sao lại chiếu hết cho các chủng tộc?

Át-ba-la-diên thưa:

—Chủng tộc của tôi tự cho rằng dòng tộc mình hơn hẳn các chủng tộc khác.

Đức Phật bảo:

—Này Át-ba-la-diên, nếu con lừa cha lấy ngựa mẹ, sanh con thì gọi là gì?

Át-ba-la-diên thưa:

—Gọi nó là la.

Đức Phật bảo:

—Cha cũng không gọi là la, mẹ nó cũng không gọi là la, vậy sao gọi nó là la?

Át-ba-la-diên nói:

—Bởi vì tiên tổ chúng tôi gọi nó là la, nên chúng tôi cũng gọi là la.

Đức Phật hỏi:

—Nếu con ngựa là cha, lấy con lừa là mẹ, sanh con sao gọi nó là cự lư? Cha nó không có tên là cự lư, mẹ nó cũng không có tên cự lư, tại sao biết nó là cự lư?

Đáp:

—Vì tiên tổ chúng tôi gọi nó là cự lư, nên chúng tôi cũng gọi là cự lư.

Đức Phật hỏi:

—Nếu người Bà-la-môn lấy vợ là con gái của dòng Sát-lợi, người con gái của dòng Sát-lợi lúc sanh con, gọi đứa trẻ là gì? Nên gọi nó là dòng dõi Bà-la-môn hay Sát-lợi?

Át-ba-la-diên thưa:

—Con chẳng biết thuộc về chủng tộc nào?

Đức Phật nói:

—Nếu không tự biết chủng loại, sao gọi nó là la, là cự lư? Nếu người nữ là Sát-lợi lấy chồng là Bà-la-môn, sanh con, khi đã sanh vào nhà này, tùy theo sự tế tự, tùy theo chủng tánh, đứa bé ấy về sau thành bậc cao minh, các người có thừa nhận nơi chốn sanh ra ấy chẳng?

Thưa:

—Chúng tôi thừa nhận.

—Nếu người Bà-la-môn lấy vợ là Điền gia, người nữ Điền gia sanh con, nhưng đứa con ấy có tâm sát sanh, trộm cắp, dâm dật, nói hai lưỡi, nói lời ác độc, nói dối, gièm pha, thích theo người ngu si, sân hận, có tâm cung tế. Người có những hành vi ấy, các người có thuận theo với người ấy chẳng?

Thưa:

—Chúng tôi không thuận theo với đứa con có tâm ý thức làm những việc ác ấy. Chúng tôi sẽ trực xuất kẻ đó ra khỏi dòng họ chúng tôi.

Đức Phật nói:

—Nếu các ngươi tự cho: Chúng ta là con cháu của Phạm thiên, sanh ra từ miệng của Phạm thiên, khi chết được sanh lên trời, sao các ngươi chỉ chú trọng về tâm ý thức của kẻ ấy làm ác liền trực xuất họ ra ngoài? Thế sao các ngươi lại nói chủng tánh?

Đức Phật nói:

—Nếu trong dòng Bà-la-môn có kẻ ăn ở bất hiếu với cha mẹ, thích sát sanh, trộm cướp, làm mười điều ác, lúc chết người ấy sẽ đi về đâu?

Át-ba-la-diên nói: